

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO ANH TỚI

**MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT
ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – NĂM 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO ANH TỚI

**MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT
ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số: 9 38 01 04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS, TS. NGUYỄN NGỌC ANH

HÀ NỘI - NĂM 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu, số liệu nêu trong luận án được trích dẫn nguồn trung thực; các đề xuất, kết luận của luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Luận án được thực hiện dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Trung tướng, GS, TS. Nguyễn Ngọc Anh.

NGƯỜI CAM ĐOAN

Đào Anh Tới

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	8
1.1. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án	8
1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	24
1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án	25
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM.....	27
2.1. Mô hình tổ tụng hình sự và một số vấn đề về mô hình tổ tụng hình sự Việt Nam hiện nay	27
2.2. Khái niệm, đặc điểm mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự Việt Nam	49
2.3. Nội dung, hình thức mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự	58
2.4. Sự điều chỉnh của pháp luật đối với mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự	73
Chương 3: THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY	77
3.1. Thực trạng quy định của pháp luật liên quan đến mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự.....	77
3.2. Thực trạng tổ chức bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân.....	80
3.3. Thực trạng việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự	84

3.4. Nhận xét, đánh giá về thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay	112
--	-----

Chương 4: HOÀN THIỆN MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI..... 120

4.1. Những yêu cầu đặt ra đối với mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự.....	120
---	-----

4.2. Định hướng hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự	125
---	-----

4.3. Giải pháp hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự	129
--	-----

KẾT LUẬN	149
-----------------------	------------

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	151
---	------------

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	152
---	------------

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
CQCSĐT	:	Cơ quan Cảnh sát điều tra
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
ĐTƯ	:	Điều tra viên
KSĐT	:	Kiểm sát điều tra
KSV	:	Kiểm sát viên
KSXX	:	Kiểm sát xét xử
NCS	:	Nghiên cứu sinh
TAND	:	Tòa án nhân dân
THQCT	:	Thực hành quyền công tố
TTHS	:	Tố tụng hình sự
VAHS	:	Vụ án hình sự
VKSND	:	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu luận án

Trong TTHS có nhiều mối quan hệ tổ tụng hình thành trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự nhưng mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS là mối quan hệ tổ tụng đặc biệt giữa hai cơ quan cùng thực hiện chức năng buộc tội. Do đó, mối quan hệ này xuất hiện rất sớm cùng với hoạt động buộc tội và tác động đến hoạt động, kết quả của toàn bộ quá trình TTHS. Thực hiện tốt mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS là yếu tố bảo đảm cho các hoạt động buộc tội chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; góp phần hạn chế oan, sai, bỏ lọt tội phạm, bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong TTHS.

Trong hệ thống CQĐT, CQCSĐT giữ vai trò rất quan trọng, chịu trách nhiệm thụ lý, điều tra các loại tội phạm quy định ở 262/314 điều luật quy định về tội phạm cụ thể trong BLHS (83,4%), tương ứng với phần lớn số VAHS được phát hiện trong toàn quốc. Theo thống kê của Bộ Công an trong 10 năm qua, trung bình mỗi năm CQCSĐT tiếp nhận, thụ lý, giải quyết hơn 78.500 nguồn tin về tội phạm (chiếm khoảng 93% của cả nước); mỗi năm khởi tố, điều tra 70.000 vụ án với 100.000 bị can (chiếm khoảng 95% tổng số VAHS, 97% tổng số bị can đã phát hiện, khởi tố của cả nước) [73, tr.21]. Chất lượng hoạt động điều tra của CQCSĐT có nhiều chuyển biến tích cực; tỉ lệ án kết thúc điều tra đề nghị truy tố tăng, đã điều tra, khám phá nhiều chuyên án, vụ án lớn đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có liên quan đến tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, buôn lậu, giết người,... Tuy nhiên, hoạt động điều tra của CQCSĐT còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, dễ xảy ra tình trạng khởi tố, điều tra oan, sai, bỏ lọt tội phạm hoặc bức cung, nhục hình, xâm phạm quyền, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; làm giảm lòng tin của nhân dân vào hoạt động tư pháp, tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, trong đó có nguyên nhân từ quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS chậm được đổi mới theo yêu cầu cải cách tư pháp; cơ

ché phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan này chưa thực sự hợp lý nên chưa phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong TTTHS; quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT, VKSND trong hoạt động khởi tố, điều tra còn nhiều vướng mắc, bất cập nên hiệu quả công tác phối hợp chưa cao...

Xuất phát từ thực tiễn trên, trong điều kiện thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của CQĐT và VKSND, đặc biệt là mối quan hệ giữa hai cơ quan này trong TTTHS. Nhiều văn bản chỉ đạo của Đảng đề cập đến việc tăng cường hiệu quả quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKSND như: Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49-NQ/TW); Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW (Kết luận số 92-KL/TW), Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, XII. Gần đây nhất, trong phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI trình Đại hội XII xác định: “...*tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra*” [35]. Điều 107 Hiến pháp năm 2013 bên cạnh việc tiếp tục khẳng định VKSND THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp còn nhấn mạnh VKSND có nhiệm vụ: “*Bảo vệ quyền con người, quyền công dân*”. Thể chế hóa các quan điểm của Đảng, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức VKSND năm 2014, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 và BLTTTHS năm 2015 đã quy định về chức năng, nhiệm vụ của CQCSĐT và VKS đầy đủ, cụ thể hơn; ví dụ: bổ sung quy định về THQCT và kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; mở rộng các hoạt động điều tra bắt buộc KSV phải có mặt là: đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra; bổ sung thẩm quyền của VKS đối với việc áp dụng các biện pháp điều tra tổ tụng đặc biệt. Bên cạnh đó, còn nhiều quy định mới khác về tổ chức, bộ máy, vị trí, vai trò của CQCSĐT, VKSND trong TTTHS làm phát sinh

hiều vấn đề mới trong quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND nhưng chưa được nghiên cứu làm rõ.

Từ những lý do trên, để từng bước thực hiện có hiệu quả chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện cơ sở lý luận và đánh giá đúng thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS mang tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, nhằm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về mối quan hệ giữa hai cơ quan này, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành TTHS. Vì vậy, NCS lựa chọn vấn đề: “*Mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự Việt Nam hiện nay*” làm đề tài luận án tiến sĩ luật học, ngành Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự, mã số 9.38.01.04.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận của mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS; đánh giá thực trạng mối quan hệ tổ tụng này theo quy định của pháp luật TTHS hiện hành ở Việt Nam; qua đó, đề xuất giải pháp hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS theo định hướng cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và hội nhập quốc tế.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu về mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKSND ở nước ngoài và ở Việt Nam; những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.

- Phân tích mô hình, đặc trưng của TTHS Việt Nam; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT và VKSND; xây dựng khái niệm, xác định

đặc điểm, hình thức, nội dung mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

- Đánh giá các yếu tố liên quan đến việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS; thực trạng quan hệ tổ tụng này trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra VAHS; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tương trợ tư pháp về hình sự, những ưu điểm, tồn tại hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.

- Làm rõ các yêu cầu đặt ra đối với mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS trong quá trình thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 và pháp luật có liên quan đến tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra; đề xuất phương hướng, giải pháp, nhiệm vụ tăng cường, đổi mới mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn của mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS Việt Nam hiện nay.

Đối tượng nghiên cứu cụ thể, trực tiếp của luận án là tình hình, kết quả nghiên cứu về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND; khái niệm, đặc điểm, hình thức, nội dung của mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS và thực tiễn áp dụng; quan điểm, chủ trương của Đảng về hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng này trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành, từ khi CQCSĐT, VKSND tiếp nhận nguồn tin về tội phạm cho đến khi nhiệm vụ điều tra VAHS hoàn thành và trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về TTTHS.

Luận án nghiên cứu, đánh giá thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong thời gian 10 năm (từ năm 2008 đến năm 2018). Số liệu trong luận án được thu thập chủ yếu từ Cục thống kê tội phạm VKSND tối cao và Văn phòng CQCSĐT Bộ Công an.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; cơ sở lý luận của khoa học luật Hình sự và TTHS.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành và bảo đảm chất lượng luận án, trong quá trình nghiên cứu đề tài, nhiều phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra khảo sát, hệ thống hóa phù hợp với từng nội dung của luận án, cụ thể như sau:

- NCS sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh nhằm trình bày, làm rõ các quan điểm, quan niệm khoa học về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKS (có quốc gia gọi là cơ quan Công tố); pháp luật của một số nước ngoài về nội dung này. Trên cơ sở đó, NCS làm rõ khái niệm, đặc điểm, hình thức, nội dung, cơ sở pháp lý của mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS (các chương 1, 2).

- NCS sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, lịch sử để nghiên cứu, làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam; đánh giá thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS từ khi triển khai Nghị quyết số 49-NQ/TW, làm rõ ưu điểm, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng này. NCS cũng sử dụng phương pháp điều tra khảo sát để tìm hiểu nhận thức, quan điểm của các nhà chuyên

môn, ĐTV, KSV về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS (Chương 3).

- NCS sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, dự báo để làm rõ các yếu tố các yêu cầu đối với mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS thời gian tới; tổng hợp kết quả nghiên cứu, trình bày các quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN và đề xuất định hướng, giải pháp, nhiệm vụ đổi mới, hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam đáp ứng yêu cầu của tình hình mới (Chương 4).

- Phương pháp hệ thống hóa, được sử dụng trong toàn bộ luận án nhằm trình bày các vấn đề, các nội dung trong luận án theo một trình tự, một bố cục hợp lý, chặt chẽ, có sự gắn kết, kế thừa, phát triển các vấn đề, các nội dung để đạt được mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ đã được xác định cho luận án.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Luận án làm rõ hơn các vấn đề lý luận về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS ở Việt Nam hiện nay như: khái niệm, đặc điểm, nội dung, hình thức của mối quan hệ tổ tụng.

- Luận án phân tích, làm rõ các yếu tố tác động, chi phối mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS ở Việt Nam trong điều kiện nước ta đang thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN và hội nhập quốc tế.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS ở Việt Nam hiện nay để làm rõ những ưu điểm, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế của mối quan hệ tổ tụng này.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống và tương đối toàn diện về lý luận, thực tiễn mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt

Nam hiện nay; đề xuất định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS để góp phần thực hiện chủ trương cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN được ghi nhận trong văn kiện Đại hội lần thứ XI, XII của Đảng và Hiến pháp năm 2013.

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp các luận cứ khoa học cho các nhà nghiên cứu, những người làm công tác lập pháp tham khảo khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật TTHS, về tổ chức CQĐT hình sự và VKSND, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, góp phần hạn chế oan, sai, bỏ lọt tội phạm, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong TTHS.

Luận án là công trình nghiên cứu có giá trị phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập về pháp luật TTHS, điều tra hình sự trong các cơ sở đào tạo về pháp luật.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương; cụ thể là:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận án

Chương 2. Những vấn đề lý luận về mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự

Chương 3. Thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự Việt Nam hiện nay

Chương 4. Hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Trong quá trình nghiên cứu luận án, NCS đã tập hợp, nghiên cứu trên 50 cuốn sách, báo cáo chuyên đề, bài viết khoa học có đề cập đến mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT/CQCSĐT và VKS/cơ quan Công tố của nước ngoài dưới góc độ nghiên cứu về mô hình TTHS, tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, luật học, xã hội học và đi tìm ra căn nguyên của các xu hướng đổi mới, tổ chức, hoạt động và mối quan hệ của các cơ quan này. Kết quả cụ thể như sau:

1.1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về mối quan hệ Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát/cơ quan Công tố trong các mô hình tổ tụng hình sự và tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp

Theo tiêu chí trên, có hơn 30 công trình nghiên cứu về mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT/CQCSĐT và VKS/cơ quan Công tố trong TTHS ứng với các mô hình TTHS và cách chức tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp của một số quốc gia trên thế giới, như: “*Các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới*” của Michel Fromont (2006) [46]; “*Hệ thống pháp luật nước Anh*” của G.Slapper và D.Kelly [101]; “*Mô hình tổ tụng và tố tụng*” của Jolowick [103]; “*Tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp của Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Nhật Bản, Hàn Quốc và Nga*”, của các tác giả: PGS, TS. Vivienne, TS. Simon Butt, PGS, TS. Luke Nottage, GS. Kent Anderson, GS. Makoto Ibusuki, GS. David Johnson, GS. Byung – Sun Cho, GS. Tom Ginsburg, GS. William E. Butler [23]; “*Vượt qua tranh tụng tại phiên tòa hình sự nước Mỹ*” của G.V.Kessel [102]; “*So sánh pháp luật tố tụng hình sự*” của Donald Chiasson công bố trên Kỷ yếu Hội thảo về TTHS tại Đà Lạt tháng 9/2003...; kết quả khái quát như sau:

- Nhóm các quốc gia tổ chức cơ quan Công tố, căn cứ vào mô hình TTHS mà các quốc gia này áp dụng lại chia làm hai loại sau:

+ Đối với các quốc gia áp dụng mô hình TTTH thẩm vấn (Cộng hòa Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản, Hàn Quốc...), cơ quan Công tố thực hiện chức năng buộc tội từ giai đoạn điều tra đến giai đoạn xét xử. Cơ quan Công tố có vai trò quan trọng trong hoạt động điều tra, có quyền chỉ đạo hoạt động điều tra của Cảnh sát, quyết định các nhiệm vụ tố tụng, ban hành các mệnh lệnh, chỉ thị trong giai đoạn điều tra. Lực lượng Cảnh sát tư pháp, ĐTV có trách nhiệm thi hành các mệnh lệnh, chỉ thị của Cơ quan Công tố và Công tố viên. Người đứng đầu cơ quan Công tố có thể trực tiếp miễn nhiệm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kỷ luật ĐTV không chấp hành theo mệnh lệnh, chỉ đạo của Công tố viên mà không có lý do chính đáng. Pháp luật TTTH của hầu hết các quốc gia áp dụng mô hình TTTH thẩm vấn đều quy định cơ quan Công tố có thẩm quyền trực tiếp điều tra đối với mọi tội phạm nếu thấy cần thiết hoặc đối với một số tội phạm cụ thể (cơ quan Công tố Cộng hòa Liên bang Đức điều tra bất cứ vụ án nào nếu thấy cần thiết; cơ quan Công tố Nhật Bản có thẩm quyền điều tra các vụ án tham nhũng lớn, gian lận thương mại; cơ quan Công tố Hàn Quốc điều tra một số tội phạm về tham nhũng, ô nhiễm môi trường, trốn thuế, ma túy... Khi tiến hành điều tra, Công viên có quyền chỉ huy Cảnh sát để hỗ trợ mình). Tuy nhiên, trên thực tế lực lượng Cảnh sát tư pháp và ĐTV vẫn đóng vai trò chính trong hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, phục vụ cơ quan Công tố tiến hành truy tố người phạm tội tại phiên tòa.

+ Đối với các quốc gia áp dụng mô hình TTTH tranh tụng (Vương quốc Anh, Mỹ, Australia, In-đô-nê-xi-a,...), hoạt động điều tra chủ yếu do lực lượng Cảnh sát tiến hành, cơ quan Công tố không phê chuẩn các quyết định của Cảnh sát điều tra, không can thiệp sâu vào quá trình điều tra mà chỉ tư vấn cho Cảnh sát về các vấn đề pháp lý hình sự. ĐTV được khuyến khích lấy ý kiến tư vấn của Công tố viên, nhất là đối với những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp. Tuy nhiên, ý kiến tư vấn đó không có giá trị bắt buộc phải thực hiện, ĐTV vẫn phải tự chịu trách nhiệm về quyết định, hành vi tố tụng của mình. Sau khi việc điều tra kết thúc, cơ quan Công tố thẩm định, đánh giá chứng cứ một cách độc lập, nếu thấy đủ căn cứ buộc tội thì quyết định truy tố và thực hiện quyền buộc tội tại Tòa; nếu không đủ căn cứ buộc tội thì trả hồ sơ cho CQCSĐT.

Một điểm đáng lưu ý khác đó là cơ quan Công tố chỉ thực hiện quyền công tố nhưng không thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Tòa án thực hiện chức năng xét xử và giám sát vào hoạt động điều tra, truy tố bảo đảm cho hoạt động này chấp hành đúng pháp luật. Cảnh sát tư pháp, ĐTV không có quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế tố tụng mà chỉ có quyền đề nghị áp dụng và trực tiếp thi hành lệnh theo quyết định của Tòa án. Đây chính là điểm khác biệt giữa mô hình cơ quan Công tố và mô hình VKS.

- Nhóm các quốc gia tổ chức VKS (Trung Quốc, Lào, Liên bang Nga, Hungari, Bungari, Phần Lan, Belarus, Tazgikistan, Turkenistan, Ucraina,...), sự khác nhau căn bản giữa mô hình Viện Công tố và VKS là phạm vi chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động trong TTHS. Nếu như Viện Công tố chỉ thực hiện chức năng buộc tội, thì VKS vừa thực hiện chức năng buộc tội, vừa kiểm sát các hoạt động tư pháp không chỉ trong lĩnh vực TTHS mà còn ở lĩnh vực dân sự, hành chính, kinh tế, lao động... Hầu hết các quốc gia có tổ chức VKS đều áp dụng mô hình TTHS thiên về thẩm vấn, do đó CQCSĐT và VKS có mối quan hệ chặt chẽ, vừa phối hợp, kiểm soát lẫn nhau khi thực hiện các hoạt động TTHS. Ngoài việc định hướng, chỉ đạo hoạt động điều tra của CQCSĐT, VKS còn thực hiện chức năng giám sát, yêu cầu CQCSĐT chấm dứt các hoạt động trái pháp luật. Các ý kiến của VKS trong quá trình điều tra có hiệu lực bắt buộc đối với CQCSĐT. VKS có quyền yêu cầu CQCSĐT khởi tố vụ án, áp dụng biện pháp ngăn chặn, xem xét lại các quyết định tố tụng của CQCSĐT và đình chỉ điều tra nếu xét thấy không đủ chứng cứ buộc tội. Không chỉ thực hiện nhiệm vụ kiểm sát, VKS có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra nếu thấy cần thiết hoặc điều tra toàn bộ VAHS về tội phạm tham nhũng, chức vụ, giam giữ trái phép, bức cung nhục hình, hối lộ trong hoạt động tư pháp,...

Các công trình đã nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tương đối toàn diện về mô hình TTHS và cách thức tổ chức bộ máy, hoạt động của các cơ quan tư pháp, mối quan hệ giữa công tố và điều tra của các quốc gia có nền tư pháp hoạt động ổn định, tiên tiến hoặc có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam. Qua đó cho thấy

pháp luật của phần lớn các quốc gia quy định CQĐT chuyên trách được tổ chức trong cơ quan Nội vụ, Công an, Cảnh sát và chịu trách nhiệm điều tra hầu hết các loại tội phạm. VKS/cơ quan Công tố có nhiệm vụ truy tố, buộc tội bị can tại phiên tòa trên cơ sở kết điều tra của CQCSĐT. Tùy vào mô hình TTHS được áp dụng mà quan hệ giữa CQCSĐT và VKS/cơ quan Công tố trong TTHS có những nét đặc trưng sau đây:

- Đối với quốc gia áp dụng mô hình TTHS tranh tụng, giữa CQCSĐT và VKS/cơ quan Công tố có mối quan hệ phân công rõ ràng, rành mạch về chức năng, nhiệm vụ. Trong giai đoạn điều tra, CQCSĐT và cơ quan Công tố ít có mối liên hệ và cơ quan Công tố cũng không có nhiệm vụ giám sát hoạt động điều tra của CQCSĐT. CQCSĐT chủ động nhiệm vụ, quyền hạn của mình một cách độc lập để điều tra, thu thập các chứng cứ buộc tội, sau đó chuyển cho cơ quan Công tố để ra quyết định việc truy tố và buộc tội bị can tại phiên tòa. Tuy nhiên, do không tham gia sâu vào quá trình điều tra nên Công tố viên thường gặp khó khăn trong việc tranh tụng, nhất là với các luật sư giỏi, có kinh nghiệm để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trước thẩm phán chủ tọa và hội đồng bồi thẩm (đối với quốc gia có áp dụng chế độ xét xử bồi thẩm). Do đó, trên thực tế có những vụ án bên thắng trong tranh tụng không phải là bên đúng mà chỉ là bên chứng minh được trước tòa là mình đúng, dẫn đến bỏ lọt tội phạm và hành vi phạm tội.

- Đối với quốc gia áp dụng mô hình TTHS thẩm vấn, giữa CQCSĐT và VKS/cơ quan Công tố có mối quan hệ vừa phối hợp, vừa kiểm soát, chế ước lẫn nhau trong việc thực hiện hoạt động TTHS. VKS/cơ quan Công tố có nhiều quyền hạn để tác động, can thiệp vào hoạt động điều tra với các mức độ khác nhau, có thể chỉ giám sát, phê chuẩn quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn của CQCSĐT để bảo đảm hoạt động điều tra khách quan, chính xác, đúng pháp luật nhưng cũng có quốc gia giao cho VKS quyền ra quyết định việc khởi tố VAHS, khởi tố bị can, biện pháp ngăn chặn và chỉ đạo CQCSĐT điều tra vụ án. Trong toàn bộ quá trình điều tra, Công tố viên luôn

song hành với ĐTV và ra các ý kiến chỉ đạo, định hướng trong trường hợp cần thiết. So với mô hình TTHS tranh tụng, quan hệ giữa CQCSĐT và VKS/cơ quan Công tố trong mô hình TTHS thâm vấn chặt chẽ, phức tạp hơn với nhiều nội dung, tính chất đan xen nhau. VKS/cơ quan Công tố thực hiện chức năng buộc tội ngay từ giai đoạn điều tra nên gặp nhiều thuận lợi trong việc tranh tụng, bảo vệ quan điểm buộc tội tại phiên tòa, hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, việc hai cơ quan phối hợp chặt chẽ từ giai đoạn điều tra đến truy tố làm cho thời hạn tiến hành TTHS bị kéo dài, tính chủ động, độc lập của ĐTV, KSV/Công tố viên thấp, dễ dẫn đến việc buộc tội đi theo định kiến cá nhân, thiếu khách quan, chính xác.

1.1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về xu hướng đổi mới tổ chức, hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát và mối quan hệ giữa hai cơ quan này

NCS đã sưu tầm, nghiên cứu gần 20 công trình khoa học của các tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu về cải cách tư pháp và xu hướng đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan tiến hành TTHS, lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm, VKS/cơ quan Công tố nước ngoài nhằm vừa bảo đảm phòng ngừa, kiểm soát có hiệu quả tình hình tội phạm, vừa bảo đảm được quyền con người trong hoạt động tư pháp; cụ thể là

- Báo cáo nghiên cứu chính sách: “Thách thức trong cải cách công tác Cảnh sát: nâng cao hiệu quả và trách nhiệm”, TS. Charles T. Call (2002), Viện Hòa bình thế giới, Liên hợp quốc [98];

Báo cáo phân tích thực tiễn cải cách tổ chức và hoạt động Cảnh sát ở một số quốc gia trên thế giới, làm rõ các xu hướng chính và những yêu cầu đối với việc nâng cao hiệu quả và tính trách nhiệm của công tác Cảnh sát. Theo tác giả, công tác phòng, chống tội phạm càng hiệu quả thì tính trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân càng hạn chế; việc pháp luật quy định tăng cường quyền của bị can, bị cáo, người bị tình nghi có thể giới hạn quyền lực của lực lượng Cảnh sát; việc bảo đảm các quyền của bị can, bị cáo

được điều tra, xét xử nhanh chóng có thể không được bảo đảm nếu thiếu sự kiểm tra, giám sát quá trình thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Cảnh sát. Tuy vậy, nhằm bảo đảm tính trách nhiệm và từ đó, nâng cao hiệu quả của lực lượng thực thi pháp luật không thể thiếu các cơ chế giám sát nội bộ và giám sát của các tổ chức, cá nhân ngoài lực lượng CSĐT, đặc biệt là của cơ quan lập pháp và cơ quan Công tố.

- *Báo cáo nghiên cứu về hệ thống tư pháp Liên bang Nga và một số nước Đông Âu*, GS. William E. Butler, Trường Đại học tổng hợp quốc gia Pennsylvania, năm 2010 [106];

Báo cáo nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan tư pháp Liên bang Nga và một số nước Đông Âu như: Ukraina, Hungary, Ba Lan, Czech,...). Đây là các quốc gia có sự kế thừa hệ thống pháp luật XHCN nhưng đang trong quá trình chuyển đổi một cách mạnh mẽ từ hệ thống TTHS thẩm vấn, thiên về công tố sang hệ thống TTHS mang nhiều màu sắc của TTHS dựa trên hoạt động tranh tụng bình đẳng, công khai; vai trò của bên buộc tội gồm CQĐT, VKS từ việc bao trùm lên toàn bộ quá trình điều tra, thậm chí quyết định hoạt động xét xử nay từng bước được sắp xếp lại ngang bằng với bên bào chữa và các chủ thể tham gia tố tụng khác; vị trí, vai trò của Tòa án được nâng cao hơn, thẩm phán không chỉ có nhiệm vụ xét xử mà còn có giám sát hoạt động điều tra của CQĐT, VKS và bảo vệ các quyền cá nhân. Do đó, quyền công tố trong hoạt động điều tra của CQĐT không còn mạnh như trước, VKS vẫn thực hiện chức năng giám sát hoạt động điều tra nhưng khi không đồng ý với yêu cầu, chỉ thị, quyết định của VKS, CQĐT có quyền kiến nghị, báo cáo lên cấp trên hoặc khiếu nại đến Tòa án. Tòa án có thẩm quyền phê chuẩn các biện pháp cưỡng chế liên quan đến quyền tự do hiến định của công dân. Mở rộng quyền giám sát đối với hoạt động điều tra trước khi xét xử được các quốc gia coi là giải pháp quan trọng bảo đảm cho hoạt động thu thập chứng cứ của CQĐT, VKS hợp pháp, hiệu quả, tránh sự vi phạm của ĐTV, KSV đối với những người tham gia tố tụng.

- *Sổ tay dành cho những người quan tâm đến công tác chống buôn bán ma túy trái phép và các chất hướng thần*, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, năm 2000 [100].

Cuốn sách này trình bày các vấn đề liên quan trực tiếp đến hoạt động của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy và Công tố của Mỹ trong việc điều tra, phối hợp điều tra các vụ án về ma túy. Theo đó, cơ quan Công tố Mỹ không giám sát hoạt động điều tra của lực lượng CSĐT tội phạm về ma túy mà họ giữ vai trò chỉ dẫn những hoạt động điều tra cơ bản và thực hiện quyền truy tố tội phạm về ma túy ra trước Tòa án. Tác giả cũng cho rằng với quy định của pháp luật Hoa Kỳ, một quốc gia theo truyền thống án lệ, Công tố viên như là một người gác cổng của thiết chế. Ưu điểm của mô hình này là hạn chế được sự lạm quyền, vi phạm pháp luật của ĐTV nhưng hay dẫn đến xung đột giữa ĐTV và Công tố viên trong quá trình áp dụng các biện pháp điều tra hình sự.

- *Kiểm soát tham nhũng và hành vi lạm quyền: nghiên cứu so sánh hoạt động của Cảnh sát Hồng Kông và New York*, Allan Y. Jiao, Tạp chí Tội phạm học châu Á, 2010 số 5 [97].

Bài viết nhấn mạnh sự cần thiết kiểm soát hành vi tham nhũng và lạm quyền của Cảnh sát khi thi hành công vụ đã được phân tích dưới góc độ luật pháp so sánh quốc tế. Tác giả phân tích kinh nghiệm của Cảnh sát Hồng Kông (Trung Quốc) và Cảnh sát New York, Hoa Kỳ về chủ đề này. Cảnh sát New York và Hồng Kông đều thành lập một cơ quan độc lập nhằm xem xét, quyết định hành vi tham nhũng và lạm quyền của lực lượng Cảnh sát. Ở New York, cơ quan này là một đơn vị trong lực lượng Cảnh sát, nhưng độc lập với đơn vị điều tra hình sự. Còn ở Hồng Kông, việc kiểm soát lực lượng Cảnh sát được giao cho các tổ chức, thiết chế bên ngoài lực lượng này và được tổ chức trong cơ quan Công tố, tổ chức xã hội, cơ quan dân cử... Qua so sánh, đánh giá thực tiễn tác giả kết luận việc duy trì các thiết chế kiểm soát từ bên ngoài hệ thống Cảnh sát hiệu quả hơn các tổ chức nằm trong Cảnh sát.

- Các bài viết: “*Chế độ kiểm sát Trung Quốc*” của TS. Ngô Phi Phi [53]; “*Mô hình cho cải cách phiên toà hình sự ở Đông Âu – Một cái nhìn so sánh*” của J. Herrmann [104]; “*Cấu trúc mới cho Cảnh sát - miêu tả, ý tưởng và chương*

trình nghiên cứu” của David H. Bayley và Clifford D. Shearing thuộc Cơ quan tư pháp quốc gia Hoa Kỳ [99]; “*Cải cách công tác Cảnh sát ở châu Mỹ La Tinh*” của Stephen Johnson và Lohanna Mendelson ở Trung tâm nghiên cứu vấn đề chiến lược quốc tế (CSIS) [105]; và một số công trình của các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu về tổ chức, hoạt động TTHS nước ngoài như: *Tổ chức và hoạt động điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát/Viện Công tố một số nước trên thế giới – Những kinh nghiệm rút ra đối với việc đổi mới Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân*, PGS, TS. Nguyễn Ngọc Chí [24]; “*Cải cách tư pháp ở Ba Lan – Lựa chọn khó khăn*” của Hải Minh đăng trên tuoitre.vn>cai-cach-tu-phap-ba-lan [47]; “*EU cảnh báo Romania về cải cách tư pháp*” của Hải Dương đăng trên www.dangcongsan.vn>quoc-te>tin-tuc...

Tuy có nội dung khác nhau nhưng các bài viết đã cung cấp nhiều kiến thức về sự cần thiết và bài học kinh nghiệm trong cải cách tư pháp, đổi mới tổ chức, hoạt động của CQCSĐT, lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm, VKS/Viện Công tố, nhằm bảo đảm độc lập của các cơ quan tiến hành TTHS nhưng phải tăng cường mối quan hệ kiểm soát trong hoạt động điều tra để phòng, chống sự lạm quyền, tham nhũng... Đây là vấn đề mà nhiều quốc gia đang tập trung giải quyết. Kinh nghiệm cho thấy cải cách tư pháp thiếu thận trọng, nóng vội, áp đặt, vi phạm nguyên tắc độc lập của hoạt động tư pháp sẽ không đạt kết quả, thậm chí dẫn đến bất ổn chính trị, làm suy yếu các nỗ lực phòng, chống tội phạm của các cơ quan tiến hành TTHS.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Ở nước ta, đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS dưới nhiều góc độ khác nhau; NCS phân chia thành các nhóm tài liệu sau:

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về mô hình tổ tụng hình sự và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự

NCS đã tiếp cận, nghiên cứu 24 cuốn sách, đề tài, luận án, luận văn, bài báo, báo cáo chuyên đề, tham luận khoa học nghiên cứu về tư pháp hình sự, mô

hình TTHS để làm rõ các vấn đề: lịch sử hình thành các học thuyết về tư pháp hình sự, mô hình TTHS phổ biến hiện nay trên thế giới; nguyên tắc, cách thức tổ chức, vận hành của các cơ quan tiến hành TTHS trong các mô hình TTHS; lịch sử, thực trạng mô hình TTHS của Việt Nam hiện nay và xu hướng cải cách tư pháp trong thời gian tới. Đây là những vấn đề quan trọng, có tính quyết định đến cách thức tổ chức, hoạt động CQCSĐT, VKSND trong các thời kỳ và mối quan hệ tổ tụng giữa hai cơ quan này trong TTHS Việt Nam hiện nay. Cụ thể như sau:

- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài khoa học độc lập cấp nhà nước: “*Quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”, do TS. Nguyễn Văn Quyền là chủ nhiệm đề tài, năm 2016 [67].

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Trong đó nghiên cứu về các cơ quan thực hiện quyền tư pháp, các hoạt động tư pháp, hỗ trợ tư pháp có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Đề tài có đề cập đến quá trình hình thành, thay đổi về tổ chức và hoạt động CQCSĐT, VKSND trong các thời kỳ lịch sử, những ưu điểm, hạn chế, tồn tại trong hoạt động của từng cơ quan và những vấn đề đặt ra trong thời kỳ cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài, các tác giả đề xuất mô hình tổ chức thực hiện quyền tư pháp sau năm 2020 của Việt Nam đạt đến trình độ của một nền tư pháp hiện đại, trong đó đòi hỏi phải nâng cao vai trò của Công tố, gắn Công tố với hoạt động điều tra, nâng cao trách nhiệm của Công tố trong hoạt động điều tra [67, tr.157].

- Sách chuyên khảo: “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*” của TS. Lê Hữu Thế, TS. Đỗ Văn Đương, Ths. Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2013 [71].

Đây là công trình nghiên cứu về lý luận về TTHS và thủ tục TTHS, thực tiễn thực hiện ở Việt Nam, những tiền đề, thách thức và yêu cầu đặt ra đối với

việc đổi mới, hoàn thiện thủ tục TTTHS ở Việt Nam. Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề cập đến mối quan hệ giữa CQĐT và VKSND khi phân tích chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của CQĐT và VKS, đặc biệt là với cơ chế “công tố gắn với điều tra” có hai loại ý kiến khác nhau, VKS chỉ đạo điều tra hoặc KSV trực tiếp làm công tác điều tra và công tố. Thực hiện cơ chế này đòi hỏi KSV phải giỏi về nghiệp vụ điều tra. Hiện tại ở nước ta chưa có được đội ngũ KSV như thế nên đặt vấn đề công tố chỉ đạo điều tra là chưa phù hợp, quá sớm. Do vậy, cần tiếp tục duy trì các quyền hạn của VKS đối với hoạt động điều tra như hiện nay nhưng tăng cường hơn trách nhiệm của VKS, KSV trong điều tra; đưa ra yêu cầu điều tra ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra; tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết [71, tr.158].

- Đề án “*Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam*” của Ban cán sự Đảng VKSND tối cao, năm 2011 [6]. Đề án đã làm rõ những đặc trưng cơ bản của mô hình TTTHS thẩm vấn, mô hình TTTHS tranh tụng và xu hướng biến động của các mô hình TTTHS này. Về mô hình TTTHS Việt Nam, qua việc nghiên cứu pháp luật Việt Nam và đối chiếu với các mô hình TTTHS của các nước, Đề án cho rằng Việt Nam đang áp dụng mô hình TTTHS thẩm vấn có kết hợp các yếu tố tích cực của mô hình TTTHS tranh tụng. Trên cơ sở đó, Đề án đưa ra các quan điểm, giải pháp để hoàn thiện vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành TTTHS, trong đó có CQĐT và VKS theo xu hướng văn minh, hiện đại, vừa có tính kế thừa, vừa có tính phát triển, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta trong thời kỳ hội nhập và phát triển.

- Luận án tiến sĩ luật học: “*Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam và vấn đề áp dụng tố tụng tranh tụng*” của Nguyễn Thị Thủy, đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014 [72].

Luận án nghiên cứu về lý luận, lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm, ưu thế, hạn chế của các mô hình TTTHS trên thế giới và xu thế phát triển chung của các mô hình TTTHS; mô hình TTTHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay, đánh giá thực tiễn áp dụng với những mặt tích cực và hạn chế của mô hình TTTHS hiện

hành, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị về phương hướng, giải pháp tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình TTTH tranh tụng đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; trong đó VKS phải quản lý được toàn bộ đầu vào nguồn tin của tội phạm, bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa CQĐT và VKS trong suốt quá trình điều tra vụ án.

- *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, GS. TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên), Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2004 [79]. Trong đó, tác giả đã phân tích những nội dung cơ bản của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐT, VKS trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự. Đây là những nội dung bình luận khoa học, làm rõ một số khái niệm, thủ tục, nội dung của các hoạt động TTTH được quy định trong pháp luật hiện hành, làm tài liệu tham khảo tốt góp phần thống nhất nhận thức đối với các nhà nghiên cứu, cán bộ hoạt động thực tiễn.

- Các công trình, bài viết khác như: Sách chuyên khảo *“Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”* của PGS, TS. Nguyễn Hòa Bình (chủ biên), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, năm 2016 [9]; Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn từ nay đến 2020”*, do PGS, TS. Bùi Nguyên Khánh làm chủ nhiệm, năm 2010 [41]; *“Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và những vấn đề đặt ra đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm”* của PGS, TS. Trần Đình Nhã đăng trên Tạp chí Công an nhân dân kỳ 2 tháng 5/2017; *“Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và những vấn đề đặt ra cho lực lượng Cảnh sát điều tra”* của PGS, TS. Trần Thành Hưng đăng trên Tạp chí Công an nhân dân kỳ 2 tháng 5/2017; *“Các chức năng của tố tụng hình sự một số nước trên thế giới”* của TS. Đinh Thị Mai đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 10/2017; *“Hình thức tố tụng hình sự ở Việt Nam và những vấn đề cần nghiên cứu hoàn thiện”* của Ths. Dư Hoàng Châu đăng trên Tạp chí Công an nhân dân kỳ 2/2017; *“Quyền tư pháp và một số nguyên tắc cơ*

bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của Phí Thành Chung trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 7/2017; “Xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo Hiến pháp năm 2013” của GS, TS. Trần Ngọc Đường trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 12/2017...

Trên cơ sở thực trạng công tác tư pháp của nước ta và nhu cầu hoàn thiện nền tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế, các công trình đều khẳng định mô hình TTTHS của nước ta thiên về mô hình TTTHS thẩm vấn, trong thời gian tới cần tiếp thu những yếu tố hợp lý của mô hình TTTHS tranh tụng, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của CQCSĐT và VKSND theo hướng phân định rõ ràng, rành mạch hơn, gắn công tố với điều tra, nâng cao vai trò, quyền hạn của KSV trong hoạt động điều tra, tạo tiền đề cho việc nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

1.1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

Để phục vụ xây dựng luận án, NCS đã tổng hợp, nghiên cứu 41 công trình khoa học đề cập đến vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của CQCSĐT, VKSND trong TTTHS; cụ thể như sau:

- Đề tài khoa học trọng điểm cấp bộ: “*Cải cách tư pháp trong Công an nhân dân – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của PGS, TS. Nguyễn Ngọc Anh, năm 2009 [5]. Công trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn cải cách tư pháp trong Công an nhân dân, trong đó có quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của CQCSĐT. Để nâng cao chất lượng hoạt động của CQCSĐT, tác giả khẳng định phải xem xét sửa đổi, bổ sung quy một số quy định của BLTTTHS năm 2003 cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền của CQĐT và VKS như: VKS không đề ra yêu cầu điều tra đối với CQĐT mà đề ra yêu cầu chứng minh và yêu cầu CQĐT tiến hành chứng minh; quy định quyền kiến nghị của CQĐT đối với những yêu cầu và quyết định trái pháp luật của VKS cùng cấp [5, tr.161]. Đây là một nội dung của mối quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKS trong TTTHS, có giá trị tham khảo trong quá trình thực hiện luận án.

- Đề án “*Nghiên cứu tổ chức lại hệ thống Cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối*” của Đảng ủy Công an Trung ương [36]. Đề án nghiên cứu, làm rõ lịch sử hình thành, một số vấn đề có tính lý luận và thực tiễn của hệ thống CQĐT, trong đó tập trung vào CQCSĐT. Đề án phân tích mối quan hệ giữa CQĐT và VKS dưới góc độ pháp luật thực định, các ưu, nhược điểm và dự báo xu hướng thời gian tới, góp phần giúp cho NCS nhìn nhận, đánh giá chính xác hơn về mối quan hệ tổ tụng này trong giai đoạn hiện nay [36, tr.21].

- Sách chuyên khảo: “*Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra theo định hướng cải cách tư pháp*”, GS, TS. Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên) [4]. Cuốn sách nghiên cứu lý luận, thực trạng hệ thống pháp luật về tổ chức và hoạt động của CQĐT cũng như việc thi hành các quy định pháp luật này trong thực tiễn. Khi phân tích các quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa CQĐT và VKS, tác giả cho rằng đây không phải là mối quan hệ chấp hành, điều hành mà là mối quan hệ phối hợp, chế ước trong tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước, nhằm thực hiện có hiệu quả và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình tố tụng. Do tiếp cận từ góc độ khoa học pháp lý nên cuốn sách chủ yếu đề cập đến thực trạng và phương hướng hoàn thiện pháp luật về tổ chức CQĐT nhưng có ý nghĩa quan trọng và giá trị tham khảo trong quá trình NCS thực hiện luận án [4, tr.95].

- Đề án “*Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố*” của Ban cán sự Đảng VKSND tối cao [7]. Đề án nghiên cứu, tìm hiểu VKS/cơ quan Công tố của một số nước trên thế giới, làm rõ lịch sử hình thành, phát triển của VKSND của Việt Nam, cơ sở lý luận và thực tiễn xác định trong điều kiện của nước ta cần thiết tiếp tục duy trì và hoàn thiện mô hình VKS hay chuyển thành Viện Công tố. Qua đánh giá kết quả hoạt động của VKS, đề án đã đề cập đến một số vấn đề về lý luận và thực tiễn của mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong TTHS.

- Luận án tiến sĩ: “*Quyền công tố ở Việt Nam*” của TS. Lê Thị Tuyết Hoa [40]. Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền công tố, đánh giá thực trạng tổ chức THQCT, thực chất là hoạt động của VKS trong TTHS

ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hoạt động của VKS trong TTTHS, trong đó có hoạt động THQCT và giám sát hoạt động điều tra của CQĐT.

- Các công trình khoa học khác như: Sách chuyên khảo: *“Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra”* của TS. Lê Hữu Thế (chủ biên) [70]; luận án tiến sĩ: *“Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án xâm phạm tính mạng sức khỏe của con người”* của Lê Minh Long bảo vệ tại Học viện Cảnh sát nhân dân năm 2013 [43]; luận văn thạc sĩ *“Viện kiểm sát nhân dân trong điều kiện cải cách tư pháp”* của Phạm Thị Đào bảo vệ tại Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội năm 2011; bài viết *“Hoàn thiện tổ chức Cơ quan điều tra theo tinh thần cải cách tư pháp”* của PGS, TS. Trần Vi Dân đăng trên Tạp chí Công an nhân dân số 9/2010; *“Giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn sai phạm trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm”* của Vũ Quang Hưng đăng trên Tạp chí Công an nhân dân kỳ 1 tháng 12/2016; *“Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014”* của Lê Ngọc Duy đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 21/2015; *“Những giải pháp khắc phục thiếu sót, vi phạm về nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự”* của TS. Nguyễn Kim Sáu đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 12/2013; *“Bàn về thẩm quyền điều tra của lực lượng Cảnh sát điều tra”* của TS. Triệu Văn Đạt đăng trên Tạp chí Công an nhân dân kỳ 2 tháng 9/2013; *“Tăng cường các biện pháp kiểm sát bảo đảm việc bắt, tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tuân thủ đúng pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”* của các Vũ Huy Thuận và Bùi Thị Tú Oanh đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 9/2017; *“Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự”* của TS. Nguyễn Thị Thủy [9, tr.125-144]; *“Chế định truy tố”* của Hoàng Nghĩa Mai [9, tr.299-313]; *“Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong cơ chế thực hiện và kiểm soát quyền tư pháp trong nhà nước*

pháp quyền ở nước ta hiện nay- Thực trạng và phương hướng hoàn thiện” của GS, TS. Trần Ngọc Đường [39]...

Các công trình trên nghiên cứu chuyên sâu về tổ chức, hoạt động CQCSĐT và VKSND trong TTHS, đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của CQCSĐT, VKSND trong TTHS có ý nghĩa thiết thực đối với việc nghiên cứu luận án của NCS.

1.1.2.3. Nhóm công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa hoạt động điều tra và thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

Trong nhóm này, NCS đã tìm hiểu, nghiên cứu trên 20 công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa hoạt động điều tra và hoạt động THQCT và KSĐT, giữa CQĐT và VKS trong TTHS; cụ thể như sau:

- Sách tham khảo: *“Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp”* do TS. Nguyễn Hải Phong làm chủ biên [54]. Cuốn sách tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, lý giải mối quan hệ giữa hoạt động điều tra và hoạt động THQCT, KSĐT; nội dung quan điểm và các phương diện tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, đồng thời tác giả đưa ra một số giải pháp để thực hiện.

- Sách tham khảo: *“Quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong giải quyết các vụ án ma túy”* của Ths. Nguyễn Thị Mai Nga [49]. Công trình đề cập một cách khá toàn diện quan hệ tố tụng giữa VKSND với CQCSĐT ở phương diện lý luận và thực tiễn nhưng chỉ đặt trong phạm vi giải quyết các vụ án ma túy. Tuy nhiên, đây vẫn là một tài liệu quan trọng để NCS tham khảo khi thực hiện luận án.

- Sách chuyên khảo: *“Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự”*, PGS, TS. Đỗ Ngọc Quang [56]. Công trình nghiên cứu về các mối quan hệ tố tụng của CQĐT với cơ quan tiến hành TTHS khác.

Trong đó, tác giả đã làm rõ tính phối hợp, chế ước trong mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong hoạt động điều tra. Tuy nhiên, do công trình đã được thực hiện từ lâu nên đến nay cơ sở chính trị, pháp lý của mối quan hệ này đã có nhiều thay đổi.

- Luận án tiến sĩ luật học: *“Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự”* của Đào Hữu Dân [30]. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKS trong điều tra VAHS. Qua đó, tác giả đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung, hình thức, đồng thời khảo sát, đánh giá thực tiễn thực hiện quan hệ giữa CQCSĐT và VKS trong điều tra VAHS giai đoạn từ trước khi có Nghị quyết số 49-NQ/TW, trên cơ sở đó đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả quan hệ giữa hai cơ quan này. Dù luận án đã được thực hiện từ lâu, chưa cập nhật được quan điểm mới về chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và hệ thống pháp luật TTHS của Nhà nước từ năm 2005 đến nay nhưng đây là tài liệu tham khảo hữu ích có liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS.

- Luận án tiến sĩ: *“Mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong TTHS Việt Nam”* của Nguyễn Tiến Sơn [69]. Dưới góc độ về lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luận án nghiên cứu về mối quan hệ giữa CQĐT nói chung với VKS từ khi tội phạm xảy ra đến khi kết thúc việc điều tra VAHS, trong đó có mối quan hệ giữa CQCSĐT với VKS. Tuy nhiên, do không phải là đối tượng nghiên cứu riêng biệt của của luận án nên luận án không đi vào phân tích, làm rõ những vấn đề có tính đặc thù của mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKS trong TTHS, dù vậy đây vẫn là tài liệu tham khảo quan trọng, có tính kế thừa đối với đề tài của NCS.

Bên cạnh đó, có nhiều công trình khoa học được công bố tại các hội thảo khoa học, tạp chí khoa học chuyên ngành luật, điều tra tội phạm đề cập đến mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT, CQĐT và VKSND trong TTHS như: *“Một số ý kiến về tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế gắn công tố với hoạt động điều tra”* của TS. Vũ Mộc đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 16/2009; *“Phân định trách nhiệm giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”* của TS. Nguyễn Tiên

Son đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 20/2010; “*Chủ trương của Đảng về tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế công tố gắn với điều tra – Những vấn đề đặt ra đối với việc sửa đổi BLTTHS*” của PGS, TS. Trần Đình Nhã công bố tại Hội thảo khoa học xây dựng BLTTHS năm 2015... Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của các bài viết tạp chí thường theo từng vấn đề đơn lẻ chưa nghiên cứu một cách toàn diện về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong điều kiện hiện nay.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Qua nghiên cứu các công trình có liên quan đến nội dung của luận án đã được công bố ở ngoài nước và trong nước đã phân tích ở trên, NCS có một số nhận xét, đánh giá như sau:

- Các công trình nghiên cứu đã công bố trước đây đã luận giải, phân tích về khái niệm, đặc điểm, nội dung, hình thức, tính chất, khái quát quá trình hình thành, phát triển mối quan hệ giữa CQĐT nói chung và VKSND trong hoạt động điều tra VAHS.

- Các công trình nghiên cứu, làm rõ cơ sở pháp lý của Việt Nam và nước ngoài về mối quan hệ giữa CQĐT và VKS/cơ quan Công tố trong TTHS; đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật TTHS Việt Nam về mối quan hệ tổ tụng này từ năm 2005 trở về trước, qua đó bình luận, đánh giá về những ưu điểm và vướng mắc, bất cập, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện mối quan hệ tổ tụng này trong thời gian tới.

- Những kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có ý nghĩa quan trọng và có thể tham khảo khi NCS thực hiện luận án là khái niệm, đặc điểm, cơ sở pháp lý, hình thức, nội dung mối quan hệ CQĐT và VKSND trong điều tra VAHS.

Bên cạnh những kết quả đạt được, các công trình nghiên cứu nêu trên chưa đề cập, làm rõ những vấn đề sau đây:

- Tuy đã có một số công trình, bài viết khoa học ở trong nước và ở nước ngoài nghiên cứu về mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND không chỉ trong hoạt động điều tra mà trong toàn bộ quá trình TTHS

được hình thành trên các quan điểm mới của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, quy định mới của Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức VKSND năm 2014, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 và những thay đổi của mô hình TTHS Việt Nam hiện nay; chưa làm rõ được nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan tiến hành TTHS trong mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND.

- Từ khi thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW đến nay, chưa có công trình nào đánh giá, tổng kết toàn diện về việc thi hành các quy định của pháp luật về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS để đánh giá chính xác, khách quan những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và đề ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật, điều tra, truy tố, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức trong TTHS, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

- Các công trình đã công bố mới chỉ dừng lại ở việc đề xuất hoàn thiện mang tính định hướng cần sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐT, VKS trong BLTTHS nhưng còn thiếu các giải pháp có tính căn cơ, toàn diện để hoàn thiện, đổi mới quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKS trong TTHS, vừa bảo đảm nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong TTHS, vừa đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật trong nước, tương thích với pháp luật quốc tế và phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của Việt Nam hiện nay.

1.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Từ nhận xét tổng quan nêu trên, vấn đề đặt ra cho việc nghiên cứu luận án là: (1) Nghiên cứu, làm rõ quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, các quy định của pháp luật TTHS, tổ chức VKSND, tổ chức CQCSĐT để xây dựng khái niệm, đặc điểm nội dung, hình thức, làm rõ tính chất và yếu tố cấu thành mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS ở Việt Nam hiện nay; (2) Phân tích, làm rõ mô hình, đặc trưng mô hình TTHS Việt Nam hiện nay, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt

Nam nhằm làm rõ cơ sở của mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND; (3) Khảo sát, đánh giá thực tiễn thực hiện quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam hiện nay; (4) Đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND theo định hướng cải cách tư pháp, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế.

Kết luận Chương 1

Mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS trong TTHS là mối quan hệ đặc biệt, có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ quá trình TTHS, góp phần làm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đúng pháp luật, khách quan, chính xác. Mối quan hệ tổ tụng này cũng là biểu hiện của nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong TTHS, nhằm phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền con người, quyền công dân từ phía cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành TTHS. Qua tập hợp, nghiên cứu cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu, sách báo, bài viết trong và ngoài nước đề cập đến mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS trong TTHS dưới nhiều góc độ khác nhau như: chính trị, pháp luật, điều tra hình sự, lịch sử nhà nước và pháp luật,... Tuy nhiên, từ khi thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên biệt, đầy đủ về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong toàn bộ quá trình TTHS và đưa ra nhiệm vụ, giải pháp tăng cường, đổi mới mối quan hệ theo định hướng cải cách tư pháp, phù hợp với quy định mới của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và hội nhập quốc tế.

Từ thực trạng trên, việc nghiên cứu đề tài: *“Mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự Việt Nam hiện nay”* có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, góp phần cung cấp cứ liệu khoa học cho việc hoàn thiện mối quan hệ TTHS quan trọng này.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Mô hình tố tụng hình sự và một số vấn đề về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay

2.1.1. *Mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn và mô hình tố tụng hình sự tranh tụng*

Mô hình TTHS hiểu một cách chung nhất là cách thức tổ chức hoạt động TTHS hay đó là cách thức để tìm ra sự thật khách quan của VAHS. Mô hình TTHS quyết định vị trí, chức năng, tính chất mối quan hệ giữa các chủ thể TTHS. Do đó, khi nghiên cứu về mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND, cần nghiên cứu về các mô hình TTHS trên thế giới và mô hình TTHS Việt Nam. Trong lịch sử thế giới đã xuất hiện và tồn tại nhiều mô hình TTHS nhưng phổ biến nhất là TTHS tranh tụng và TTHS thẩm vấn.

TTHS thẩm vấn là cách thức tiến hành tố tụng VAHS chủ yếu bằng phương thức thẩm vấn, xét hỏi. Quá trình tiến hành TTHS được chia làm ba giai đoạn cơ bản: điều tra, truy tố, xét xử. Việc thẩm vấn được tiến hành trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng từ khi khởi tố, điều tra cho đến khi xét xử. CQĐT và VKS là chủ thể chính tiến hành hoạt động điều tra. CQĐT thực hiện hầu hết các biện pháp điều tra. Kết thúc quá trình điều tra, nếu xác định được đầy đủ chứng cứ buộc tội, VKS lập bản cáo trạng đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, KSV công bố cáo trạng, thẩm vấn bị cáo và những người tham gia tố tụng, trình bày bản luận tội. Tòa án có thể tiếp nhận thông tin về vụ án ngay từ khi khởi tố và thực hiện việc giám sát quá trình điều tra vụ án. Khi hồ sơ vụ án được chuyển sang Tòa án, thẩm phán vẫn có thêm một thời gian nhất định để nghiên cứu lại hồ sơ vụ án, kiểm tra lại các chứng cứ. Qua đó, thẩm phán đã nhận thức cơ bản đầy đủ về nội dung vụ án, đây là cơ sở quan trọng để hội đồng xét xử đưa ra phán quyết. Tuy nhiên, đây cũng chính là hạn chế của mô hình TTHS thẩm vấn, vì phán quyết của hội đồng xét xử dựa vào quá nhiều vào hồ sơ vụ án, phiên

toà công khai không được coi trọng, tính tranh tụng và vai trò của người bào chữa mờ nhạt. Một đặc trưng khác của mô hình TTTHS thẩm vấn là chỉ CQĐT, VKS và Tòa án mới có thu thập chứng cứ. Các đồ vật, tài liệu do bị can, bị cáo, luật sư, người tham gia tố tụng khác thu thập không coi là chứng cứ nếu không được cơ quan tiến hành TTTHS thừa nhận và sử dụng.

Ưu điểm lớn của TTTHS thẩm vấn là hướng đến việc bảo vệ quyền lợi cao nhất cho người bị hại. Người bị hại dường như không trách nhiệm gì trong việc chứng minh tội phạm, ngoại trừ việc khai báo đầy đủ mọi thông tin đã biết có liên quan đến VAHS. CQĐT, VKS và Tòa án có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ. Do người bị hại không thực hiện vai trò buộc tội nên việc hoạt động chứng minh tội phạm bảo đảm tính độc lập, ít bị phụ thuộc vào ý chủ quan của người bị hại. Mô hình này đề cao quyền công tố, trách nhiệm của nhà nước trong phòng, chống tội phạm nên hạn chế được việc bỏ tội phạm, kiểm soát được tình hình tội phạm nhưng khó bảo đảm được tính khách quan, dân chủ trong hoạt động TTTHS. Việc quá đề cao vai trò của người tiến hành tố tụng làm vai trò của người bào chữa mờ nhạt, dễ dẫn đến vi phạm quyền công dân, làm oan người vô tội.

TTTHS tranh tụng là cách thức tiến hành tố tụng bằng hình thức hỏi - đáp liên tục giữa bên buộc tội và bên gỡ tội (bị cáo, người bào chữa). Cũng như TTTHS thẩm vấn, CQĐT tiến hành hầu hết các hoạt động điều tra. VKS giữ vai trò giám sát, chi phối hoạt động điều tra và sử dụng kết quả điều tra để thực hiện quyền buộc tội trước Tòa án. Quá trình tiến hành TTTHS không được chia làm các giai đoạn như TTTHS thẩm vấn, bên buộc tội và bên bị gỡ tội có quyền bình đẳng trong việc thu thập chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình và đối đáp với phía bên kia trong phiên tòa. Do đó, vai trò của luật sư bào chữa trong TTTHS tranh tụng rất nổi bật. Luật sư có quyền ngang với ĐTV, KSV trong việc thu thập chứng cứ để đưa ra trước tòa. Tòa án giữ vai trò là trung gian, trọng tài giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Trước khi mở phiên tòa, thẩm phán không cần nghiên cứu hồ sơ vụ án, không cần biết thông tin về vụ án. Khi xét xử, thẩm phán không tham gia hỏi bị cáo và các nhân chứng, mà lắng nghe KSV và luật sư hỏi bị cáo,

nhân chứng và tranh luận với nhau. Ở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án thành lập bồi thẩm đoàn để tham gia xét xử cùng với thẩm phán. Bồi thẩm đoàn gồm những người đại diện cho các nhóm lợi ích có liên quan đến vụ án. Khi xét xử bồi thẩm đoàn có quyền kết luận bị cáo có tội hay không nhưng đa số họ lại không có kiến thức pháp luật chuyên sâu và nghiệp vụ xét xử.

Ở TTHS tranh tụng có sự phân chia rõ ràng giữa ba chức năng của cơ bản của TTHS, đó là: buộc tội, gỡ tội và xét xử. Điểm ưu việt lớn nhất của mô hình này tính công khai, minh bạch, dân chủ trong TTHS được bảo đảm ở mức cao. Tất cả chứng cứ do các bên thu thập được đều được mang ra trước phiên tòa để hai bên tranh luận với nhau trước sự chứng kiến của thẩm phán và bồi thẩm đoàn. Tuy nhiên, cũng do quá đề cao quyền cá nhân trong TTHS nên mô hình này cũng có hạn chế, mối quan hệ tố tụng giữa các chủ thể tiến hành tố tụng không chặt chẽ, dễ dẫn đến bỏ lọt tội phạm; vai trò của nhà nước trong phòng, chống tội phạm mờ nhạt. Trong phiên tòa tranh tụng, do vai trò của luật sư rất lớn nên đương sự phải cố gắng có tiền để thuê được luật sư giỏi, có khả năng thuyết phục, tranh luận nên đã có ý kiến cho rằng hình thức TTHS này không phù hợp với người nghèo, người yếu thế trong xã hội. Hơn nữa, sự tham gia xét xử của bồi thẩm đoàn gồm nhiều thành viên không có kiến thức pháp luật và nghiệp vụ xét xử dẫn đến phán quyết của Tòa án nhiều trường hợp thiếu chính xác, công bằng.

Như vậy, không có mô hình TTHS hoàn hảo, mô hình TTHS nào cũng có nhược điểm, hạn chế ảnh hưởng đến quá trình làm rõ sự thật của vụ án. Để khắc phục tình trạng này, trong bối cảnh toàn cầu hóa, các mô hình TTHS có xu hướng tiến lại gần nhau để tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhau. Các quốc gia áp dụng mô hình TTHS tranh tụng ngày càng đề cao hơn vai trò của CQĐT và VKS trong hoạt động buộc tội, biểu hiện của việc đề cao trách nhiệm của nhà nước trong phòng, chống tội phạm, vốn là một đặc trưng của mô hình TTHS thẩm vấn. Ngược lại, các nước áp dụng mô hình TTHS thẩm vấn có xu hướng mở rộng quyền của người bị buộc tội, người bào chữa, tăng cường tranh tụng, tính công khai, minh bạch trong quá trình TTHS để hạn chế tình trạng oan, sai và

xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đây là một xu thế tất yếu, làm cho các mô hình TTTHS ngày nay không còn nguyên bản là TTTHS thẩm vấn hay TTTHS tranh tụng mà mỗi quốc gia lại có công thức kết hợp, pha trộn khác nhau để xây dựng mô hình TTTHS phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước, nhằm vừa phòng, chống tội phạm hiệu quả, vừa bảo đảm được quyền con người trong TTTHS.

2.1.2. Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam

Đánh giá mô hình TTTHS Việt Nam thuộc mô hình TTTHS nào có nhiều ý kiến khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng pháp luật nước ta vốn chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật Cộng hòa Pháp và mô hình TTTHS của Liên Xô do vậy TTTHS nước ta là TTTHS thẩm vấn. Những nét đặc trưng của mô hình TTTHS thẩm vấn được thể hiện rõ nét trong mô hình TTTHS Việt Nam như: quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng; bị can, bị cáo có quyền nhưng bắt buộc phải chứng minh mình vô tội; điều tra, thẩm vấn là phương pháp chủ yếu được áp dụng ở tất cả các giai đoạn tố tụng; Tòa án tham gia vào việc thực hiện chức năng buộc tội,... Với mô hình TTTHS này, Nhà nước ta hướng đến mục tiêu kiểm soát tình hình tội phạm, huy động tối đa sự tham gia của các nguồn lực xã hội vào hoạt động TTTHS nhằm nâng cao tỉ lệ phát hiện, điều tra, khám phá các VAHS nhưng lại dẫn đến sự chông chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các chủ thể tiến hành tố tụng; tình trạng oan, sai và xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong hoạt động TTTHS khó kiểm soát [72, tr.32].

Có ý kiến khác cho rằng TTTHS của Việt Nam không còn là mô hình TTTHS hỗn hợp giữa TTTHS thẩm vấn và TTTHS tranh tụng. Bên cạnh những đặc trưng của TTTHS thẩm vấn, TTTHS Việt Nam cũng mang một số nét của mô hình TTTHS tranh tụng được pháp luật TTTHS ghi nhận như: bảo đảm quyền bào chữa và quyền được bồi thường oan, sai trong tố tụng hình sự của người bị buộc tội; quy định tranh tụng trong xét xử là một nguyên tắc cơ bản của TTTHS; quy định quyền thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ bảo đảm sự công bằng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội trong TTTHS...[6, tr.13].

Đối chiếu với các mô hình TTTHS điển hình trên, NCS cho rằng mô hình TTTHS của Việt Nam là mô hình TTTHS thẩm vấn nhưng có tiếp thu nhiều yếu tố của mô hình TTTHS tranh tụng, thể hiện ở những đặc điểm cơ bản sau đây:

- Mô hình TTTHS Việt Nam vừa hướng đến mục tiêu làm sáng tỏ VAHS một cách kịp thời, chính xác, vừa kiểm soát được tình hình tội phạm.

Đây cũng là mục tiêu của các quốc gia áp dụng mô hình TTTHS thẩm vấn, nhất là các quốc gia có tình hình tội phạm tăng, phức tạp. Theo đó, pháp luật giao trách nhiệm cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trách nhiệm thu thập chứng cứ, xác định sự thật của vụ án. Pháp luật không coi VAHS là tranh chấp giữa các cá nhân mà là vụ việc xâm phạm đến lợi ích công cộng, Nhà nước phải có trách nhiệm giải quyết. TTTHS Việt Nam không tồn tại các chế định của mô hình TTTHS tranh tụng như “tùy nghi truy tố”, “mặc cả thú tội”,... việc phát hiện và xử lý tội phạm được quy định là bắt buộc, không phụ thuộc vào ý chí của bị cáo, bị hại (trừ một số vụ án có hậu quả ít nghiêm trọng). Để kiểm soát được tình hình tội phạm, pháp luật tạo điều kiện cho cơ quan, người tiến hành tố tụng trong khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm, nâng cao tỉ lệ buộc tội. Không chỉ CQĐT và VKS, Tòa án cũng được giao thực hiện chức năng buộc tội nhằm chống bỏ lọt tội phạm.

- TTTHS Việt Nam được phân chia thành các giai đoạn khác nhau

TTTHS Việt Nam được phân chia thành các giai đoạn độc lập gồm: khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Giai đoạn tố tụng trước làm tiền đề cho giai đoạn tố tụng sau, giai đoạn tố tụng sau kiểm nghiệm lại kết quả của giai đoạn tố tụng trước. Mỗi giai đoạn tố tụng lại do một chủ thể chủ trì thực hiện nhưng có sự phối hợp chặt chẽ từ các chủ thể khác để hướng đến mục tiêu chung là tìm ra chân lý khách quan của vụ án, trong đó VKS là chủ thể duy nhất tham gia vào tất cả các giai đoạn của TTTHS để thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể được pháp luật TTTHS phân định khá cụ thể, rành mạch và chặt chẽ để đáp ứng yêu cầu điều tra, xử lý tội phạm phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Xuất phát từ đặc điểm này nên trong TTTHS Việt Nam tồn tại hồ sơ VAHS, một đặc trưng của TTTHS thẩm vấn. Hồ sơ

VAHS do CQĐT lập từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, sau đó được các chủ thể khác củng cố, bổ sung trong các giai đoạn của TTTHS.

- Cơ quan tiến hành TTTHS, người tiến hành TTTHS có vị trí, vai trò quan trọng và nổi bật trong quá trình chứng minh tội phạm

TTTHS Việt Nam phân chia chủ thể TTTHS thành hai loại chính: chủ thể tiến hành TTTHS và chủ thể tham gia TTTHS. Chủ thể tiến hành TTTHS gồm: CQĐT, VKS, Tòa án và người có chức danh tư pháp của các cơ quan này. Chủ thể tham gia TTTHS gồm: bên gỡ tội (người bị tình nghi phạm tội, bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo, người bào chữa), bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người giám định, phiên dịch,... Trong đó, CQĐT có chức năng điều tra tội phạm, thu thập các chứng cứ để buộc tội, lập hồ sơ VAHS, tạo tiền đề cho các giai đoạn TTTHS tiếp theo. VKS THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật. Tòa án cũng chủ động tham gia quá trình thu thập chứng cứ, làm sáng tỏ sự thật của vụ án, chứng minh tội phạm. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án có thời gian tiếp cận, nghiên cứu, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ VAHS. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vẫn có quyền hỏi các bên để thẩm tra chứng cứ, làm rõ những điểm chưa rõ ràng hoặc những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa.

Trái với vai trò nổi bật, tích cực của chủ thể tiến hành TTTHS, chủ thể tham gia TTTHS chỉ có trách nhiệm phối hợp, chấp hành yêu cầu của chủ thể tiến hành TTTHS, riêng bên gỡ tội có quyền thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc gỡ tội nhưng chưa có các quy định pháp lý cụ thể để họ thực hiện quyền thu thập chứng cứ bình đẳng với chủ thể tiến hành TTTHS.

- TTTHS Việt Nam sử dụng phương thức thẩm vấn là chủ yếu nhưng có sự kết hợp với phương thức tranh tụng để làm rõ sáng tỏ sự thật của vụ án

Đây là đặc trưng rất riêng của mô hình TTTHS Việt Nam so với mô hình TTTHS thẩm vấn truyền thống. Phương thức thẩm vấn tuy vẫn được sử dụng trong tất cả các giai đoạn của TTTHS nhưng yếu tố tranh tụng trong xét xử đã được pháp luật Việt Nam tiếp nhận tự nhiên và trở thành một nguyên tắc cơ bản

trong TTHS được Hiến pháp và BLTTHS ghi nhận. Nội dung nguyên tắc đòi hỏi hoạt động xét xử phải bảo đảm tranh tụng bình đẳng, dân chủ giữa chủ thể tiến hành TTHS với bên gỡ tội và những người tham gia tố tụng khác trong việc đưa ra ý kiến đánh giá chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu trước Tòa án. Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Mọi chứng cứ buộc tội, gỡ tội đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa. Tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa điều khiển việc tranh luận giữa bên buộc tội và bên bào chữa, lắng nghe lý lẽ, lập luận của mỗi bên và tạo điều kiện về thời gian để các bên trình bày hết ý kiến. Trong phòng xử án, vị trí ngồi của KSV và người bào chữa ngang bằng nhau, bảo đảm sự bình đẳng giữa KSV và người bào chữa, tạo tâm lý thuận lợi cho luật sư khi tranh tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo.

2.1.3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự Việt Nam

Như đã phân tích ở trên, TTHS Việt Nam được chia thành các giai đoạn, mỗi giai đoạn gồm nhiều hoạt động tố tụng, trong đó tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra là những hoạt động tố tụng đầu tiên, phát động cho một quá trình TTHS. Kết quả hoạt động này có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình TTHS, tạo tiền đề thuận lợi thậm chí quyết định sự thành bại của việc giải quyết VAHS. Hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra không đạt kết quả sẽ không có hoạt động truy tố, xét xử. Chủ thể chính của hoạt động này là CQĐT. CQĐT là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra tất cả các tội phạm. Hệ thống CQĐT của nước ta gồm: CQĐT của Công an nhân dân, CQĐT trong Quân đội nhân dân và CQĐT VKSND tối cao. CQĐT của Công an nhân dân gồm: CQCSĐT và Cơ quan An ninh điều tra.

CQCSĐT là cơ quan thuộc Công an nhân dân, đây là lực lượng vũ trang trọng yếu của Nhà nước, là nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Công an nhân dân gồm có lực lượng An ninh nhân dân, Cảnh sát nhân dân và Công an xã. CQCSĐT trực thuộc lực lượng Cảnh sát nhân dân. Xét về vị trí trong bộ máy

nhà nước, Công an nhân dân được tổ chức trong hệ thống cơ quan hành pháp. Vì vậy, CQCSĐT là cơ quan tiến hành TTHS thực hiện hoạt động tư pháp nhưng lại được tổ chức trong hệ thống cơ quan hành pháp, đây là một nét đặc thù trong tổ chức và hoạt động tư pháp của nước ta.

Chức năng của CQCSĐT là những phương diện hoạt động chính của CQCSĐT. CQCSĐT là chủ thể chính của hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra nên hoạt động tố tụng cơ bản, chủ yếu của CQCSĐT là điều tra, tìm kiếm, thu thập chứng cứ để làm rõ toàn bộ sự thật của VAHS; lập hồ sơ vụ án, đề nghị truy tố bị can, tạo tiền đề cho hoạt động truy tố, xét xử. Nếu phân định TTHS theo các chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử thì điều tra thuộc chức năng buộc tội. Hay nói cách khác, CQCSĐT thực hiện chức năng buộc tội trong TTHS nhưng CQCSĐT không thực hiện toàn bộ chức năng buộc tội mà chỉ thu thập, cung cấp đủ các chứng cứ, tài liệu để VKS tiếp tục thực hiện việc buộc tội bị can tại phiên tòa. Để thực hiện chức năng trên, CQCSĐT có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, quyết định việc khởi tố VAHS

Nguồn tin về tội phạm bao gồm tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của tổ chức, cá nhân, lời khai của người phạm tội tự thú và thông tin về tội phạm do cơ quan tiến hành TTHS trực tiếp phát hiện. Đây là hoạt động quan trọng của CQCSĐT nhằm ghi nhận, kiểm tra, xác minh những thông tin về tội phạm và các dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, trên phương tiện thông tin đại chúng, lời tự thú của cá nhân hoặc từ những vụ việc do chính CQCSĐT phát hiện, để làm cơ sở cho việc quyết định khởi tố VAHS. CQCSĐT có trách nhiệm tiếp nhận kịp thời, đầy đủ các nguồn tin về tội phạm do cá nhân, tổ chức cung cấp. Mục đích của việc tiếp nhận nguồn tin về tội phạm là thu thập được thông tin ban đầu về vụ việc, thời gian, địa điểm, hậu quả, mức độ, tính chất của vụ việc; họ tên, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân, tổ chức báo tin để phục vụ các hoạt động tố tụng tiếp theo.

Về quy trình, sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, CQCSĐT tiến hành phân loại, đối với nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết, thì phân

công ĐTV thụ lý, giải quyết. Để kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, ĐTV trực tiếp thực hiện các hoạt động điều tra ban đầu như: khám nghiệm, khám xét, giám định, lấy lời khai... để thu thập chứng cứ; áp dụng các biện pháp ngăn chặn để hạn chế hậu quả, không cho người phạm tội bỏ trốn, tiêu hủy tài liệu, tang vật. Kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm là căn cứ quan trọng nhất để CQCSĐT ra quyết định khởi tố VAHS, tạo ra sự kiện pháp lý khởi đầu cho quá trình giải quyết vụ việc theo trình tự, thủ tục TTHS. Nếu vụ việc không có dấu hiệu hình sự hoặc đã hết thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm nhưng không đủ căn cứ để xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm, CQCSĐT ra quyết định không khởi tố VAHS. Trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, dù chưa khởi tố VAHS nhưng các quyết định, yêu cầu tố tụng của CQCSĐT là hoạt động TTHS, có tính cưỡng chế bắt buộc, có thể hạn chế quyền của tổ chức, cá nhân, vì vậy đòi hỏi phải có cơ chế kiểm soát chặt chẽ để tránh bỏ lọt tội phạm, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Đối với nguồn tin về tội phạm không thuộc thẩm quyền giải quyết thì CQCSĐT phải chuyển và hướng dẫn tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết.

- Tiến hành điều tra, thu thập đầy đủ chứng cứ, làm rõ các tình tiết của vụ án, xác định tội phạm và người phạm tội

Sau khi ra quyết định khởi tố VAHS, CQCSĐT tiến hành điều tra VAHS. Điều tra VAHS với tư cách là một nhiệm vụ của CQCSĐT là việc CQCSĐT áp dụng các biện pháp điều tra được pháp luật TTHS quy định để thu thập chứng cứ, làm rõ các tình tiết của vụ án, xác định tội phạm và người phạm tội như: hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nhận dạng, nhận biết giọng nói, đối chất, khám xét, khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, giám định, định giá tài sản, ghi âm bí mật, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật,... Việc áp dụng các biện pháp điều tra ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người nên được pháp luật quy định chặt chẽ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng, để đề cao trách nhiệm của người, cơ quan tiến hành TTHS nhưng vẫn bảo vệ được quyền của người bị áp dụng biện pháp điều tra; đặc biệt, các biện pháp

điều tra xâm phạm đến quyền tự do, quyền bí mật đời tư của con người càng bị hạn chế hơn. Chủ thể chính tiến hành các biện pháp điều tra là Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT và ĐTV, trong đó Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT là người quyết định áp dụng đa số các biện pháp điều tra, ĐTV là người trực tiếp thi hành, đồng thời được quyền quyết định một số biện pháp điều tra, cưỡng chế tác động ít đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân.

So với hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, tính chất, mục đích nhiệm vụ điều tra VAHS phức tạp hơn. Trong thời hạn luật định, CQCSĐT phải thu thập được đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ ra quyết định khởi tố bị can, xác định tội danh của bị can, mục đích, động cơ phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, đặc điểm nhân thân của bị can, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can và những vấn đề khác cần chứng minh trong điều tra VAHS. Trong đó, việc xác định bị can và tội danh của bị can có ý nghĩa quan trọng, đó vừa là nhiệm vụ, vừa là tiêu chí để đánh giá hiệu quả điều tra. Bởi vì hoạt động điều tra phải xác định được bị can là ai, làm gì, ở đâu, phạm tội gì... thì quá trình TTHS mới tiếp tục được tiến hành, VKS, Tòa án mới có cơ sở để ra quyết định truy tố và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo tương xứng với hành vi và hậu quả của hành vi phạm tội gây ra. Nếu hết thời hạn điều tra CQCSĐT không xác định được bị can là ai hoặc bị can bỏ trốn thì quá trình TTHS đối với vụ án bị tạm dừng, điều này dẫn đến việc xử lý vụ án chưa triệt để, công lý chưa được thực thi, quyền của người bị hại chưa được bảo đảm. Do đó, sau khi khởi tố bị can, ngoài việc tiến hành các biện pháp điều tra, CQCSĐT được trực tiếp áp dụng hoặc đề xuất áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế nghiêm khắc đối với bị can như: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh, phong tỏa tài khoản.... nhằm ngăn chặn bị can bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ, tang vật, cản trở hoạt động TTHS.

Nhiệm vụ điều tra VAHS bắt đầu từ khi CQCSĐT ra quyết định khởi tố VAHS đến khi các chứng cứ của vụ án đã được thu thập một cách khách quan, đầy đủ, đúng pháp luật. Nhiệm vụ điều tra chưa hoàn thành khi vụ án phải điều tra lại, điều tra bổ sung do thiếu chứng cứ quan trọng hoặc trình tự, thủ tục điều

tra có nhiều vi phạm, thiếu sót dẫn đến chứng cứ thu thập được không bảo đảm tính khách quan, chính xác, có thể dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Khi hoàn thành nhiệm vụ điều tra, CQCSĐT phải đề nghị hướng xử lý tiếp theo đối với VAHS, truy tố bị can hay đình chỉ điều tra. Nhiệm vụ điều tra có thể được tạm dừng trong trường hợp CQCSĐT quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Theo quy định của BLTTHS, Luật tổ chức CQĐT hình sự, CQCSĐT có thẩm quyền điều tra VAHS về các tội phạm quy định từ Chương XIV đến Chương XXIV BLHS khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT VKSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân. Do Luật tổ chức CQĐT hình sự mở rộng thẩm quyền của Cơ quan An ninh điều tra nên từ ngày 01/01/2018, CQCSĐT không điều tra các vụ án về các tội phạm quy định tại các điều sau của BLHS năm 2015: Điều 207, Điều 208, Điều 282, Điều 283, Điều 284, Điều 299, Điều 300, Điều 303, Điều 304, Điều 305, Điều 309, Điều 337, Điều 338, Điều 347, Điều 348, Điều 349, Điều 350.

- Lập, củng cố hồ sơ VAHS phục vụ cho hoạt động truy tố, xét xử

Trong quá trình điều tra VAHS, CQCSĐT phải tập hợp những văn bản, tài liệu, chứng cứ thu thập được theo một trật tự nhất định phục vụ việc chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cùng các tình tiết có liên quan giúp cho việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án, đó gọi là hồ sơ vụ án. Việc lập, củng cố hồ sơ VAHS là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của CQCSĐT, bắt đầu từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đến khi hoàn thành nhiệm vụ điều tra. Hồ sơ VAHS phải phản ánh được đầy đủ diễn biến quá trình điều tra vụ án, các biện pháp điều tra, ngăn chặn, cưỡng chế đã áp dụng, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, họ tên các chủ thể của CQCSĐT, VKSND đã tiến hành điều tra, THQCT và KSĐT.... Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ VAHS phải được sắp xếp theo trật tự khoa học, lô gic và có đánh dấu bút lục của CQCSĐT. Hồ sơ vụ án là cơ sở quan trọng để VKSND quyết định việc truy tố, Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội; yêu cầu, kiến nghị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện các biện pháp triệt tiêu nguyên nhân, điều kiện phạm tội

Trong quá trình điều tra VAHS, cùng với nhiệm vụ phát hiện và truy bắt được người phạm tội, CQCSĐT phải xác định được nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đồng thời yêu cầu, kiến nghị tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp triệt tiêu nguyên nhân, điều kiện phạm tội, ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra. Nguyên nhân phạm tội là những hiện tượng, yếu tố làm phát sinh, hình thành, thúc đẩy tội phạm phát triển. Các nguyên nhân phạm tội nằm trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, có thể là những vấn đề vĩ mô như: cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức kinh tế, trình độ quản lý của cán bộ, công chức cho đến các vấn đề có tính vi mô như: hoàn cảnh sinh sống, giáo dục, mức độ thu nhập, nhận thức, quan điểm chính trị, tâm lý, phong tục, tập quán... Điều kiện phạm tội là những yếu tố thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm, điều kiện phạm tội không làm phát sinh tội phạm nhưng giúp cho tội phạm thực hiện được dễ dàng hơn như: sự sơ hở, thiếu sót của cơ quan quản lý nhà nước, sự lơ là, mất cảnh giác của người quản lý, bảo vệ tài sản,... Nguyên nhân, điều kiện phạm tội phản ánh quy luật diễn biến của tội phạm nên việc xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội có ý nghĩa quan trọng đối với công tác phòng ngừa tội phạm. Tìm ra nguyên nhân phạm tội là một nhiệm vụ khó khăn, mang tính đặc thù của hoạt động tư pháp hình sự. CQCSĐT, với tư cách là chủ thể chính của hoạt động điều tra có nhiều thuận lợi để nhận diện được đầy đủ nguyên nhân, điều kiện phạm tội và đưa ra các yêu cầu, kiến nghị chính xác, có căn cứ để các cơ quan, tổ chức liên quan, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp triệt tiêu nguyên nhân, điều kiện phạm tội, không để cho tội phạm xảy ra.

2.1.4. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự Việt Nam

VKSND là một hệ thống cơ quan nhà nước được tổ chức độc lập thành bốn cấp phù hợp với hệ thống tổ chức của TAND gồm: VKSND tối cao, VKSND cấp cao, VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, VKSND huyện, quận,

thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Cũng giống với mô hình VKS trên thế giới, VKSND Việt Nam có hai chức năng cơ bản được Hiến pháp quy định, đó là: THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

2.1.4.1. Chức năng thực hành quyền công tố và nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố

Quyền công tố là quyền năng pháp lý được Nhà nước giao cho VKSND. Nghiên cứu về quyền công tố của VKSND trong TTHS Việt Nam từ năm 1945 đến nay cho thấy đã có nhiều quan điểm về vấn đề này; phổ biến nhất là:

Quan điểm thứ nhất cho rằng quyền công tố là quyền của cộng đồng xã hội nhằm buộc tội đối với người phạm tội xâm phạm trật tự công cộng. Quyền công tố do thẩm phán công tố (thẩm phán buộc tội) thực hiện từ khi vụ án được phát hiện cho đến khi xét xử tại phiên tòa. Theo quan điểm này thì Nhà nước không cần thành lập hệ thống cơ quan Công tố riêng, vì trong cơ cấu của Tòa án có các thẩm phán công tố do Chương lý đứng đầu nhân danh Nhà nước thực hiện quyền buộc tội. Mô hình này được áp dụng ở nước ta từ năm 1945 đến năm 1960 [25], tuy nhiên đến nay không còn phù hợp vì khi Tòa án cùng thực hiện chức năng buộc tội và chức năng xét xử sẽ khó bảo đảm nguyên tắc kiểm soát quyền lực và tính khách quan, công bằng trong TTHS.

Quan điểm thứ hai cho rằng quyền công tố là quyền buộc tội nhưng VKS không phải là chủ thể duy nhất thực hiện quyền buộc tội mà CQĐT, Tòa án cũng thực hiện việc buộc tội, vì trong TTHS Việt Nam các cơ quan tiến hành tố tụng đều có nghĩa vụ chứng minh tội phạm và không phân định rõ ràng các chức năng cơ bản của TTHS. Điều này thể hiện ở một số điều luật của BLTTHS như: thẩm quyền khởi tố vụ án của CQĐT, Tòa án; trách nhiệm của các cơ quan tiến hành TTHS trong việc áp dụng mọi biện pháp để xác định sự thật của vụ án;...[51, tr.239]. NCS cho rằng, mặc dù CQĐT và Tòa án có thực hiện một số hoạt động buộc tội nhưng đó không phải là quyền công tố mà là một số hoạt động khởi động quyền công tố và không có tính quyết định việc buộc tội tại Tòa án. Do vậy, hoạt động của các cơ quan trên chỉ mang tính hỗ trợ cho quyền công tố của VKS chứ không phải là hoạt động THQCT.

Quan điểm thứ ba cho rằng quyền công tố là quyền của VKS buộc tội người phạm tội tại Tòa án. Hoạt động điều tra và hoạt động công tố là hai hoạt động độc lập, tách biệt. Hoạt động điều tra là của CQĐT và Thủ trưởng CQĐT chịu trách nhiệm chỉ đạo. VKS không can dự vào hoạt động điều tra, không KSĐT nhưng sử dụng kết quả điều tra để xem xét việc buộc tội người phạm tội tại phiên tòa giống các nước theo mô hình TTHS tranh tụng như: Anh, Mỹ,...[5, tr.156]. Với quan điểm này các chức năng của TTHS được phân định rõ ràng nhưng vai trò của công tố trong hoạt động điều tra mờ nhạt, không giám sát được hoạt động điều tra. KSV chỉ nắm được các tình tiết của vụ án qua báo cáo, tài liệu của CQĐT nên khả năng tranh tụng, bảo vệ quan điểm buộc tội thấp, dễ dẫn đến oan, sai và bỏ lọt tội phạm.

Quan điểm thứ tư cho rằng quyền công tố là quyền buộc tội phát sinh từ khi có sự kiện phạm tội xảy ra cho đến khi bản án về vụ án có hiệu lực pháp luật hoặc vụ án được đình chỉ. Hoạt động điều tra là hoạt động chứng minh tội phạm tất yếu phải là một bộ phận cấu thành quyền công tố. Để thực hiện quyền công tố VKS phải tham gia vào hoạt động điều tra ngay từ khi có nguồn tin về tội phạm, định hướng toàn bộ hoạt động điều tra, sau đó sử dụng kết quả điều tra để buộc tội người phạm tội tại phiên tòa. Vì là cơ quan thực hiện quyền công tố nên VKS quyết định việc khởi tố VAHS, khởi tố bị can, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế TTHS [6, tr.11].

Tuy có nhiều cách giải thích khác nhau, nhưng các quan điểm nêu trên đều cho rằng quyền công tố luôn gắn liền với quyền truy cứu trách nhiệm hình sự của Nhà nước. Theo ý kiến của NCS trong giai đoạn hiện nay quan điểm thứ tư có nhiều điểm phù hợp nhất. Vì công tố và điều tra đều nhằm thực hiện chức năng buộc tội. Công tố phải sử dụng kết quả của hoạt động điều tra để buộc tội. Do đó, công tố cần gắn với điều tra, định hướng hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hoạt động điều tra có tính đặc thù nghiệp vụ rất cao cần do CQĐT tiến hành, nhất là đối với những hoạt động điều tra phức tạp, liên quan đến nhiều lực lượng cần do Thủ trưởng CQĐT chỉ đạo tập trung, thống nhất. VKS với tư cách là chủ thể của quyền công tố, chịu trách nhiệm chính về

việc buộc tội phải có thẩm quyền can thiệp vào hoạt động điều tra để làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc buộc tội nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được khởi tố, điều tra và xử lý kịp thời, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Từ lập luận trên, theo quan điểm của NCS: *Quyền công tố trong TTHS là quyền năng pháp lý nhà nước giao cho VKS để thực hiện việc buộc tội đối với cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội từ khi tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm đến khi vụ án được Tòa án đưa ra xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật hoặc vụ án được cơ quan có thẩm quyền đình chỉ và quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật.*

Theo Từ điển tiếng Việt “thực hành” là làm để áp dụng lý thuyết vào thực tế [50, tr.1.285]. Quyền công tố là quyền năng pháp lý Nhà nước giao cho VKS, còn THQCT là những hoạt động, việc làm cụ thể để triển khai quyền công tố trên thực tế. Không phải hoạt động nào của VKSND để triển khai quyền công tố cũng là hoạt động THQCT, mà chỉ những hoạt động được pháp luật TTHS quy định nhằm buộc tội đối với tổ chức, cá nhân phạm tội mới là THQCT. Quyền công tố chấm dứt khi việc buộc tội đã hoàn thành hoặc không có sự việc phạm tội. Như vậy, có thể hiểu: *THQCT là hoạt động của VKSND theo quy định của pháp luật TTHS để buộc tội cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội từ khi tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm đến khi vụ án được Tòa án đưa ra xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật hoặc vụ án được cơ quan có thẩm quyền đình chỉ và quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật.*

Cũng giống như quyền công tố, chủ thể duy nhất của hoạt động THQCT là VKS. CQĐT, Tòa án được tiến hành một số nhiệm vụ của quyền công tố nhưng không phải là THQCT. Mục đích của hoạt động THQCT là nhằm bảo đảm việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội; không để người nào bị khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người trái luật. THQCT có phạm vi rất rộng, từ khi có tội phạm xảy ra đến khi bản án, quyết định về VAHS có hiệu lực

pháp luật. Quyền công tố được thực hiện ở nhiều giai đoạn, trong đó giai đoạn từ khi có tội phạm xảy ra đến khi VKSND có quyết định truy tố hoặc quyết định đình chỉ vụ án được gọi là THQCT trong giai đoạn điều tra VAHS. Đây cũng là giai đoạn phát sinh quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS.

Khi THQCT, VKSND có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- *Quyết định việc buộc tội và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hạn chế quyền tự do của người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra, truy tố*

Cơ quan CQĐT có nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, ra các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, khởi động chức năng buộc tội trong TTHS. Tuy nhiên, VKS mới là cơ quan có quyền quyết định buộc tội đối với một tổ chức, cá nhân cụ thể. VKSND có những nhiệm vụ, quyền hạn để phát động, thay đổi, tạm dừng, chấm dứt hoặc duy trì buộc tội đối với người, pháp nhân phạm tội như: yêu cầu CQĐT khởi tố, hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án trái pháp luật; xem xét phê chuẩn việc khởi tố bị can của CQĐT; trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can nếu thấy cần thiết nhằm chống bỏ lọt tội phạm; nếu phát hiện CQĐT đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra hoặc ra các quyết định trái pháp luật thì yêu cầu CQĐT hoặc trực tiếp ra quyết định hủy bỏ; nếu thấy việc điều tra có vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng hoặc còn chưa thu thập đầy đủ các chứng cứ quan trọng thì trả hồ sơ yêu cầu CQĐT điều tra bổ sung; quyết định việc kết thúc điều tra của CQĐT, việc đình chỉ, tạm đình chỉ VAHS.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, trên cơ sở đề nghị của CQĐT hoặc nếu thấy cần thiết, VKS quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn hạn chế quyền con người, quyền công dân, đó là các biện pháp: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam. Đối với các quyết định tố tụng ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân, trước khi có giá trị thì hành phải có sự phê chuẩn của VKS là cần thiết, có như vậy mới nâng cao trách nhiệm của công tố trong việc bảo đảm quyền tự do, dân chủ của cá nhân trong TTHS.

- *Hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của CQĐT; quyết định áp dụng thủ tục tố tụng đặc biệt và tách, nhập, chuyển VAHS trong giai đoạn điều tra, truy tố; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra*

Để đạt được mục đích của THQCT, VKS có quyền hủy bỏ các quyết định trái pháp của các chủ thể khác tham gia vào hoạt động buộc tội, trong đó có CQĐT. CQĐT cấp trên cũng có thể hủy bỏ quyết định tố tụng của CQĐT cấp dưới nhưng việc VKS hủy bỏ quyết định trái pháp luật của CQĐT cùng cấp không thể hiện quan hệ hành chính cấp trên, cấp dưới mà thể hiện phạm vi quyền công tố bao trùm lên các hoạt động buộc tội, là hệ quả của thẩm quyền quyết định việc buộc tội của VKS. Khi THQCT trong giai đoạn điều tra, truy tố, VKS quyết định việc tách, nhập, chuyển VAHS, chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra. Ở giai đoạn truy tố, VKS chủ động quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn, tố tụng đối với người dưới 18 tuổi, để giải quyết VAHS nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm và thực hiện các nguyên tắc về bảo đảm lợi ích cho người chưa thành niên trong TTHS.

- Tham gia điều tra; đề ra yêu cầu điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ buộc tội

Công tố tác động, can thiệp ở một mức độ nhất định vào hoạt động điều tra là vấn đề được thừa nhận từ lâu và ở nhiều nước trên thế giới. Ở Việt Nam, VKS luôn có vị trí, vai trò quan trọng đối với hoạt động điều tra. Nhiều hoạt động điều tra do ĐTV chủ trì tiến hành nhưng phải có sự xuất hiện của VKS như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra. Quá trình điều tra, VKS có thể đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT thực hiện. Khác với kế hoạch điều tra của CQĐT, yêu cầu điều tra của VKS không phải là những chỉ dẫn, chỉ đạo về việc triển khai các biện pháp điều tra mà là những định hướng, yêu cầu thu thập củng cố chứng cứ để làm rõ các vấn đề cần chứng minh trong VAHS để xác định tội phạm, người phạm tội và các tình tiết khác phục vụ việc giải quyết VAHS ở các giai đoạn TTHS tiếp theo. Đề ra yêu cầu điều tra vừa là nhiệm vụ, vừa là quyền hạn của VKS nên có giá trị bắt buộc thực hiện đối với CQĐT và ĐTV. Nếu CQĐT, ĐTV không thực hiện yêu cầu điều tra của VKS mà không có lý do chính đáng, VKS có thể thực hiện quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc trực tiếp tiến hành một số các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện

ĐTV có dấu hiệu không vô tư, khách quan trong hoạt động điều tra, VKS yêu cầu Thủ trưởng CQĐT thay đổi ĐTV.

Các hoạt động điều tra mà VKS tiến hành phải phù hợp với khả năng, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ của ngành Kiểm sát, nhằm mục đích chủ yếu là kiểm tra, thẩm định và củng cố tài liệu, chứng cứ để VKS xem xét phê chuẩn hoặc ra quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền như: lấy lời khai, hỏi cung, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định, định giá tài sản... VKS không chủ trì tiến hành các hoạt động điều tra có tính đặc thù cao, vượt quá khả năng của VKS hoặc theo quy định của pháp luật phải do chủ thể khác thực hiện.

- Truy tố bị can; tranh tụng tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm

Sau khi kết thúc điều tra, nếu có đủ căn cứ VKS ra bản cáo trạng truy tố bị can hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn. Văn bản truy tố bị can phải thể hiện được nội dung, diễn biến chính của vụ án và hành vi phạm tội, các chứng cứ thu thập được, nhân thân của bị can, tội danh, điều khoản của BLHS quy định về tội danh bị can đã phạm phải,... Việc VKS quyết định truy tố bị can đồng nghĩa với việc vụ án sẽ chuyển sang giai đoạn xét xử, VKS cũng chấm dứt hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra, chuyển sang hoạt động THQCT trong giai đoạn xét xử, trừ trường hợp vụ án phải điều tra bổ sung, điều tra lại.

Khi THQCT tại phiên tòa, KSV có nhiệm vụ trình bày bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố buộc tội bị cáo, tranh luận với bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Khi tranh luận, KSV phải đưa ra tài liệu, chứng cứ xác thực, lập luận sắc bén, thuyết phục, có căn cứ pháp lý, trả lời, đối đáp từng ý kiến của bị cáo và người tham gia tố tụng. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa là yếu tố quan trọng để Hội đồng xét xử đưa ra phán quyết khách quan, chính xác, đúng người, đúng tội và áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Nếu phát hiện bản án, quyết định của Tòa án có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dẫn đến oan, sai, bỏ lọt tội phạm thì VKS phải ra quyết định kháng nghị. Đây là nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của chức năng THQCT của

VKS khi vụ án đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định, bản án, nhằm bảo đảm nguyên tắc kiểm tra, giám sát trong hoạt động xét xử

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan cung cấp tài liệu để làm rõ tội phạm, người phạm tội

Cũng giống như các cơ quan tiến hành TTHS khác, để phục vụ hoạt động THQCT, VKS có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến VAHS cung cấp thông tin, tài liệu về tội phạm và người phạm tội. Bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào nhận được yêu cầu đều phải có trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu có được liên quan đến VAHS cho VKS một cách kịp thời, đầy đủ. VKS có trách nhiệm sử dụng, bảo quản các thông tin, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp đúng mục đích, quy định, không được sử dụng các thông tin đó để xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2.1.4.2. Chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự và nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự

Từ khi nhà nước xuất hiện cho đến nay, các nghiên cứu về nhà nước và quyền lực nhà nước đều thừa nhận ở đâu có quyền lực nhà nước thì ở đó cần có sự giám sát [70, tr.511]. TTHS là hoạt động tư pháp mang tính quyền lực nhà nước, mỗi quyết định, hành vi của các chủ thể thực hiện có ảnh hưởng trực tiếp đến những quyền cơ bản nhất của con người như quyền được sống, quyền tự do, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nơi ở,... Mỗi sai sót trong hoạt động TTHS không chỉ xâm phạm nghiêm trọng quyền con người mà còn tác động đến xã hội và uy tín của nhà nước. Điều đó đòi hỏi hoạt động này phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ cả từ bên trong và bên ngoài để các chủ thể thực thi quyền lực luôn chấp hành đúng pháp luật, ngăn ngừa tình trạng lạm quyền, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Trong các cơ chế kiểm soát quyền lực trong hoạt động TTHS, cơ chế kiểm sát của VKSND rất hiệu quả, vì đây là hoạt động kiểm soát trực tiếp mà chủ thể thực hiện là VKSND có nhiều quyền hạn để bảo đảm quyền lực được thực thi đúng pháp luật. Mặt khác, xuất phát từ nhiệm vụ được quy định trong Hiến pháp,

VSKND có trách nhiệm tham gia vào tất cả các giai đoạn của TTTHS và thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp toàn bộ quá trình tiến hành TTTHS. Căn cứ vào các giai đoạn TTTHS, kiểm sát các hoạt động tư pháp lại được chia thành các chức năng khác nhau như: kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra; kiểm sát xét xử và kiểm sát thi hành án hình sự... Mỗi chức năng kiểm sát lại có đối tượng, nhiệm vụ khác nhau. Đối với chức năng kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, đối tượng kiểm sát là CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và những người tham gia hoạt động tố tụng; nội dung là kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra; kiểm sát hoạt động TTTHS của người tham gia tố tụng. Trong giai đoạn truy tố, VKSND kiểm sát hoạt động TTTHS của người tham gia tố tụng; phát hiện, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật. Trong giai đoạn xét xử, VKSND kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử VAHS của Tòa án, người tham gia tố tụng. Khi kiểm sát thi hành án, VKSND kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án, cơ quan có nhiệm vụ thi hành án hình sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành án hình sự...

Khác với THQCT, mục đích của kiểm sát hoạt động tư pháp là nhằm làm cho pháp luật được thực hiện một cách đúng đắn, thống nhất. Có ý kiến cho rằng kiểm sát các hoạt động tư pháp là một chức năng độc lập của TTTHS bên cạnh chức năng buộc tội, bào chữa, xét xử [54, tr.17]. NCS cho rằng tuy hình thành một cách độc lập trong hoạt động tư pháp nhưng kiểm sát các hoạt động tư pháp xuất phát từ nguyên tắc cơ bản tổ chức bộ máy nhà nước, không quyết định đến các phán quyết tố tụng mà chỉ tạo điều kiện để hình thành các phán quyết công bằng, chính xác. Vì vậy, kiểm sát các hoạt động tư pháp không phải là một chức năng của TTTHS mà là hoạt động hỗ trợ các chức năng cơ bản của TTTHS. Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, hoạt động kiểm sát hỗ trợ cho CQĐT, VKS thực hiện chức năng buộc tội nhằm bảo đảm cho toàn bộ quá trình buộc tội đối với bị can đúng quy định của pháp luật.

Từ các lập luận trên, NCS cho rằng: *kiểm sát hoạt động tư pháp của VKS trong TTTHS là hoạt động giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước do VKS thực hiện, nhằm kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định, hành vi tổ tụng của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.*

Cũng giống như THQCT, VKS là chủ thể duy nhất được Nhà nước giao chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp trong TTTHS với những nhiệm vụ, quyền hạn chính sau:

- Kiểm tra, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, người tiến hành TTTHS, người tham gia TTTHS

Đây là nhiệm vụ, quyền hạn thường xuyên, liên tục của VKS khi thực hiện kiểm sát các hoạt động tư pháp. Để phát hiện được hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, người tiến hành, người tham gia TTTHS, VKS có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động TTTHS tự kiểm tra việc tiến hành hoạt động TTTHS thuộc thẩm quyền và thông báo kết quả cho VKS; cung cấp hồ sơ, tài liệu để VKS kiểm tra, xem xét, thẩm định tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong hoạt động TTTHS. Bên cạnh đó, VKS có thể trực tiếp tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh, thu thập tài liệu để làm rõ vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động TTTHS. Nhiệm vụ, quyền hạn này nhằm giúp cho VKS chủ động tiến hành các biện pháp nghiệp vụ kiểm tra các hoạt động TTTHS của cơ quan, người tiến hành, tham gia TTTHS. Ví dụ: VKS lập các đoàn kiểm tra công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQCSĐT, đánh giá, thống kê CQCSĐT đã tiếp nhận bao nhiêu tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố, số lượng còn giải quyết, số lượng đang giải quyết, số lượng bị quá hạn..., qua đó kết luận về tình hình chấp hành pháp luật, kết quả, những hạn chế, tồn tại trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQCSĐT.

- Yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khắc phục, xử lý vi phạm pháp luật trong TTTHS, áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm.

Nhiệm vụ, quyền hạn này chỉ được thực hiện khi VKS phát hiện cơ quan, người tiến hành TTHS, tham gia TTHS có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động TTHS. Đây là điều kiện bảo đảm cho hoạt động giám sát quyền lực nhà nước của VKS chuyên nghiệp, hiệu quả, giúp cho hoạt động kiểm sát các hoạt động tư pháp của VKS được thực hiện một cách triệt để, các yêu cầu, quyết định của VKS được cơ quan, tổ chức, cá nhân chấp hành, thực hiện nghiêm túc. Tuy nhiên, hoạt động kiểm sát của VKS chỉ xem xét tính hợp pháp chứ không xem xét tính hợp lý trong hành vi của đối tượng kiểm sát, đặc biệt là không can thiệp hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan, người tiến hành TTHS. Do vậy, nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động kiểm sát của VKS không trực tiếp đi vào xử lý các hành vi vi phạm như hoạt động của các cơ quan thanh tra, kiểm tra mà chỉ kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý, khắc phục các hành vi vi phạm... Nếu hoạt động kiểm sát can thiệp quá sâu vào hoạt động điều tra, xét xử sẽ ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của CQĐT, nguyên tắc độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật của Tòa án.

Khi thực hiện hoạt động kiểm sát, VKS còn có trách nhiệm kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật. Nhiệm vụ này được đặt ra trong toàn bộ quá trình và có thể được thực hiện ở bất cứ giai đoạn nào của TTHS. CQĐT và Tòa án cũng có trách nhiệm phát hiện, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật nhưng chỉ có VKS là cơ quan duy nhất có thẩm quyền tham gia vào tất cả các giai đoạn của TTHS, để từ đó đánh giá, đúc kết kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật toàn diện, hiệu quả.

- Kiểm tra, yêu cầu, kiến nghị tổ chức, cá nhân giải quyết khiếu nại, tố cáo, khắc phục, chấn chỉnh những vi phạm pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS

Khiếu nại trong TTHS là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận, xem xét và giải quyết lại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo trình tự, thủ tục được quy định trong BLTTHS khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp

luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Tố cáo là việc công dân báo cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức để giải quyết theo trình tự, thủ tục được quy định trong BLTTHS [75, tr.553].

Hoạt động TTHS tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân nên có thể dẫn đến khiếu nại, tố cáo. Khiếu nại, tố cáo trong TTHS phát sinh khi VAHS đang trong quá trình giải quyết hoặc VAHS đã được giải quyết xong và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Khi có khiếu nại, tố cáo, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải có trách nhiệm giải quyết. Ngoài việc phải giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, VKS có trách nhiệm kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS của cơ quan tiến hành TTHS khác. VKS có thể lập đoàn kiểm tra hoặc yêu cầu cơ quan tiến hành TTHS tự kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và thông báo kết quả cho VKS. Trường hợp cần thiết, VKS và cơ quan tiến hành TTHS phối hợp tiến hành một số hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo như: tiếp công dân, đối thoại với người khiếu nại, tố cáo... Nếu phát hiện việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có vi phạm pháp luật, VKS có quyền kiến nghị, yêu cầu tổ chức, cá nhân chấn chỉnh, khắc phục nhưng không được can thiệp sâu vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan tiến hành TTHS khác.

2.2. Khái niệm, đặc điểm mối quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự Việt Nam

2.2.1. Khái niệm mối quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

Triết học Mác – Lênin khẳng định các sự vật, hiện tượng tạo thành thế giới dù có phong phú, đa dạng, có khác nhau bao nhiêu, song chúng đều chỉ là những dạng khác nhau của một thế giới duy nhất – thế giới vật chất.

“Tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó, và tính vật chất này được chứng minh không phải bằng ba lời khéo léo của kẻ

làm trò ảo thuật, mà bằng sự phát triển lâu dài và khó khăn của Triết học và khoa học tự nhiên”[45, tr.721].

Nhờ có tính thống nhất đó nên các sự vật, hiện tượng không thể tồn tại biệt lập, tách rời nhau mà tồn tại trong sự tác động, qua lại, chuyển hóa lẫn nhau theo những quan hệ xác định.

Trong tiếng Việt “quan hệ” là trạng thái tác động lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sự vật [51, tr.1.054]. Khi nói đến mối quan hệ giữa các sự vật, tức là phải có hai chủ thể trở lên có cùng chung ý chí, mục đích, hành động để thực hiện một công việc nào đó đã được xác định mà nếu một chủ thể không thể thực hiện được hoặc tuy có thể thực hiện được nhưng chất lượng, hiệu quả không cao. Hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi chủ thể không chỉ phụ thuộc vào năng lực của từng chủ thể mà còn phụ thuộc vào sự vận hành mối quan hệ giữa các chủ thể đó.

Trong TTHS, các cơ quan tiến hành TTHS có mục đích chung là phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi phạm tội, do đó giữa các cơ quan này có mối quan hệ là tất yếu, khách quan. Mối quan hệ này do pháp luật TTHS quy định [59, Điều 1]. Quan hệ xã hội được xác lập, tồn tại, phát triển hoặc chấm dứt trên cơ sở quy định của pháp luật là quan hệ pháp luật [81, tr.630]. Do đó, mối quan hệ tổ tụng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND nói riêng trong TTHS là quan hệ pháp luật.

Để thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp, VKSND có quan hệ tổ tụng trực tiếp với CQCSĐT, Tòa án và Cơ quan thi hành án. Trong đó, mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND là mối quan hệ đặc biệt, giữa hai cơ quan cùng chức năng buộc tội. Mối quan hệ tổ tụng này có ý nghĩa quan trọng, được hình thành ngay từ giai đoạn đầu tiên của TTHS và tác động đến toàn bộ quá trình TTHS. Đây cũng là mối quan hệ TTHS phổ biến, xuất hiện ở nhiều quy định của BLTTHS, thể hiện nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước trong hoạt động điều tra VAHS.

Phối hợp là hợp lại với nhau, hỗ trợ lẫn nhau để cùng hành động hoặc hoạt động [51, tr.1.037]. Các chủ thể thực hiện quan hệ phối hợp bình đẳng về nhiệm

vụ, quyền hạn, cùng có trách nhiệm hỗ trợ nhau thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm thực hiện được mục tiêu chung. Sự phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS là tất yếu, khách quan, vì hai cơ quan tuy có chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng đều hướng đến mục đích là phát hiện, làm rõ, xử lý tội phạm và người phạm tội, bảo đảm đúng pháp luật, chính xác, nhanh chóng, khách quan. Hoạt động phối hợp là một nội dung của quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS nên được thực hiện theo quy định của pháp luật TTHS. Hoạt động điều tra chủ yếu do CQCSĐT tiến hành nhưng phải phối hợp với VKSND để VKSND thực hiện THQCT và KSĐT, bảo đảm hoạt động điều tra đạt được mục đích và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Ví dụ: khi tiến hành các hoạt động hỏi cung, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám nghiệm, CQCSĐT phải báo cho VKSND cùng cấp biết để cử KSV tham gia các hoạt động điều tra trên. Ngược lại, VKSND cũng phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với CQCSĐT, đối với các hoạt động điều tra bắt buộc phải có sự tham gia của KSV, khi nhận được thông báo của CQCSĐT, VKSND phải kịp thời cử KSV có mặt để KSĐT. VKSND phải ban hành các quyết định, yêu cầu tổ tụng trong thời hạn luật định bảo đảm cho hoạt động điều tra được tiến hành một cách khẩn trương, đầy đủ, chính xác. Trong quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND phải giữ vững nguyên tắc tuân thủ các quy định của BLTTHS, linh hoạt, tạo điều kiện, hỗ trợ nhau một cách tối đa để hoàn thành nhiệm vụ điều tra và KSĐT.

Phân công là giao cho làm một phần việc nhất định nào đó [50, tr. 1.017]. Trong TTHS, VKSND được phân công THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, quyết định việc buộc tội, quyền năng pháp lý mà Nhà nước giao cho duy nhất VKSND thực hiện. CQCSĐT được phân công điều tra VAHS, tham gia việc buộc tội. Bằng các biện pháp điều tra, CQCSĐT phải thu thập đủ chứng cứ để chứng minh, xác định tội phạm và người phạm tội, làm sáng tỏ toàn bộ nội dung vụ án, ra kết luận điều tra, lập hồ sơ vụ án, làm cơ sở để VKSND truy tố bị can trước phiên tòa. Nếu quá trình điều tra không thu thập được đầy đủ chứng cứ, có thiếu sót thì VKSND sẽ không thực hiện việc buộc tội mà yêu cầu CQCSĐT điều tra bổ sung, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra theo quy định của

pháp luật. CQCSĐT có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu, quyết định tổ tụng của VKSND, nếu không nhất trí CQCSĐT có quyền kiến nghị với VKS cấp trên trực tiếp nhưng vẫn phải thực hiện.

Từ những phân tích trên cho thấy giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS có mối quan hệ tổ tụng phân công, phối hợp về chức năng, nhiệm vụ, cơ bản rõ ràng, mạch lạc. Đây là cơ sở để thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động khởi tố, điều tra VAHS.

“Kiểm soát quyền lực nhà nước là toàn bộ những hoạt động của các chủ thể quyền lực để xem xét, theo dõi, đánh giá, những biện pháp mà thông qua đó có thể ngăn ngừa, loại bỏ những nguy cơ, những việc làm sai trái của nhà nước, cơ quan, nhân viên nhà nước trong việc tổ chức và thực hiện đúng mục đích mong muốn và đạt được hiệu quả cao” [38, tr.31].

Kiểm soát quyền lực là một nguyên tắc cơ bản của quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Bất cứ lĩnh vực nào có quyền lực nhà nước cũng phải có cơ chế kiểm tra, giám sát để hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước tuân thủ đúng quy định của pháp luật, phòng ngừa, phát hiện xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi lạm quyền, vi phạm pháp luật từ phía các tổ chức, cá nhân được trao quyền. Cơ chế kiểm soát chỉ phát huy được hiệu quả khi chủ thể kiểm soát quyền lực có đủ thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật từ phía các chủ thể thực thi quyền lực nhà nước.

Hoạt động TTHS có liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức nên kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động này là một nguyên tắc cơ bản. Từ đó có thể khẳng định giữa cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành TTHS luôn có sự kiểm soát lẫn nhau trong thực hiện quyết định, hành vi TTHS. Điều này phù hợp với Điều 33 BLTTHS năm 2015:

“Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thường xuyên kiểm tra việc tiến hành các hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền; thực

hiện kiểm soát giữa các cơ quan trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án”

VKSND là một thiết chế do Quốc hội thành lập, được tổ chức độc lập với hệ thống cơ quan hành pháp và Tòa án, có chức năng THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS. Với hai chức năng hiến định cơ bản này, VKSND đã được trao quyền kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước của các cơ quan tiến hành tố tụng còn lại. Ngược lại, các cơ quan tiến hành TTHS cũng có quyền kiểm soát hoạt động của VKSND, tuy nhiên, mức độ, hiệu quả kiểm soát còn tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan. VKSND thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp, do vậy giữa VKSND và CQCSĐT có mối quan hệ kiểm soát là vấn đề có tính nguyên tắc và được thể hiện với các nội dung sau đây:

- VKSND giám sát hoạt động điều tra của CQCSĐT. Quyền giám sát của VKS có thể được thể hiện qua việc theo dõi, kiểm tra hoạt động điều tra của CQCSĐT hoặc ở mức độ cao hơn là VKS xem xét phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định của CQCSĐT. Qua đó, VKSND sẽ xác định được hoạt động điều tra có đúng pháp luật, khách quan, chính xác, đầy đủ không.

- VKSND yêu cầu CQCSĐT chấp hành đúng pháp luật trong hoạt động điều tra, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm; xử lý nghiêm người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra; cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết....

- VKSND huỷ bỏ các quyết định trái pháp luật, không có căn cứ của CQCSĐT, nhằm loại bỏ những quyết định, hành vi tố tụng vi phạm pháp luật của CQCSĐT. Đây là một trong những quyền năng quan trọng mà pháp luật quy định cho VKSND bảo đảm cho việc kiểm soát của VKSND đối với CQCSĐT có hiệu lực, hiệu quả.

Theo chiều ngược lại, CQCSĐT cũng kiểm soát lại một số hoạt động tố tụng của VKS trong khi THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra VAHS nhưng mức độ kiểm soát của CQCSĐT đối với VKS chỉ dừng ở hoạt động theo dõi,

giám sát chứ không có quyền phê chuẩn, yêu cầu, hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của VKSND. Nếu phát hiện VKSND cùng cấp có hành vi, quyết định tố tụng không có căn cứ pháp luật thì CQCSĐT kiến nghị với VKSND để hủy bỏ, khắc phục; nếu VKSND cùng cấp không nhất trí thì CQCSĐT kiến nghị VKSND cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho CQCSĐT đã kiến nghị.

Từ các phân tích, lập luận trên, NCS đưa ra khái niệm mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam là: *mối quan hệ pháp luật TTHS, thể hiện sự phân công, phối hợp và kiểm soát việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa CQCSĐT và VKSND trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra các loại tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQCSĐT, nhằm bảo đảm cho hoạt động buộc tội của Nhà nước đối với các loại tội phạm này khách quan, chính xác, đúng pháp luật.*

2.2.2. Đặc điểm của mối quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

Đặc điểm là những nét riêng có, điển hình mà căn cứ vào đó để phân biệt sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác. Từ khái niệm về mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS cho thấy mối quan hệ này có những đặc điểm sau đây:

- Mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS phát sinh từ khi có sự kiện phạm tội xảy ra cho đến kết thúc hoạt động điều tra

Quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS chỉ phát sinh khi có sự kiện phạm tội xảy ra, nếu không có sự kiện phạm tội xảy ra thì không có hoạt động điều tra và hoạt động công tố, đồng nghĩa với việc không làm phát sinh mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND. Hay nói cách khác sự kiện phạm tội là sự kiện pháp lý gắn với việc phát sinh, chấm dứt mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS. Ngay khi CQCSĐT tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm thì VKS cũng bắt đầu thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm của CQCSĐT. Mối quan hệ tố tụng này diễn ra suốt trong quá trình điều tra VAHS, bất cứ khi

nào, ở đâu CQCSĐT tiến hành các biện pháp điều tra hoặc các hoạt động tố tụng hình sự khác thì VKS có trách nhiệm công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Khi nhiệm vụ điều tra hoàn thành, CQCSĐT chấm dứt các hoạt động điều tra, VKS vẫn tiếp tục tiến hành các công việc còn lại để buộc tội bị can trước phiên tòa nhưng mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND đã bị triệt tiêu. Do đó, mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND chủ yếu diễn ra trong giai đoạn CQCSĐT tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra. Đến giai đoạn truy tố, xét xử, VKSND nghiên cứu, thẩm định lại hồ sơ vụ án, tiến hành một số hoạt động điều tra theo thẩm quyền nếu thấy cần thiết nhằm củng cố thêm chứng cứ, ra bản cáo trạng và thực hiện việc buộc tội bị cáo tại phiên tòa. Cũng có trường hợp, VKS thấy chưa đủ chứng cứ để buộc tội mà VKS không thể tự bổ sung được hoặc có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong hoạt động khởi tố, điều tra ảnh hưởng đến tính khách quan, chính xác của chứng cứ thu thập được, VKS yêu cầu CQCSĐT điều tra bổ sung thì lại làm phát sinh mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKS nhưng không phải trong toàn bộ quá trình TTHS mà chỉ trong phạm vi các hoạt động điều tra bổ sung của CQCSĐT.

Từ đặc điểm này cũng cho thấy mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND được hình thành khi hai chủ thể này cùng chịu trách nhiệm giải quyết những VAHS về một loại tội phạm cụ thể. Do đó, chỉ CQCSĐT và VKSND cùng cấp mới mới có quan hệ TTHS, giữa CQCSĐT và VKSND khác cấp do không cùng thẩm quyền điều tra, truy tố một loại tội phạm nên không có mối quan hệ TTHS mà chỉ có mối quan hệ hành chính liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước với nhau.

- Các chủ thể của mối quan hệ tố tụng luôn phụ thuộc, gắn bó chặt chẽ khi tiến hành các hoạt động tố tụng nhằm cùng thực hiện chức năng buộc tội

Trong TTHS, CQCSĐT và VKSND tuy có nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau nhưng đều nhằm thực hiện việc buộc tội đúng pháp luật, khách quan, chính xác. Vì vậy, CQCSĐT và VKSND không thể tiến hành các hoạt động độc lập mà phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc thực hiện từng chế định TTHS về giải

quyết nguồn tin của tội phạm, khởi tố, điều tra. Hoạt động điều tra và hoạt động THQCT phải luôn song hành, bổ sung, bù trừ những khiếm khuyết cho nhau. Kết quả hoạt động điều tra tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết nguồn tin của tội phạm, khởi tố, điều tra của VKSND. Nếu hoạt động điều tra đúng pháp luật, khách quan, toàn diện, chính xác, hoạt động THQCT sẽ đạt được mục đích đề ra, VKSND sẽ truy tố đúng người, đúng tội và bảo vệ được quan điểm buộc tội của CQCSĐT và VKSND tại phiên tòa. Ngược lại, việc VKSND thực hiện tốt chức năng THQCT và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra thì sẽ giúp cho hoạt động điều tra của CQCSĐT đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Khác với mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND, giữa VKS với Tòa án và người bào chữa; giữa CQCSĐT với Tòa án, người bào chữa; giữa Hội đồng xét xử với KSV, người bào chữa... cũng có mối quan hệ tổ tụng nhưng do không cùng thực hiện một chức năng của TTHS nên mỗi chủ thể độc lập thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động tổ tụng của chủ thể khác.

- Mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND là mối quan hệ đan xen giữa phân công, phối hợp và kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước trong TTHS

Trong TTHS, VKSND thực hiện hai chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, trong đó THQCT là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước còn kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước. CQCSĐT là cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước vừa phải phối hợp vừa chịu sự kiểm sát của VKSND. Do đó, mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS luôn đan xen giữa quan hệ phối hợp thực hiện quyền lực nhà nước và quan hệ kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước trong TTHS. Các mối quan hệ này cùng hướng đến mục tiêu chung là điều tra, làm rõ tội phạm và người phạm tội, bảo đảm hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, điều tra VAHS đúng pháp luật, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm quyền con người trong TTHS, đồng thời luôn tác động qua lại, chuyên hóa

lẫn nhau làm cho mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trở lên phức tạp, khó phân biệt rành mạch lúc nào giữa phân công, phối hợp, kiểm soát. Vì vậy, trong quá trình thực hiện quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, các chủ thể phải nhận thức đúng, đầy đủ và coi trọng cả 3 yếu tố phân công, phối hợp và kiểm soát, không được vì coi trọng yếu tố này mà xem nhẹ các yếu tố còn lại. Nếu chỉ chú ý đến quan hệ phân công, việc của ai người đây làm, xem nhẹ việc phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các chủ thể thì hoạt động điều tra VAHS đạt hiệu quả không cao, thời gian điều tra VAHS bị kéo dài; hoặc nếu vì công tác phối hợp, xem nhẹ quan hệ kiểm soát sẽ dẫn đến tình trạng “dĩ hòa vi quý”, đặt tình cảm cao hơn pháp luật, bỏ qua cho nhau những sai sót, vi phạm, làm cho việc điều tra vụ án không khách quan, chính xác, dẫn đến oan, sai trong TTHS...

Trong mối quan hệ pháp luật hành chính, giữa CQCSĐT và VKSND chỉ có quan hệ phân công, phối hợp mà không có quan hệ kiểm soát lẫn nhau trong khi thi hành nhiệm vụ. Vai trò kiểm soát CQCSĐT và VKSND trong việc thực hiện các nhiệm vụ hành chính được giao cho CQCSĐT và VKSND cấp trên, cơ quan dân cử cùng cấp và các chủ thể khác không có thẩm quyền tiến hành TTHS. Đây cũng là một điểm khác biệt nữa để phân biệt mối quan hệ tổ tụng với mối quan hệ hành chính giữa CQCSĐT và VKSND.

- Mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS có tính tiêu biểu, thể hiện tập trung nhất mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS trong TTHS Việt Nam

Trong hệ thống CQĐT, CQCSĐT giữ vai trò rất quan trọng, chịu trách nhiệm thụ lý, điều tra các loại tội phạm quy định ở 262/314 điều luật quy định về tội phạm cụ thể trong BLHS (83,4%), tương ứng với phần lớn số VAHS được phát hiện trong toàn quốc. Các loại tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra, xử lý của CQCSĐT vừa phức tạp, vừa đa dạng, với khách thể xâm hại gần như mọi quan hệ xã hội đang tồn tại nên phản ánh được tình hình an ninh, trật tự của đất nước trong mỗi thời kỳ. Các CQĐT còn lại thụ lý, điều tra ít án, phạm vi thẩm quyền điều tra hẹp. Do đó, hoạt động của CQCSĐT có tính đại diện cao, thể hiện cơ bản, đầy đủ kết quả hoạt động của cả hệ thống CQĐT. Mối quan hệ tổ tụng

giữa CQCSĐT và VKSND cũng có tính tiêu biểu, thể hiện đầy đủ, tập trung nhất mỗi quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS trong TTTHS. Nếu nghiên cứu mỗi quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân, CQĐT của VKSND tối cao và VKSND hoặc mỗi quan hệ tổ tụng giữa CQĐT của Quân đội nhân dân với VKS quân sự, thì chỉ phản ánh được một khía cạnh nào đó của mỗi quan hệ tổ tụng này. Bên cạnh đó, CQĐT của Quân đội nhân dân và VKS quân sự đều chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thống nhất của Bộ Quốc phòng; CQĐT của VKSND tối cao chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng VKSND tối cao nên khó thể hiện được đầy đủ, chính xác, khách quan những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực hiện mỗi quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKS trong TTTHS Việt Nam hiện nay.

2.3. Nội dung, hình thức mỗi quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự

2.3.1. Nội dung mỗi quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự

Nội dung là mặt bên trong của sự vật, cái được hình thức chứa đựng hoặc biểu hiện [51, tr.974]. Nội dung và hình thức luôn gắn bó chặt chẽ với nhau trong một thể thống nhất. Mỗi quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS gồm các nội dung sau:

- *Quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố vụ án, khởi tố bị can*

Đây là hoạt động đầu tiên và có vai trò quan trọng, quyết định việc khởi tố vụ án, phát động quá trình TTTHS đối với một vụ việc cụ thể, vì phần lớn các tài liệu, chứng cứ đều được thu thập ở giai đoạn này. Do đó, khi tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm CQCSĐT và VKSND phải có mỗi quan hệ tổ tụng chặt chẽ.

CQCSĐT có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm theo thẩm quyền điều tra và thông báo cho VKSND cùng cấp biết. VKSND THQCT và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Nếu nhận được nguồn tin về tội phạm, VKSND phải chuyển đến cho CQCSĐT (nếu thuộc thẩm quyền của

CQCSĐT) kèm theo các tài liệu có liên quan để tiến hành kiểm tra, xác minh. VKSND chỉ trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm nếu quá trình kiểm sát phát hiện CQCSĐT có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà VKSND đã yêu cầu bằng văn bản nhưng CQCSĐT không khắc phục.

Khi CQCSĐT giải quyết nguồn tin về tội phạm, VKSND có trách nhiệm THQCT và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, quyết định việc kéo dài thời hạn kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, tạm dừng, chấm dứt việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm. CQCSĐT phải gửi cho VKSND các quyết định, thông báo, biên bản tố tụng, kiến nghị, đề xuất quan điểm giải quyết nguồn tin về tội phạm. Ngược lại, VKSND phải gửi cho CQCSĐT các quyết định, văn bản tố tụng của mình một cách kịp thời để CQCSĐT triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, CQCSĐT và VKSND cùng phối hợp trực tiếp để tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu như lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi để bảo đảm cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm đúng pháp luật, chính xác, khách quan, kịp thời.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND có quyền hủy bỏ các quyết định không có căn cứ pháp luật của CQCSĐT như: quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm, quyết định tạm giữ người của CQCSĐT, yêu cầu CQCSĐT chuyển hồ sơ, tài liệu cho liên quan cho VKSND để xem xét, giải quyết, đồng thời khắc phục, xử lý các vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm cho hoạt động này tuân thủ quy định của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Sau khi kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, CQCSĐT sẽ ra một trong các quyết định: khởi tố VAHS, không khởi tố VAHS, tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Khởi tố VAHS là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng xác định có sự việc phạm tội để tiến hành điều tra phát hiện tội phạm [75, tr.429]. VKSND chỉ ra quyết định khởi tố VAHS trong trường hợp: hủy bỏ quyết định không khởi tố của CQCSĐT, VKSND trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm, VKSND trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo

yêu cầu của Hội đồng xét xử. Khi ra quyết định khởi tố vụ án, CQCSĐT gửi VKSND để kiểm sát việc khởi tố, nếu VKSND ra quyết định khởi tố VAHS thì cũng phải gửi cho CQCSĐT để tiến hành điều tra.

Đối với những vụ việc do CQCSĐT quyết định việc khởi tố, VKSND có trách nhiệm THQCT và kiểm sát việc khởi tố VAHS. Trong quan hệ kiểm soát, VKSND có quyền hủy bỏ các quyết định khởi tố VAHS, quyết định không khởi tố VAHS, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố VAHS không có căn cứ và trái pháp luật của CQCSĐT; yêu cầu CQCSĐT khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS; yêu cầu CQCSĐT cung cấp tài liệu có liên quan để kiểm sát việc khởi tố. CQCSĐT có trách nhiệm thực hiện các quyết định, yêu cầu của VKSND, nếu không nhất trí vẫn phải chấp hành nhưng có quyền kiến nghị với VKS cấp trên trực tiếp. VKSND cấp trên phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả cho CQCSĐT đã kiến nghị. Quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong hoạt động khởi tố chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức gián tiếp, bằng văn bản, tài liệu liên quan đến việc khởi tố VAHS.

Khi đã có đủ căn cứ xác định một người hoặc pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của BLHS thì CQCSĐT ra quyết định khởi tố bị can. Việc khởi tố bị can chủ yếu do CQCSĐT thực hiện. VKSND có trách nhiệm THQCT và kiểm sát việc khởi tố bị can. VKSND chỉ khởi tố bị can khi đã yêu cầu nhưng CQCSĐT không thực hiện hoặc sau khi nhận hồ sơ và kết luận điều tra vụ án, VKSND phát hiện CQCSĐT còn để lọt người phạm tội chưa bị khởi tố thì ra quyết định khởi tố bị can và trả hồ sơ cho CQCSĐT để điều tra bổ sung. Sau khi ra quyết định khởi tố bị can (bao gồm cả các quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can), CQCSĐT phải gửi ngay cho VKSND cùng cấp để xét phê chuẩn; VKSND phải ra quyết định phê chuẩn và gửi cho CQCSĐT trong thời hạn luật định, nếu thấy chưa đủ chứng cứ, tài liệu để phê chuẩn thì VKSND yêu cầu CQCSĐT bổ sung chứng cứ, tài liệu. Trường hợp VKSND ra quyết định khởi tố bị can cũng phải chuyển đến CQCSĐT để tiến hành điều tra. Quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND trong hoạt động khởi tố bị can chủ yếu được thể hiện qua việc gửi các văn bản liên quan cho nhau.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND có quyền hủy bỏ quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật của CQCSĐT; yêu cầu CQCSĐT bổ sung tài liệu, chứng cứ để xem xét phê chuẩn liên quan đến việc khởi tố bị can. Các quyết định, yêu cầu của VKSND phải bằng văn bản và CQCSĐT có trách nhiệm thực hiện.

- Quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong tiến hành các biện pháp điều tra

Khi điều tra VAHS, CQCSĐT được áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật để thu thập chứng cứ. VKS THQCT và KSĐT để bảo đảm cho hoạt động điều tra đúng pháp luật, khách quan, chính xác. VKSND chỉ trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong các trường hợp: để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của CQCSĐT; phát hiện có dấu hiệu oan, sai, vi phạm pháp luật mà VKSND đã yêu cầu bằng văn bản nhưng CQCSĐT không khắc phục; để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố. Khi CQCSĐT tiến hành các hoạt động điều tra, quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan này và VKSND gồm các nội dung cụ thể sau:

Đối với biện pháp khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi: hiện trường là nơi tội phạm diễn ra, tử thi là cơ thể của con người không còn sự sống do tác động của tội phạm. Việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi do CQCSĐT chủ trì, nhằm thu thập các dấu vết, tài liệu, vật chứng, đây là những nguồn chứng cứ rất quan trọng để xác định phương hướng điều tra, truy tìm thủ phạm, chứng minh tội phạm và người phạm tội trong điều tra VAHS. Trong mối quan hệ phối hợp, trước khi tiến hành khám nghiệm, CQCSĐT phải thông báo cho VKSND biết thời gian và địa điểm khám nghiệm để cử KSV đến kiểm sát việc khám nghiệm. KSV phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm tử thi. ĐTV và KSV phải phối hợp chặt chẽ trong suốt quá trình khám nghiệm nhằm thu lượm, mô tả đầy đủ các dấu vết của tội phạm, đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án. Biên bản khám nghiệm do ĐTV lập nhưng KSV phải ký vào biên bản. Biên

bản phải ghi nhận đầy đủ, chi tiết diễn biến cuộc khám nghiệm, thời gian, địa điểm thành phần tham gia và các vật chứng được.

Trong mỗi quan hệ kiểm soát, VKSND kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi. KSV phải yêu cầu ĐTV chủ trì khám nghiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thành phần tham gia khám nghiệm; nếu phát hiện ĐTV thu lượm dấu vết không đầy đủ, có hành vi vi phạm pháp luật, KSV phải yêu cầu ĐTV chấm dứt, khắc phục sai sót, vi phạm.

Đối với biện pháp khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu: đây là các hoạt động thu thập tài liệu, chứng cứ do CQCSĐT thực hiện, VKSND THQCT và kiểm sát việc khám xét, thu giữ đồ vật, tài liệu là thư tín, điện tín, bưu phẩm tại cơ quan bưu chính, viễn thông. Trong quan hệ phối hợp, kiểm soát, sau khi ra lệnh khám xét, lệnh thu giữ, CQCSĐT phải gửi các lệnh này kèm theo các tài liệu có liên quan cho VKSND để xem xét phê chuẩn. Nếu có đủ căn cứ thì VKSND ra quyết định phê chuẩn, nếu thấy không có căn cứ, VKSND ra quyết định không phê chuẩn và hủy bỏ lệnh khám xét, lệnh thu giữ hoặc yêu cầu CQCSĐT bổ sung tài liệu, chứng cứ để xét phê chuẩn. Việc khám xét, thu giữ chỉ được tiến hành sau khi đã được VKSND phê chuẩn. Trước khi tiến hành khám xét, CQCSĐT phải thông báo cho VKSND biết thời gian, địa điểm khám xét để cử KSV kiểm sát việc khám xét. Trong trường hợp khẩn cấp, lệnh khám xét, thu giữ của CQCSĐT được thi hành ngay không cần có sự phê chuẩn của VKSND nhưng khi khám xét, thu giữ xong, CQCSĐT phải thông báo bằng văn bản cho VKSND biết.

Đối với biện pháp hỏi cung bị can: đây là biện pháp điều tra công khai, trực diện đối với bị can nhằm phát hiện, thu thập, củng cố chứng cứ làm rõ hành vi phạm tội của bị can và các tình tiết của vụ án có ý nghĩa chứng minh toàn bộ vụ án. Hỏi cung bị can được áp dụng trong điều tra tất cả các VAHS, chủ yếu do ĐTV tiến hành, KSV kiểm sát việc hỏi cung bị can và trực tiếp hỏi cung bị can nếu thấy cần thiết. Trước khi hỏi cung bị can, ĐTV phải thông báo cho KSV biết thời gian, địa điểm hỏi cung.

Trong quan hệ kiểm soát, KSV có quyền yêu cầu ĐTV thực hiện đúng thủ tục, trình tự hỏi cung bị can theo quy định của pháp luật. KSV phải nghiên cứu các biên bản hỏi cung bị can, nếu phát hiện hoạt động hỏi cung bị can có dấu hiệu vi phạm pháp luật, có nhiều thiết sót phải yêu cầu CQCSĐT, ĐTV khắc phục, xử lý vi phạm.

Đối với việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt: đây là các biện pháp thu thập chứng cứ để chứng minh hoặc phòng ngừa tội phạm mới được BLTTHS năm 2015 quy định, do cơ quan tiến hành TTHS có thẩm quyền áp dụng, mà việc thi hành các biện pháp điều tra này chủ yếu được thực hiện dưới hình thức bí mật theo trình tự, thủ tục chặt chẽ và chỉ được áp dụng đối với một số loại tội phạm nhất định. Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bao gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Do tính chất đặc biệt, nhạy cảm nên việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được kiểm soát chặt chẽ, tránh tình trạng lạm dụng biện pháp này để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân. CQCSĐT từ cấp tỉnh trở lên nếu thấy có căn cứ hoặc theo yêu cầu của Viện trưởng VKSND cùng cấp có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. VKSND có trách nhiệm THQCT và kiểm sát việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. CQCSĐT phải gửi quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt kèm theo các tài liệu có liên quan cho VKSND để xem xét, phê chuẩn. Nếu thấy đủ căn cứ, VKSND ra quyết định phê chuẩn, nếu thấy chưa đủ căn cứ VKSND quyết định không phê chuẩn và hủy quyết định của CQCSĐT hoặc yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ để xem xét, phê chuẩn. Quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt phải được VKSND phê chuẩn trước khi thi hành. Khi có kết quả, CQCSĐT phải thông báo ngay cho VKSND biết. Khi thấy không cần thiết áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, CQCSĐT phải đề nghị VKSND hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND có quyền hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của CQCSĐT nếu phát hiện vi phạm pháp luật hoặc thấy không cần thiết áp dụng; yêu cầu CQCSĐT thực hiện đúng quy định

về trình tự, thủ tục, căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, thời hạn áp dụng biện pháp; khắc phục, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm pháp luật trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Đối với các biện pháp thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định, xem xét dấu vết trên thân thể, lấy lời khai người làm chứng, lấy lời khai của người bị hại, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, định giá tài sản: các biện pháp này chủ yếu do CQCSĐT chủ động thực hiện, VKSND có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc tiến hành các hoạt động điều tra nêu trên. Đối với các hoạt động thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, trước khi tiến hành CQCSĐT phải thông báo cho VKSND biết để cử KSV tham gia. Nếu KSV không tham gia phải ghi rõ vào biên bản. CQCSĐT phải lập biên bản việc tiến hành thực nghiệm điều tra, giám định, xem xét dấu vết trên thân thể, lấy lời khai người làm chứng, lấy lời khai của người bị hại, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và gửi cho VKSND khi có yêu cầu. KSV phải nghiên cứu các biên bản và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nếu phát hiện CQCSĐT chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật thì yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục.

- Quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự

Đối với biện pháp ngăn chặn bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (BLTTHS năm 2003 quy định là biện pháp bắt khẩn cấp): khi điều tra VAHS theo thẩm quyền, CQCSĐT có quyền bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. VKSND có trách nhiệm THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc áp dụng biện pháp này. Sau khi bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, CQCSĐT phải gửi ngay hồ sơ đề nghị VKSND phê chuẩn. Nếu thấy đủ căn cứ thì trong thời gian luật định, VKSND phải ra quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của CQCSĐT; nếu thấy không đủ căn cứ thì VKSND ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và gửi ngay cho CQCSĐT để trả tự do ngay cho người bị bắt.

Đối với biện pháp tạm giữ: tạm giữ có thể được áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt phạm tội quả tang, người bị bắt theo

quyết định truy nã, người phạm tội tự thú, đầu thú. CQCSĐT có thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ, VKSND THQCT và kiểm sát việc tạm giữ. Sau khi ra quyết định tạm giữ, CQCSĐT phải gửi quyết định tạm giữ kèm theo các tài liệu có liên quan cho VKSND cùng cấp. Nếu thấy không đủ căn cứ hoặc không cần thiết, VKSND ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và gửi ngay cho CQCSĐT để trả tự do cho người bị tạm giữ. Trường hợp ra quyết định gia hạn tạm giữ, CQCSĐT cũng phải gửi cho VKSND để xem xét, phê chuẩn. Nếu thấy không đủ căn cứ, VKSND ra quyết định không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ và gửi cho CQCSĐT để trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Trường hợp VKSND đã phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ thì việc hủy bỏ, thay đổi biện pháp tạm giữ do VKSND quyết định.

Đối với biện pháp tạm giam bị can: CQCSĐT và VKSND đều có thẩm quyền ra lệnh bắt bị can để tạm giam, quyết định tạm giam bị can; đồng thời VKSND còn THQCT và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp này của CQCSĐT. Sau khi ra lệnh bắt bị can để tạm giam, quyết định tạm giam bị can, CQCSĐT phải gửi lệnh, quyết định đó cho VKSND để xem xét, phê chuẩn. Nếu thấy đủ căn cứ, trong thời hạn luật định VKSND phải ra quyết định phê chuẩn và gửi cho CQCSĐT để thực hiện; nếu chưa đủ căn cứ thì VKSND ra quyết định không phê chuẩn hoặc yêu cầu CQCSĐT bổ sung. Trong thời hạn tạm giam, nếu xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam thì CQCSĐT phải đề nghị VKSND hủy bỏ việc tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giam hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nếu thấy cần thiết. Nếu thấy cần thiết phải gia hạn tạm giam, thì trước khi hết thời hạn tạm giam theo luật định, CQCSĐT có văn bản đề nghị VKSND gia hạn tạm giam. Nếu thấy đủ căn cứ thì VKSND ra quyết định gia hạn và gửi cho CQCSĐT để thực hiện, nếu không đủ căn cứ thì VKSND thông báo cho CQCSĐT biết để trả tự do cho người bị tạm giam.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND phải kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng bắt bị can để tạm giam, tạm giam bị can, gia hạn tạm giam của CQCSĐT, nếu phát hiện vi phạm thì yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục, xử lý vi phạm; nếu thấy

không còn căn cứ tạm giam thì ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giam của CQCSĐT hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác. Trường hợp VKSND ra lệnh bắt bị can để tạm giam, quyết định tạm giam bị can, thì phải gửi lệnh, quyết định cho CQCSĐT để thi hành.

Đối với các biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh: CQCSĐT và VKSND đều có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh; đồng thời VKSND THQCT và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp này của CQCSĐT. Khi CQCSĐT ra quyết định áp dụng biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị can, không phải gửi quyết định cho VKSND; riêng với biện pháp tạm hoãn xuất cảnh (mới được BLTTHS năm 2015 quy định), trước khi thi hành CQCSĐT phải thông báo cho VKSND cùng cấp biết. Trường hợp VKSND ra quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn trên thì phải gửi cho CQCSĐT để thực hiện và đưa vào hồ sơ vụ án.

Trong quan hệ kiểm soát, tuy VKSND không xem xét phê chuẩn các quyết định áp dụng biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh của CQCSĐT nhưng VKSND vẫn thực hiện kiểm sát việc áp dụng các biện pháp này, nếu phát hiện vi phạm pháp luật VKSND có quyền hủy bỏ các quyết định của CQCSĐT.

Đối với các biện pháp cưỡng chế áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản: CQCSĐT và VKSND đều có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản; đồng thời, VKSND THQCT và kiểm sát việc áp dụng các biện pháp này của CQCSĐT. CQCSĐT chủ động áp dụng các biện pháp áp giải, dẫn giải; đối với biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản (vừa được BLTTHS năm 2015 bổ sung) CQCSĐT phải thông báo cho VKSND cùng cấp trước khi thi hành. Nếu thấy có đủ căn cứ áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, VKSND thông báo cho CQCSĐT biết để thi hành; nếu phát hiện việc kê biên, phong tỏa tài khoản không có căn cứ, VKSND ra quyết định hủy bỏ lệnh kê biên của CQCSĐT.

- *Quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong việc lập hồ sơ VAHS*

Hồ sơ VAHS chứa đựng toàn bộ tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra VAHS. CQCSĐT chịu trách nhiệm lập hồ sơ vụ án từ khi giải quyết nguồn tin về tội phạm cho đến khi có bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra vụ án. VKSND kiểm sát việc lập hồ sơ VAHS của CQCSĐT, thực chất là hoạt động kiểm sát việc thu thập các tài liệu, thu thập chứng cứ của ĐTV. Trong quan hệ phối hợp, trong quá trình điều tra CQCSĐT phải gửi cho VKSND tất cả các quyết định, lệnh, kết luận, văn bản, biên bản tố tụng. Ngược lại, VKSND cũng phải gửi cho CQCSĐT các quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn, hủy bỏ quyết định của CQCSĐT, yêu cầu điều tra của KSV và các văn bản tố tụng khác do VKSND ban hành để CQCSĐT đưa vào hồ sơ vụ án. Đồng thời, CQCSĐT và VKSND phải phối hợp trực tiếp, chặt chẽ trong việc lập biên bản các hoạt động bắt buộc phải có sự tham gia của KSV như các biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, thu giữ thư tín, bưu phẩm, bưu kiện,... đảm bảo cho việc thu thập chứng cứ khách quan, chính xác, góp phần xây dựng hồ sơ vụ án chặt chẽ cả về nội dung và hình thức.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND có quyền yêu cầu CQCSĐT tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc lập hồ sơ VAHS; kiểm tra cả hình thức và nội dung các quyết định, lệnh, văn bản, biên bản tố tụng... đảm bảo cho các văn bản này được ban hành, thiết lập đúng theo các quy định của BLTTHS về thể thức, thẩm quyền, căn cứ ban hành; kiểm tra việc giao nhận, thông báo các quyết định tố tụng tới các đối tượng có liên quan và những người tham gia tố tụng khác nhằm đảm bảo các quyền lợi và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng. VKSND có quyền yêu cầu CQCSĐT khắc phục, xử lý những vi phạm, thiếu sót trong việc lập hồ sơ VAHS.

- Quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong việc kết thúc điều tra; đình chỉ, tạm đình chỉ, phục hồi điều tra; trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Khi kết thúc điều tra, CQCSĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra. VKSND có trách nhiệm THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc kết thúc điều tra.

Đối với kết thúc điều tra đề nghị truy tố, trả hồ sơ để điều tra bổ sung: CQCSĐT ra bản kết luận điều tra xác định hành vi phạm tội của bị can và các tình tiết khác có liên quan kèm theo ý kiến, đề xuất của CQCSĐT và gửi hồ sơ vụ án đến VKSND xem xét, quyết định. Việc giao nhận hồ sơ vụ án giữa CQCSĐT và VKSND phải được lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Sau khi xem xét hồ sơ vụ án trong thời hạn luật định, nếu thấy hoạt động điều tra đã thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật, sự thật của vụ án đã được làm sáng tỏ, VKSND ra quyết định truy tố bị can và chuyển hồ sơ cho Tòa án để chuẩn bị xét xử. Khi đó, mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND chỉ tiếp tục nếu Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung, Hội đồng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy các bản án để điều tra lại.

Để bảo đảm mối quan hệ kiểm soát giữa VKSND và CQCSĐT, phòng ngừa việc vi phạm pháp luật trong việc kết thúc điều tra, pháp luật quy định sau khi tiếp nhận, thụ lý hồ sơ VAHS nếu phát hiện thấy còn thiếu những chứng cứ quan trọng mà VKSND không thể tự bổ sung được hoặc có vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHS hoặc vì các lý do khác theo quy định của pháp luật, VKSND sẽ trả hồ sơ cho CQCSĐT để yêu cầu điều tra bổ sung. CQCSĐT có trách nhiệm điều tra để thu thập bổ sung chứng cứ, khắc phục những sai sót theo yêu cầu của VKSND. Theo quy định của BLTTHS, VKSND chỉ được trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung không quá hai lần đối với một vụ án với những lý do, căn cứ đã được pháp luật TTHS quy định. Do đó, KSV phải nghiên cứu hồ sơ kỹ lưỡng, thận trọng, đề ra yêu cầu điều tra đầy đủ, toàn diện, tập trung vào những chứng cứ có giá trị chứng minh trực tiếp về hành vi, phương thức, thủ đoạn, công cụ, phương tiện, phạm tội, nhân thân của bị can,...; khắc phục những vi phạm pháp luật TTHS nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của chứng cứ thu thập được, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bị can. Nếu VKSND trả hồ sơ yêu cầu điều tra quá hai lần hoặc không có căn cứ pháp luật, CQCSĐT có quyền từ chối điều tra bổ sung và kiến nghị với VKSND chấp hành đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra bổ sung mối quan hệ tố tụng giữa

CQCSĐT và VKSND thực hiện bình thường theo các quy định của pháp luật TTHS liên quan điều tra VAHS.

Đối với trường hợp kết thúc điều tra và đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra: đình chỉ điều tra được hiểu là chấm dứt việc điều tra vụ án hoặc đối với từng bị can [75, tr.317]. CQCSĐT ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra, đồng thời gửi hồ sơ vụ án đến VKSND xem xét, quyết định. Sau khi xem xét hồ sơ vụ án trong thời gian luật định, nếu thấy có đủ căn cứ đình chỉ điều tra, VKSND trả lại hồ sơ cho CQCSĐT để giải quyết theo thẩm quyền; nếu thấy việc đình chỉ điều tra không có căn cứ thì VKSND hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu CQCSĐT phục hồi điều tra, đồng thời gửi quyết định và hồ sơ vụ án cho CQCSĐT; nếu thấy đủ căn cứ để truy tố thì VKSND hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố. Việc giao nhận các quyết định tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND được thể hiện bằng biên bản.

Tạm đình chỉ điều tra là tạm dừng việc tiến hành điều tra đối với vụ án hoặc đối với từng bị can trong một thời gian nhất định [67, tr.318]. CQCSĐT có thẩm quyền tạm đình chỉ điều tra. VKSND THQCT và kiểm sát việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra. Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, CQCSĐT phải gửi quyết định đến VKSND cùng cấp để VKSND kiểm tra căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện tạm đình chỉ.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND có quyền yêu cầu CQCSĐT cung cấp các thông tin, tài liệu, căn cứ, lý do pháp lý của việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; yêu cầu CQCSĐT thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra, ra quyết định truy nã bị can trước khi tạm đình chỉ điều tra; hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra không có căn cứ pháp luật; khi xét thấy căn cứ tạm đình chỉ điều tra không còn, VKSND yêu cầu CQCSĐT phục hồi điều tra và tiếp tục tiến hành điều tra vụ án.

Trong quá trình phục hồi điều tra, quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND được thực hiện bình thường theo các quy định của pháp luật TTHS liên quan đến điều tra VAHS.

- *Quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS*

Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS tuy không phải là hoạt động thu thập chứng cứ nhưng có mục đích phòng ngừa, phát hiện, khắc phục những vi phạm, thiếu sót trong hoạt động điều tra, nhằm bảo đảm cho việc buộc tội đúng pháp luật, khách quan, thuyết phục; do đó hoạt động này cũng do pháp luật TTHS điều chỉnh. Theo quy định của pháp luật TTHS, CQCSĐT và VKSND đều có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo, đồng thời VKSND kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điều tra. Thủ trưởng CQCSĐT có trách nhiệm giải quyết khiếu nại lần thứ nhất đối với quyết định, hành vi tố tụng trừ khiếu nại về việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam của phó thủ trưởng, ĐTV, cán bộ điều tra của CQCSĐT. Viện trưởng VKSND có trách nhiệm giải quyết khiếu nại lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt, quyết định tạm giữ, lệnh tạm giam và các hành vi thực hiện các lệnh, quyết định đó của CQCSĐT; các quyết định, hành vi tố tụng của thủ trưởng CQCSĐT đã được VKSND phê chuẩn; quyết định, hành vi tố tụng của phó thủ trưởng, ĐTV, cán bộ điều tra của CQCSĐT đã được thủ trưởng CQCSĐT giải quyết lần thứ nhất. Đối với hoạt động giải quyết tố cáo, nếu người bị tố cáo là thủ trưởng CQCSĐT, Viện trưởng VKSND thì thủ trưởng CQCSĐT và Viện trưởng VKSND cấp trên trực tiếp có trách nhiệm giải quyết; tố cáo liên quan đến hành vi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam của CQCSĐT do Viện trưởng VKSND có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Trong quan hệ phối hợp, CQCSĐT có trách nhiệm thông báo việc tiếp nhận và gửi văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo đến VKSND. Sau khi giải quyết khiếu nại, tố cáo về các quyết định, hành vi tố tụng của CQCSĐT, VKSND thông báo kết quả và gửi văn bản giải quyết đến CQCSĐT. Trong quan hệ kiểm soát, VKSND có quyền yêu cầu CQCSĐT giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền; tự kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và thông báo kết quả cho VKSND; yêu cầu CQCSĐT cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và khắc phục vi phạm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quan hệ

tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND khi giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS chủ yếu được thể hiện bằng hình thức gián tiếp, thông qua văn bản yêu cầu, kiến nghị, kết luận, cũng có trường hợp được thể hiện bằng hình thức trực tiếp khi VKSND trực tiếp làm việc, nghiên cứu, tài liệu hồ sơ tại CQCSĐT, phối hợp với CQCSĐT tiến hành các hoạt động: tiếp xúc, đối thoại trực tiếp người khiếu nại, tố cáo; công bố công khai quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo...

- Quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong tương trợ tư pháp về hình sự

Tương trợ tư pháp trong TTHS là việc các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng của nước này thực hiện hành vi tổ tụng hay hoạt động động tổ tụng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng nước khác trên cơ sở thỏa thuận giữa các quốc gia tương ứng [75, tr.582]. Nội dung tương trợ tư pháp về hình sự gồm: tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu cho người đang cư trú ở nước được yêu cầu; triệu tập người làm chứng, người giám định đang ở nước được yêu cầu; thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước được yêu cầu để giải quyết VAHS tại Việt Nam... Đây là các hoạt động tổ tụng tiếp nối của các hoạt động tổ tụng khác, không làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ của chủ thể tham gia TTHS nên mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của pháp luật TTHS Việt Nam hiện nay chỉ có tính chất phân công, phối hợp. VKSND tối cao là cơ quan trung ương của Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, CQCSĐT có trách nhiệm phối hợp và thực hiện các yêu cầu của VKSND tối cao. Trong quá trình điều tra VAHS, nếu xuất hiện nhu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, CQCSĐT lập hồ sơ ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật và gửi cho VKSND tối cao. VKSND tối cao phải kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc thông qua kênh ngoại giao. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì VKSND tối cao trả lại cho CQCSĐT và nêu rõ lý do. Sau khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, VKSND tối cao chuyển văn bản đó cho CQCSĐT đã đề nghị.

Trong trường hợp nhận được đề nghị ủy thác tư pháp về hình sự của nước ngoài đối với cơ quan tiến hành TTHS của Việt Nam, sau khi kiểm tra nếu thấy hồ sơ hợp lệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCSĐT, VKSND tối cao phải chuyển hồ sơ cho CQCSĐT thực hiện. Sau khi thực hiện xong, CQCSĐT thông báo kết quả bằng văn bản cho VKSND tối cao để chuyển văn bản đó cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Trường hợp ủy thác tư pháp về hình sự không thực hiện được hoặc quá thời hạn mà nước ngoài yêu cầu hoặc cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan, CQCSĐT phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do để VKSND tối cao thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu.

2.3.2. Hình thức mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

Hình thức là cách thể hiện, cách tiến hành một hoạt động nhằm mục đích cụ thể [51, tr.587]. Hình thức mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND là cách thức thực hiện mối quan hệ tố tụng này nhằm đạt được mục đích đặt ra. Do yêu cầu nghiêm ngặt, chặt chẽ của hoạt động TTHS và vai trò, ý nghĩa quan trọng của mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND đối với toàn bộ quá trình TTHS nên mối quan hệ tố tụng này chủ yếu được thực hiện thông qua văn bản. Trong quá trình điều tra VAHS, CQCSĐT có trách nhiệm tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ, lập biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai người làm chứng, người bị hại; biên bản đối chất, nhận dạng; biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm, thực nghiệm điều tra; quyết định trưng cầu giám định...kèm theo báo cáo bằng văn bản thể hiện quan điểm, đề xuất của CQCSĐT. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu của CQCSĐT, VKSND ra các quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn lệnh, quyết định của CQCSĐT; hủy bỏ quyết định trái pháp luật của CQCSĐT, đề ra yêu cầu điều tra, kiểm tra, xác minh hoặc yêu cầu CQCSĐT cung cấp thông tin, tài liệu để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra... Các quan điểm, yêu cầu, kiến nghị, thông báo của VKSND cũng phải được thể hiện bằng văn bản và được gửi đến cho CQCSĐT biết và thực hiện.

Bên cạnh đó, một cách thức quan hệ tố tụng khác được CQCSĐT và VKSND áp dụng đó là thông qua đối thoại, trao đổi trực tiếp giữa chủ thể có

thẩm quyền tiến hành TTHS của CQCSĐT và VKSND khi phối hợp để tiến hành một số hoạt động tố tụng như: ĐTV và KSV cùng tham gia lấy lời khai nhân chứng, người bị hại, hỏi cung bị can, đối chất, nhận dạng, khám xét, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra; thu giữ vật chứng... Qua đó, CQCSĐT và VKSND trao đổi, thể hiện quan điểm, ý kiến về việc điều tra, xử lý VAHS nhằm đạt được mục đích đặt ra. Đây là cách thức thực hiện quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND chỉ được áp dụng khi có tình huống điều tra hoặc những vụ án phức tạp, có nhiều đối tượng phạm tội, cần phải khẩn trương tiến hành biện pháp điều tra để ngăn chặn hậu quả, truy tìm tang vật, truy bắt đối tượng, bảo vệ tài liệu, chứng cứ, bảo vệ nhân chứng, người tố giác tội phạm.

2.4. Sự điều chỉnh của pháp luật đối với mối quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

Trong TTHS có nhiều mối quan hệ xã hội phát sinh nhưng chỉ các quan hệ xã hội do pháp luật TTHS điều chỉnh mới là quan hệ pháp luật TTHS. Mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS là mối quan hệ pháp luật TTHS được pháp luật TTHS điều chỉnh. Chủ thể của mối quan hệ tố tụng này là CQCSĐT, VKSND và những người có thẩm quyền tiến hành TTHS của các cơ quan này, đó là: Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV, cán bộ điều tra, Viện trưởng, Phó viện trưởng VKSND, KSV, kiểm tra viên. Khi tham gia vào quan hệ tố tụng này, các chủ thể thực hiện quyền, nghĩa vụ được quy định trong BLTTHS nhằm bảo đảm cho hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra khách quan, chính xác, đúng pháp luật, tạo thuận lợi cho hoạt động truy tố, xét xử. Đây vừa là mục đích đồng thời cũng là yếu tố làm cho CQCSĐT và VKSND có mối quan hệ pháp luật với nhau. Hay nói cách khác việc bảo đảm cho quyền lực nhà nước được thực hiện một cách đúng đắn trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra là khách thể chung của mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS. Trong mỗi VAHS, khách thể cụ thể của mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam có thể là quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị tội phạm xâm hại, trật tự, an ninh

quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, thuần phong mỹ tục,... Điều này không chỉ lý giải cho việc hình thành, phát triển hay chấm dứt mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS mà còn là cơ sở để xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia vào mối quan hệ tổ tụng này.

Do mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS là mối quan hệ pháp luật TTHS nên pháp luật TTHS điều chỉnh nội dung, hình thức và những vấn đề khác liên quan đến việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng này như: thẩm quyền tổ tụng, tổ chức bộ máy của CQCSĐT và VKSND. Khi tham gia vào mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, các chủ thể có quyền và nghĩa vụ do pháp luật TTHS quy định. Trong từng hoạt động TTHS cụ thể, các chủ thể lại có những quyền, nghĩa vụ khác nhau. Tuy nhiên, mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND là mối quan hệ giữa một bên là cơ quan thực hiện quyền kiểm sát quyền lực trong hoạt động tổ tụng và một bên là cơ quan trực tiếp tiến hành hoạt động TTHS. Trong đó, CQCSĐT tuy không phải là cơ quan cấp dưới của VKSND nhưng với tư cách là cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước có trách nhiệm thực hiện mọi yêu cầu, kiến nghị của VKSND, cơ quan kiểm soát thực hiện quyền lực nhà nước. Trong một số hoạt động tổ tụng, VKSND giữ quyền quyết định, CQCSĐT có nghĩa vụ phải chấp hành như: khởi tố bị can, áp dụng biện pháp tạm giam, kết thúc điều tra,... Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tạo ra nội dung của mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS và nó quy định cách cư xử của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV, cán bộ điều tra, Viện trưởng, Phó viện trưởng VKSND, KSV, kiểm tra viên trong mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS. Nếu bên nào không thực hiện đúng đắn, đầy đủ cách ứng xử của mình thì bên kia có quyền áp dụng các chế tài được pháp luật quy định hoặc yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền can thiệp, xử lý vi phạm.

Bên cạnh mối quan hệ pháp luật tổ tụng, giữa CQCSĐT và VKSND còn có mối quan hệ pháp luật hành chính như những cơ quan cơ quan nhà nước khác. Khác với quan hệ pháp luật tổ tụng, mối quan hệ pháp luật hành chính giữa CQCSĐT và VKSND là quan hệ phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ quản lý

nhà nước hoặc các nhiệm vụ khác được pháp luật quy định nhưng không phải hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin, khởi tố, điều tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS mà là các hoạt động có liên quan chức năng, nhiệm vụ tổ tụng như: quan hệ phối hợp thực hiện ý kiến chỉ đạo của cấp ủy điều tra, xử lý các vụ án lớn, phức tạp (bao gồm cả cơ chế phối hợp trong Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, Ban Nội chính); quan hệ phối hợp thực hiện xây dựng, phổ biến, tuyên truyền pháp luật, họp giao ban công tác, hội nghị sơ kết, tổng kết các chuyên đề nghiệp vụ điều tra, THQCT, kiểm sát điều tra, thanh tra, kiểm tra công tác khởi tố, điều tra VAHS,... Nhìn chung, mối quan hệ pháp luật ngoài tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND khá đa dạng và không chỉ theo chiều ngang mà còn theo chiều dọc (giữa CQCSĐT cấp trên với VKSND cấp dưới và ngược lại), được thiết lập theo các nhóm nhiệm vụ do pháp luật chuyên ngành khác điều chỉnh như: Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Phòng, chống ma túy; Luật phổ biến, giáo dục pháp luật...

Cách thức thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND cũng có ý nghĩa rất quan trọng, vì quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khi tham gia vào mối quan hệ pháp luật muốn được thực hiện phải thông qua các hình thức khác nhau. Do tính chất, yêu cầu nghiêm ngặt của hoạt động TTHS, nên hình thức thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND chủ yếu được thực hiện bằng văn bản nhưng trong một số trường hợp, để bảo đảm tính nhanh chóng, khẩn trương của hoạt động điều tra, truy bắt nghi phạm, bảo vệ chứng cứ, pháp luật TTHS có quy định tùy nghi cho phép thực hiện mối quan hệ tố tụng này có thể được thực hiện bằng hình thức trao đổi, đối thoại trực tiếp giữa người có thẩm quyền của CQCSĐT và VKSND.

Thẩm quyền tố tụng của CQCSĐT và VKSND cũng được pháp luật TTHS quy định cụ thể vì vấn đề này quyết định CQCSĐT và VKSND cấp nào có mối quan hệ tố tụng với nhau. Pháp luật TTHS Việt Nam phân chia thẩm quyền điều tra theo địa giới hành chính nên chỉ những CQCSĐT và VKSND trên cùng một địa giới hành chính mới có mối quan hệ tố tụng. Giữa CQCSĐT và VKSND khác địa giới hành chính không có mối quan hệ tố tụng nên pháp luật TTHS không điều

chỉnh mối quan hệ này. Thẩm quyền tổ tụng quyết định hệ thống tổ chức bộ máy của các cơ quan được giao quyền. Vì vậy, pháp luật TTHS sẽ điều chỉnh cả về tổ chức bộ máy của CQCSĐT và VKSND trong TTHS nhưng do đặc thù của hệ thống pháp luật Việt Nam nên pháp luật TTHS chỉ quy định chung nhất về hệ thống tổ chức bộ máy và các chức danh tư pháp của CQCSĐT và VKSND, còn cơ cấu tổ chức của CQCSĐT, VKSND do pháp luật về tổ chức bộ máy quy định cụ thể.

Kết luận Chương 2

Chương 2 đã làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam hiện nay. Luận án đã nghiên cứu, xác định mô hình TTHS và những đặc trưng của mô hình TTHS Việt Nam; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT, VKSND trong TTHS Việt Nam hiện nay. Từ đó, luận án xây dựng cơ sở lý luận về khái niệm, đặc điểm, nội dung, hình thức và sự điều chỉnh của pháp luật TTHS về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS. Đặc biệt, luận án đã làm rõ ba yếu tố đặc trưng, quan trọng và xuyên suốt trong mối quan hệ tổ tụng này, đó là phân công, phối hợp và kiểm soát việc thực hiện quyền lực nước trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS. Các kết quả nghiên cứu thu được góp làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận, làm phong phú thêm các kết quả nghiên cứu về mô hình TTHS nói chung và mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND nói riêng trong điều kiện đẩy mạnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN.

Chương 2 cũng dành một lưu lượng đáng kể để nghiên cứu về nội dung mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong từng hoạt động tổ tụng như: quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, áp dụng áp biện pháp điều tra, biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tương trợ tư pháp về hình sự.... Đây là cơ sở để thu thập, phân tích số liệu, đánh giá thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam.

Chương 3

THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Thực trạng quy định của pháp luật liên quan đến mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự

Mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS là mối quan hệ pháp luật nên được pháp luật quy định chặt chẽ và cụ thể. Do đó, cùng với xu thế đổi mới và hoàn thiện nền tư pháp, Nhà nước ta không ngừng hoàn thiện thống pháp luật TTHS quy định về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS.

Trước hết phải kể đến hệ thống pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT và VKSND đó là: các bản Hiến pháp năm 1960, 1980, 1992, 2013; BLTTHS năm 1988, năm 2003, 2015; Luật tổ chức VKSND năm 1960, 1981, 1992, 2014; Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2006, 2009), Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015. Đây là các đạo luật gốc, cơ sở pháp lý cơ bản để xây dựng nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS. Gắn với Hiến pháp, các bộ luật, luật, Bộ Công an/Bộ Nội vụ và VKSND tối cao đã ban hành nhiều văn bản liên tịch quy định trực tiếp về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, nội dung của quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKSND, làm cơ sở cho việc phân công, phối hợp và kiểm soát giữa hai cơ quan trong TTHS; có thể chia làm các giai đoạn sau:

- *Từ năm 1960 đến năm 1983*: căn cứ vào Luật tổ chức VKSD năm 1960, Bộ Nội vụ và VKSND ban hành nhiều văn bản liên tịch quy định về quan hệ phân công, phối hợp giữa CQĐT của Công an nhân dân và VKS như: Thông tư số 427-TTLB ngày 28/6/1963 quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa hai ngành trong công tác điều tra, kiểm sát điều tra; Thông tư số

01/TT ngày 27/3/1980 về nguyên tắc, nội dung phân loại và xử lý các vụ vi phạm pháp luật xảy ra tại cơ sở. Theo đó, cơ quan Công an đảm nhiệm việc điều tra tất cả những vụ án phản cách mạng và những tội phạm khác phức tạp. Còn VKS chủ yếu là làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra, đồng thời trong phạm vi điều kiện và khả năng của mình sẽ trực tiếp điều tra một số loại phạm pháp kinh tế và hành vi phạm pháp đã tương đối rõ.

- *Từ năm 1984 đến năm 2002*: thực hiện Hiến pháp năm 1980 và Luật tổ chức VKSND năm 1981, Bộ Nội vụ và VKSND tối cao ban hành Thông tư liên bộ số 01/TTLB ngày 23/01/1984 hướng dẫn về công tác điều tra và kiểm sát điều tra. So với Thông tư 427 năm 1963 thì Thông tư liên bộ số 01/TTLB quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về các quyền hạn, nhiệm vụ của CQĐT và VKSDN trong TTHS, phản ánh rõ hơn tính chất phân công, phối hợp, kiểm soát giữa hai cơ quan như quy định về phê chuẩn và thời hạn phê chuẩn; thời hạn CQĐT phải gửi quyết định, hồ sơ VAHS để VKSND xem xét, quyết định truy tố [Điểm 1, 91]. Các quy định của Thông tư số 01/TTLB đã được luật hóa trong BLTTHS năm 1988. Đây là văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất quy định về mối quan hệ giữa CQĐT và VKSND trong TTHS, trong đó không chỉ quy định nguyên tắc chung mà còn quy định cụ thể trong các chế định tố tụng hình sự như: tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; khởi tố vụ án, khởi tố bị can, chuyển vụ án, nhập, tách vụ án...

- *Từ năm 2003 đến năm 2015*: để thực hiện chủ trương cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, BLTTHS năm 2003 đã phân định cụ thể, rõ ràng, rành mạch hơn quyền hạn, nhiệm vụ của CQĐT và VKS theo hướng CQĐT trực tiếp thực hiện các hoạt động điều tra, VKS THQCT và kiểm sát các hoạt động của CQĐT. Thực hiện BLTTHS năm 2003, VKSND tối cao, Bộ Công an và các cơ quan khác đã ban hành nhiều văn bản liên tịch hướng dẫn các nội dung của quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, như: Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-

BQP-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định về khiếu nại, tố cáo; Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS; Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDT-BCA-BQP-TANDTC ngày 02/10/2010 quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 về tiếp nhận, giải quyết tố cáo, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố... Đặc biệt là Thông tư liên tịch số 05 Với các văn bản pháp lý trên, mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND đã được hoàn thiện một bước, quan hệ phối hợp, kiểm soát nhịp nhàng, chặt chẽ, tăng cường vai trò của công tố trong hoạt động điều tra, giúp VKS nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác THQCT và kiểm sát các động tư pháp.

- *Từ năm 2015 đến nay*: thực hiện Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức CQĐT năm 2015, Luật tổ chức VKSND năm 2014, Bộ Công an, VKSND tối cao và các bộ, ngành có liên quan đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/11/2017 quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố cáo, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDT-BCA-BQP-TANDTC ngày 27/11/2017 quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTP-BTC-BNN&PTNN ngày 05/4/2018 quy định phối hợp trong báo cáo thông báo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp và nhiều văn bản liên tịch khác thay thế hệ thống văn bản hướng dẫn BLTTH năm 2003. Đây là cơ sở pháp lý hiện hành, trực tiếp, làm cơ sở cho việc hoàn thiện quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, đáp ứng với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và cải cách tư pháp trong thời gian tới. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều quy định mới của

BLTTHS năm 2015 chưa được hướng dẫn thi hành như quy định về việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, đề nghị thay đổi KSV, ĐTV nếu thấy có dấu hiệu không vô tư, khách quan, nhất là việc các cơ quan tư pháp trung ương chưa ban hành được Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNTC-BCA-BQP, văn bản pháp lý có vai trò “xương sống” của mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND là thiếu sót, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa hai cơ quan này trong TTTHS trên thực tế.

3.2. Thực trạng tổ chức bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân

3.2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Thực hiện quy định của Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015, CQCSĐT được tổ chức theo 3 cấp, gồm: CQCSĐT Bộ Công an; CQCSĐT Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (CQCSĐT Công an cấp tỉnh); CQCSĐT Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (CQCSĐT Công an cấp huyện).

CQCSĐT Bộ Công an gồm có 5 đơn vị, đó là: Văn phòng CQCSĐT; Cục CSĐT tội phạm về trật tự xã hội; Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ; Cục CSĐT tội phạm về ma túy; Cục CSĐT tội phạm về buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, xâm phạm sở hữu trí tuệ (Cục CSĐT tội phạm về buôn lậu). So với trước năm 2015, tổ chức bộ máy của CQCSĐT Bộ Công an có sự thay đổi: Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng hợp nhất với Cục CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thành Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ; thành lập Cục CSĐT tội phạm về buôn lậu. Sự thay đổi này là do qua tổng kết thực tiễn cho thấy tội phạm về tham nhũng luôn có sự gắn kết chặt chẽ với tội phạm chức vụ nên không cần thiết phải phân thành hai đơn vị khác nhau, dẫn đến chồng chéo về địa bàn, đối tượng đấu tranh. Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của Bộ Chính trị, ngày 06/8/2018 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2018/NĐ-CP tổ chức lại

tổ chức bộ máy của Bộ Công an, theo đó đã hợp nhất Cục Cục CSĐT tội phạm về buôn lậu với Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ thành Cục CSĐT về tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu.

CQCSĐT Bộ Công an điều tra khoảng 0,9% số vụ án, 1% số bị can thuộc thẩm quyền của CQCSĐT [36], số lượng ĐTV của CQCSĐT Bộ Công an chiếm 4,11% tổng số ĐTV của CQCSĐT (*Phụ lục 4*).

Tương ứng với tổ chức CQCSĐT Bộ Công an, CQCSĐT Công an cấp tỉnh gồm có 5 đơn vị, đó là: Văn phòng CQCSĐT; Phòng CSĐT tội phạm về trật tự xã hội; Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ; Phòng CSĐT tội phạm về ma túy; Phòng CSĐT tội phạm về buôn lậu. Theo mô hình mới của Bộ Công an, Phòng CQCSĐT tội phạm về buôn lậu sẽ hợp nhất với Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế, chức vụ thành Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu.

CQCSĐT Công an cấp tỉnh điều tra 11% số vụ án, 9,5% số bị can thuộc thẩm quyền điều tra của CSĐT [36], số lượng ĐTV chiếm 27,49% tổng số ĐTV của CQCSĐT (*Phụ lục 4*).

CQCSĐT Công an cấp huyện, nếu được bố trí đầy đủ gồm 4 đơn vị, đó là: Đội Điều tra tổng hợp; Đội CSĐT tội phạm về trật tự xã hội; Đội CSĐT tội phạm về kinh tế và chức vụ và Đội CSĐT tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, mật độ dân số, điều kiện địa lý... khác nhau nên cơ cấu tội phạm mỗi đơn vị cấp huyện khác nhau. Do đó, đến tháng 05/2018, Bộ Công an chỉ bố trí 156 CQCSĐT Công an cấp huyện có đầy đủ 04 đội điều tra, 230 CQCSĐT Công an cấp huyện tổ chức 03 đội điều tra, 207 CQCSĐT Công an cấp huyện tổ chức 02 đội điều tra, các CQCSĐT còn lại tổ chức 01 đội điều tra [17].

CQCSĐT Công an cấp huyện điều tra trên 88% vụ án, 89,5% bị can thuộc thẩm quyền của CQCSĐT [36], số lượng ĐTV chiếm tỉ lệ 68,40% tổng số ĐTV của CQCSĐT (*Phụ lục 4*).

3.2.2. Thực trạng tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân

Thực hiện Luật tổ chức VKSND năm 2014, hệ thống VKSND (không tính VKS quân sự các cấp) được tổ chức thành 4 cấp, gồm: VKSND tối cao; VKSND cấp cao; VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (VKSND cấp tỉnh); VKSND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (VKSND cấp huyện). Trong đó, VKSND tối cao, VKSND cấp tỉnh, VKSND cấp huyện có chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động điều tra VAHS, riêng VKSND cấp cao được tổ chức gắn với TAND cấp cao (được tổ chức theo khu vực Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh) có nhiệm vụ THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp đối với việc giải quyết các vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của TAND cấp cao, không có nhiệm vụ THQCT và KSĐT nên không có mối quan hệ tổ tụng với CQĐT nói chung và CQCSĐT nói riêng.

VKSND tối cao có 25 đơn vị cấp cục, vụ và tương đương, trong đó có 6 vụ có chức năng THQCT và KSĐTV AHS được tổ chức theo loại tội phạm, đó là: Vụ THQCT và KSĐT án an ninh (Vụ 1); Vụ THQCT và KSĐT án trật tự xã hội (Vụ 2); Vụ THQCT và KSĐT án kinh tế (Vụ 3); Vụ THQCT và KSĐT án ma túy (Vụ 4); Vụ THQCT và KSĐT án tham nhũng, chức vụ (Vụ 5) và Vụ THQCT và KSĐT án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp (Vụ 6). Trong đó, các vụ 2, 3, 4, 5 có nhiệm vụ THQCT và KSĐT các VAHS thuộc thẩm quyền điều tra của CQCSĐT, Vụ 1 THQCT và KSĐT các VAHS thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân, Vụ 6 THQCT và KSĐT các vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của CQĐT VKSND tối cao. Các đơn vị còn lại của VKSND tối cao thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hành chính, kinh tế, lao động; kiểm sát việc giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; kiểm sát thi hành án; hành chính, văn phòng... Hiện nay, VKSND tối cao có 19 KSV VKSND tối cao, 132 KSV cao cấp, 103 KSV trung cấp, 67 KSV sơ cấp, chiếm tỉ lệ 3,68% tổng số KSV của VKSND (*các phụ lục 4, 5*).

Đối với VKSND cấp tỉnh nếu được bố trí đầy đủ sẽ gồm 5 phòng THQCT và KSĐT tương ứng với VKSND tối cao (chỉ thiếu đơn vị THQCT và KSĐT án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp do thẩm quyền điều tra các vụ án này thuộc CQĐT VKSND tối cao) nhưng thực hiện cả nhiệm vụ KSXX sơ thẩm để KSV được theo vụ án ngay từ giai đoạn khởi tố, điều tra cho đến khi xét xử, bảo đảm sự liên thông giữa các hoạt động THQCT, KSĐT và KSXX; cụ thể đó là: Phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm án an ninh (Phòng 1); Phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm án trật tự xã hội (Phòng 2); Phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm án kinh tế (Phòng 3); Phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm án ma túy (Phòng 4); Phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm án tham nhũng, chức vụ (Phòng 5). Tuy nhiên, do tình hình tội phạm và khối lượng công việc, chỉ có VKSND thành phố Hà Nội được bố trí đủ 5 phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm, 14 VKSND cấp tỉnh được bố trí 4 phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm (có hai phòng được hợp nhất với nhau). Các VKSND cấp tỉnh khác chỉ bố trí 3 phòng THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm. Các đơn vị còn lại của VKSND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hành chính, kinh tế, lao động và các việc khác theo quy định của pháp luật... VKSND cấp tỉnh có 64 KSV cao cấp, 2.225 KSV trung cấp, 528 KSV sơ cấp, chiếm tỉ lệ 32,29% số KSV của VKSND (các phụ lục 4, 5).

Tổ chức VKSND cấp huyện gồm bộ phận THQCT, KSĐT, KSXX sơ thẩm án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của CQCSĐT Công an cấp huyện, bộ phận kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hành chính, kinh tế, lao động và các việc khác theo quy định của pháp luật; bộ phận kiểm sát việc giam, giữ, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; kiểm sát thi hành án; bộ phận giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tuy nhiên, sự phân công này chỉ mang tính chất tương đối, vì hầu hết KSV VKSND cấp huyện đều phải tham gia THQCT và KSĐT. VKSND cấp huyện có 1.091 KSV trung cấp, 4.312 KSV sơ cấp, chiếm tỉ lệ 61,93% số KSV của VKSND (các phụ lục 4, 5).

3.3. Thực trạng việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

3.3.1. Quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm

Theo quy định của BLTTHS, CQCSĐT có nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, VKSND THQCT và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQCSĐT và trực tiếp giải quyết nguồn tin về tội phạm trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật.

Tính từ năm 2008 đến tháng 05/2018, CQCSĐT các cấp đã tiếp nhận tổng số 1.008.387 nguồn tin về tội phạm, trong đó: công dân tố giác: 555.720 vụ việc, chiếm tỉ lệ 55,1%; cơ quan Công an phát hiện: 313.608 vụ việc, chiếm tỉ lệ 31,1%; các cơ quan, tổ chức khác báo tin: 94.788 vụ việc, chiếm tỉ lệ 9,4%; người phạm tội tự thú: 38.318 vụ việc, chiếm tỉ lệ 3,8% và do các cơ quan báo chí cung cấp: 6.050 vụ việc, chiếm tỉ lệ 0,6%. Kết quả xử lý, CQCSĐT đã giải quyết 897.061 nguồn tin về tội phạm, chiếm tỉ lệ 88,96%, đang giải quyết 12.529 nguồn tin về tội phạm, trong đó có 504 nguồn tin đã quá hạn khởi tố (*Phụ lục 1*). Trong quan hệ phối hợp, CQCSĐT đã thông báo và phối hợp cho VKSND để phân loại nguồn tin về tội phạm. VKSND các cấp đã phân công lãnh đạo, KSV kiểm sát việc phân loại tố giác và tham gia kiểm sát khám nghiệm và các hoạt động điều tra ban đầu đối với các vụ án có hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Khi VKSND nhận được nguồn tin về tội phạm, nếu thấy thuộc thẩm quyền của CQCSĐT, thì VKSND chuyển ngay nguồn tin và các tài liệu có liên quan đến CQCSĐT để thụ lý, giải quyết.

CQCSĐT và VKSND cùng cấp thường xuyên tiến hành họp để bàn bạc, trao đổi, thảo luận, thống nhất quan điểm giải quyết những nguồn tin về tội phạm có tình tiết phức tạp. ĐTV và KSV cũng thường xuyên phối hợp trực tiếp để phân loại nguồn tin về tội phạm theo quy định của BLTTHS và Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC để có biện

pháp xử lý, giải quyết đúng pháp luật, hạn chế số lượng nguồn tin về tội phạm bị quá hạn giải quyết.

Trong quan hệ kiểm soát, để bảo đảm việc xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố có căn cứ, đúng pháp luật, VKSND đã từ chối phê chuẩn 1.097 lệnh bắt khẩn cấp, hủy bỏ 3.155 quyết định tạm giữ người của CQCSĐT. Thông qua công tác kiểm sát, VKSND đã phát hiện ra nhiều sai phạm như: việc phân loại nguồn tin về tội phạm chưa chính xác, không vào sổ thụ lý nguồn tin về tội phạm, không ban hành quyết định phân công ĐTV giải quyết nguồn tin về tội phạm hoặc việc phân công Phó thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV giải quyết nguồn tin về tội phạm không đúng quy định của pháp luật; vi phạm thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, ra quyết định không khởi tố VAHS nhưng không xử lý tang vật đã thu giữ; chuyển xử lý hành chính nhưng không ra quyết định không khởi tố VAHS; không thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm cho tổ chức, cá nhân cung cấp. Vì vậy, VKSND đã ban hành 5.636 văn bản yêu cầu, kiến nghị CQCSĐT áp dụng biện pháp phòng ngừa, khắc phục, xử lý vi phạm pháp luật trong tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm (*Phụ lục 3*).

Bên cạnh đó, quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế như: quan hệ phối hợp lập hồ sơ tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm chưa được quan tâm đúng mức, hồ sơ còn thiếu nhiều tài liệu quan trọng như: kế hoạch xác minh, báo cáo đề xuất của ĐTV, KSV được phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm; biên bản khám nghiệm ghi không đầy đủ, thiếu chữ ký của KSV, người chứng kiến, biên bản ghi lời khai lập cầu thả, bị sửa chữa, gạch bỏ, thiếu thời gian, địa điểm... Theo quy định của BLTTHS, trong thời hạn 03 ngày làm việc, CQCSĐT phải gửi kết quả giải quyết cùng hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm cho VKSND cùng cấp; trong thời hạn 06 ngày làm việc, VKSND phải có văn bản thể hiện quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý về kết quả giải quyết. Tuy nhiên, trên thực tế còn xảy ra tình trạng CQCSĐT chậm gửi

thông báo kết quả giải quyết cho VKSND nhưng KSV cũng không thường xuyên đôn đốc, yêu cầu, nhắc nhở ĐTV khắc phục. Ngược lại, có một số trường hợp khi CQCSĐT gửi kết quả giải quyết cho VKSND nhưng VKSND không đưa ra quan điểm bằng văn bản đồng ý hay không đồng ý. CQCSĐT và VKSND chưa chủ động phối hợp giải quyết tố giác, tin báo quá hạn nên số tin, đơn quá hạn hoặc hết thời hạn giải quyết nhưng CQCSĐT chưa ra được quyết định khởi tố VAHS hay quyết định không khởi tố VAHS chiếm tỉ lệ cao, trên 4% trên tổng số nguồn tin về tội phạm đang giải quyết.

Quan hệ kiểm soát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm còn nặng về hình thức, thiếu chặt chẽ và chưa đi vào thực chất. CQCSĐT một số địa phương do “bệnh thành tích” hoặc vì các lý do khác không thống kê, báo cáo đầy đủ số lượng nguồn tin về tội phạm nhưng VKSND không phát hiện được. Điển hình là vụ án đường dây trộm cắp tài sản do Nguyễn Văn Kỳ (36 tuổi, ở Châu Phú, An Giang) cầm đầu đã trộm cắp, tiêu thụ hơn 3.000 xe máy tại 18 tỉnh phía Nam từ năm 2014 đến 2016 nhưng CQCSĐT các địa phương này chỉ báo cáo nhận được hơn 300 tố giác, tin báo mất xe máy. Khi kiểm sát trực tiếp việc giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQCSĐT, VKSND một số địa phương ra bản kiến nghị, yêu cầu chung chung, không chỉ ra được CQCSĐT, ĐTV đã vi phạm điều luật, quy định nào nên CQCSĐT không thấy được đã sai ở đâu để khắc phục, sửa chữa; có nhiều trường hợp, VKSND không ra văn bản kiến nghị khắc phục sai phạm vì sợ ảnh hưởng đến quan hệ phối hợp.

3.3.2. Quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can

Trong hoạt động khởi tố VAHS: từ kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm, CQCSĐT sẽ ra một trong hai quyết định khởi tố VAHS hoặc không khởi tố VAHS (BLTTHS năm 2015 còn quy định nếu hết thời hạn giải quyết mà chưa đủ căn cứ ra một trong hai quyết định nêu trên thì CQCSĐT ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm). Từ năm 2008 đến tháng 5/2018, CQCSĐT toàn quốc ra quyết định khởi tố 606.413 VAHS; không khởi tố VAHS

279.883 vụ, việc (*Phụ lục 1*). VKS trực tiếp khởi tố 278 VAHS và chuyển đến CQCSĐT tiến hành điều tra [89].

Quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND trong việc khởi tố VAHS trong thời gian qua cơ bản được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hình thức phối hợp chủ yếu thông qua văn bản và hồ sơ ban đầu của vụ án. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố VAHS, quyết định không khởi tố VAHS, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố VAHS, CQCSĐT gửi quyết định khởi tố kèm theo hồ sơ tài liệu đến VKSND cùng cấp để kiểm sát việc khởi tố; ngược lại, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định khởi tố VAHS, VKSND cũng phải gửi đến CQCSĐT có thẩm quyền để tiến hành điều tra. Đối với những vụ án, vụ việc phức tạp, khó xác định tội danh, trước khi ra một trong các quyết định nêu trên, CQCSĐT và VKSND thường tổ chức họp, phối hợp trực tiếp để đánh giá các tình tiết, chứng cứ thu thập được, tháo gỡ những vướng mắc và thống nhất quan điểm, đường lối xử lý, giải quyết vụ án, vụ việc. Bên cạnh đó, giữa hai cơ quan vẫn còn tình trạng chậm gửi quyết định tố tụng và các tài liệu có liên quan cho nhau làm ảnh hưởng đến hoạt động TTHS, nhất là khi CQCSĐT ra quyết định không khởi tố vụ án thường không gửi đến VKSND trong thời hạn luật định; một số VKSND khi nhận được quyết định không khởi tố VAHS của CQCSĐT không đưa ra quan điểm, làm giảm vai trò của VKSND trong hoạt động khởi tố VAHS, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án, vụ việc.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND chủ động đưa ra các yêu cầu và thực hiện quyền hủy bỏ các quyết định tố tụng của CQCSĐT trong hoạt động khởi tố VAHS, góp phần quan trọng bảo đảm cho hoạt động khởi tố VAHS đúng pháp luật, chính xác. VKSND đã hủy bỏ 492 quyết định không khởi tố VAHS, 746 quyết định khởi tố VAHS của CQCSĐT; yêu cầu CQCSĐT tự hủy bỏ 219 quyết định khởi tố VAHS. VKSND trực tiếp ra quyết định hủy bỏ 114 quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS; yêu cầu CQCSĐT thay đổi, bổ sung 420 quyết định khởi tố VAHS (*Phụ lục 3*). Những

vụ án, vụ việc VKSND yêu cầu CQCSĐT hoặc trực tiếp hủy bỏ, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố VAHS là những vụ việc phức tạp, hành vi phạm tội không rõ ràng, CQCSĐT bị nhầm lẫn trong việc đánh giá chứng cứ hoặc vì các nguyên nhân chủ quan dẫn đến “hình sự hóa” quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự, thương mại, lao động hoặc lời khai của nhân chứng, người bị hại thiếu chính xác dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Ví dụ: vụ Mai Hoàng Duy Hậu phạm tội theo Điều 202 BLHS vào tối ngày 06/12/2016 tại ấp Cần Đước, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, với lỗi sử dụng rượu trước khi lái xe. Do không xem xét kỹ các tình tiết của vụ việc, bỏ sót nhiều lời khai quan trọng của nhân chứng nên CQCSĐT huyện Mỹ Xuyên ra quyết định không khởi tố VAHS; nhận thấy có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, VKSND đã yêu cầu CQCSĐT hủy bỏ quyết định không khởi tố VAHS và tiếp tục điều tra vụ án. Thực hiện yêu cầu của VKSND, CQCSĐT đã hủy bỏ 131/219 quyết định khởi tố VAHS, đã thay đổi, bổ sung 182/420 quyết định khởi tố VAHS; đối với các trường hợp còn lại, qua công tác kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, CQCSĐT thấy chưa đủ căn cứ để khởi tố VAHS hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS nên đã kiến nghị, thông báo lại VKSND biết. Ví dụ: vụ Nguyễn Văn Hương, ở xóm 12, xã Thạch Bằng, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh bị tố cáo hiếp dâm chị Nguyễn Thị Loan vào ngày 14/7/2012. VKSND yêu cầu CQCSĐT khởi tố vụ án hiếp dâm theo Điều 112 BLHS. Tuy nhiên, qua xác minh cho thấy anh Hương và chị Loan có sự đồng thuận khi quan hệ tình dục nên không cấu thành tội hiếp dâm. Vì vậy, CQCSĐT đã ra quyết định không khởi tố VAHS và thông báo cho VKSND biết.

Trong hoạt động khởi tố bị can: khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân thương mại đã thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm thì CQCSĐT ra quyết định khởi tố bị can. Từ năm 2008 đến tháng 05/2018, CQCSĐT đã khởi tố 1.102.379 bị can. VKSND đã trực tiếp khởi tố 221 bị can yêu cầu CQCSĐT tiến hành điều tra. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết

định khởi tố bị can, CQCSĐT chuyển quyết định khởi tố bị can và tài liệu liên quan đến việc khởi tố bị can cho VKSND cùng cấp để xem xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; ngược lại, trường hợp VKSND ra quyết định khởi tố bị can thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định, VKSND chuyển quyết định đến CQCSĐT để tiến hành điều tra. Trong quan hệ phối hợp, sau khi nhận được quyết định khởi tố bị can và các tài liệu kèm theo của CQCSĐT, VKSND các cấp đã kịp thời phân công KSV nghiên cứu, đánh giá các chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Đối với các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, trong quá trình xem xét phê chuẩn, KSV phối hợp trực tiếp với ĐTV nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ thu thập được, hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị hại, nhân chứng... Nếu thấy quyết định khởi tố bị can của CQCSĐT có căn cứ, KSV đề xuất lãnh đạo Viện ban hành quyết định phê chuẩn và chuyển lại CQCSĐT tiến hành điều tra; nếu thấy chưa đủ căn cứ khởi tố bị can, VKSND ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can hoặc yêu cầu CQCSĐT bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn và gửi ngay cho CQCSĐT trong thời hạn luật định.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND đã hủy bỏ 2.708 quyết định khởi tố bị can và 128 quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can của CQCSĐT; yêu cầu CQCSĐT thay đổi, bổ sung 722 quyết định khởi tố bị can, ra quyết định khởi tố 4.373 bị can nhằm chống bỏ lọt tội phạm (*Phụ lục 3*). Nhìn chung, các quyết định, yêu cầu, kiến nghị của VKSND có căn cứ pháp luật, góp phần quan trọng định hướng cho hoạt động điều tra đi vào đúng bản chất sự thật của vụ án. Ví dụ: vụ án Trần Hoàng Long (công nhân của Công ty TNHH thủy hải sản HAIWANG, ở phường Đức Thắng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận) điều khiển xe ô tô của Công ty trong khu vực kho hàng gây tai nạn làm anh Hoàng Quốc Trung bị tử vong. CQCSĐT TP. Phan Thiết khởi tố bị can đối với Long về tội vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ theo Điều 202 BLHS và đề nghị VKSND cùng cấp ra quyết định phê chuẩn. Sau khi xem xét, đánh giá các chứng cứ, VKSND yêu cầu CQCSĐT

thay đổi quyết định khởi tố bị can về tội vô ý làm chết người theo Điều 98 BLHS. TAND TP. Phan Thiết đã xét xử Long về tội danh này và tuyên phạt bị cáo 2 năm tù.

Trong quá trình điều tra, nếu thấy các yêu cầu, kiến nghị của VKSND không có căn cứ pháp luật hoặc chưa đủ điều kiện để thực hiện, CQCSĐT thông báo kết quả điều tra và kiến nghị VKSND cùng cấp về quan điểm xử lý vụ án. Nếu VKSND cùng cấp không nhất trí với quan điểm của CQCSĐT thì CQCSĐT kiến nghị với VKSND cấp trên trực tiếp. Ví dụ: vụ Phạm Đức Cảnh và Bùi Văn Toàn (ở tổ 5 phường Cầu Thia, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái) bị CQCSĐT thị xã Nghĩa Lộ khởi tố về tội cướp giết tài sản nhưng VKSND cùng cấp yêu cầu CQCSĐT khởi tố các bị can về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. CQCSĐT đã tiến hành điều tra, thông báo kết quả và tiếp tục đề nghị khởi tố các bị can về tội cướp giết tài sản nhưng VKSND vẫn không nhất trí. CQCSĐT thị xã Nghĩa Lộ đã kiến nghị với VKSND tỉnh Yên Bái. Sau khi cơ quan này cho ý kiến, VKSND thị xã Nghĩa Lộ đã thống nhất quan điểm là các bị can phạm tội cướp giết tài sản.

Tuy nhiên, quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong hoạt động khởi tố VAHS, khởi tố bị can vẫn còn nhiều trường hợp thiếu chặt chẽ, vi phạm quy định của pháp luật. Trong quan hệ phối hợp, vẫn còn xảy ra tình trạng CQCSĐT chậm gửi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc chỉ gửi quyết định không gửi các tài liệu kèm theo cho VKSND để có đủ căn cứ xem xét, phê chuẩn; có nhiều vụ án, vụ việc phức tạp nhưng CQCSĐT không gửi ngay quyết định khởi tố vụ án cho VKSND mà chờ đến khi có quyết định khởi tố bị can và các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn mới gửi các quyết định cho VKSND làm KSV vừa phải nghiên cứu hồ sơ để cho ý kiến về việc khởi tố vụ án, vừa phải nghiên cứu các căn cứ để đề xuất phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn nên không bảo đảm thời hạn 3 ngày theo luật định. Khi nhận được quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, một số VKSND chậm cho ý kiến, kéo dài thời gian xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, chưa kịp

thời đáp ứng yêu cầu công tác điều tra, xử lý tội phạm và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Điển hình là vụ Nguyễn Thu Hà (quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng) bị khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau 10 tháng nghiên cứu hồ sơ VKSND mới ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can; vụ Nguyễn Thị Ánh Hồng phạm tội vận chuyển buôn bán hàng cấm bị khởi tố bị can ngày 08/10/2014 đến ngày 09/3/2016 VKSND TP. Sóc Trăng mới phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; vụ Trần Xuân Thọ bị khởi tố về tội cố ý gây thương tích, CQCSĐT thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa khởi tố ngày 26/01/2015 nhưng đến ngày 23/3/2016 VKSND cùng cấp mới phê chuẩn quyết định khởi tố bị can... Trong 6 tháng đầu năm 2017 tại 22 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 22 vụ VKSND xem xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can trong vòng 1 tháng, 40 vụ VKSND kéo dài thời gian phê chuẩn quyết định khởi tố bị can trong nhiều tháng [74]. Đây là các trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTTHS cần được CQCSĐT và VKSND quan tâm, chỉ đạo, rút kinh nghiệm, khắc phục dứt điểm khi phối hợp điều tra, xử lý tội phạm trong thời gian tới. Một số quy định của BLTTHS năm 2003 về quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND có vướng mắc, bất cập nhưng đến BLTTHS năm 2015 vẫn chưa được khắc phục. Ví dụ: trường hợp VKSND yêu cầu CQCSĐT khởi tố bị can, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can, CQCSĐT đã thực hiện theo yêu cầu của VKSND nhưng vẫn phải gửi quyết định cho VKSND để phê chuẩn là không cần thiết.

Trong quan hệ kiểm soát, một số VKSND chưa kiểm sát chặt chẽ việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, dẫn đến oan, sai, đến giai đoạn tố tụng sau mới phát hiện ra và phải đình chỉ vụ án. Điển hình như vụ ông Nguyễn Văn Tấn, chủ quán cà phê “Xin chào” ở huyện Bình Chánh, TP. HCM bị CQCSĐT khởi tố về tội kinh doanh trái phép, VKSND ra bản cáo trạng đề nghị truy tố ông Tấn, đến giai đoạn chuẩn bị xét xử mới phát hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Tấn là chưa đủ căn cứ pháp luật, có dấu hiệu “hình sự hóa” quan hệ hành chính, kinh tế; do đó VKSND TP. HCM đã phải ra quyết định đình chỉ vụ án nêu trên. Một số trường hợp, khi CQCSĐT ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, KSV

chưa chủ động tiếp cận hồ sơ ngay từ đầu chờ đến khi CQCSĐT hoàn tất bản kết luận điều tra chuyển hồ sơ sang VKSND mới phát hiện ra việc khởi tố chưa chính xác hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên trả hồ sơ vụ án cho CQCSĐT để điều tra bổ sung hoặc ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, làm việc điều tra vụ án bị kéo dài, gây lãng phí, tốn kém, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Nhiều KSV chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án hoặc do “bệnh thành tích”, nóng vội, chủ quan nên yêu cầu khởi tố không có căn cứ pháp luật, không phù hợp với thực tiễn của vụ án. Theo thống kê, khảo sát, có gần 50% yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của VKSND CQCSĐT không thể thực hiện được hoặc không có cơ sở để thực hiện. Ngược lại, nhiều CQCSĐT thiếu chủ động trong việc giám sát lại hoạt động THQCT và KSĐT, chưa phát hiện kịp thời các vi phạm của VKSND cùng cấp để kiến nghị với VKSND có biện pháp xử lý.

3.3.3. Quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tiến hành các biện pháp điều tra, lập hồ sơ vụ án

Theo quy định của BLTTHS năm 2003, để thu thập chứng cứ, làm rõ sự thật khách quan của VAHS, CQCSĐT được tiến hành các biện pháp điều tra: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; khám người, khám chỗ ở, địa điểm, chỗ làm việc; hỏi cung bị can, lấy lời khai của người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác; thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện; xem xét dấu vết trên thân thể; đối chất, nhận dạng thực nghiệm điều tra. Đến BLTTHS năm 2015, ngoài các biện pháp điều tra trên Bộ luật bổ sung biện pháp nhận biết giọng nói, định giá tài sản và các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử, bắt đầu được áp dụng từ đến ngày 01/01/2018. Tùy theo tính chất, mức độ và nhất là tác động của việc áp dụng biện pháp điều tra đối với quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân mà mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND được thể hiện ở các mức độ khác nhau.

Đối với hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi: theo thống kê của Tổng cục Cảnh sát, từ năm 2008 đến tháng 05/2018, CQCSĐT các cấp đã khám nghiệm hiện trường khoảng 395.000 vụ, khám nghiệm tử thi khoảng 168.000 vụ. Xác định công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến kết quả điều tra, xử lý tội phạm ở các giai đoạn sau nên CQCSĐT và VKSND các cấp phối hợp chặt chẽ trong công tác khám nghiệm. Khi nhận được tin báo, tố giác tội phạm, các vụ chết người chưa rõ nguyên nhân, giết người, gây thương tích nặng dẫn đến hậu quả chết người,... CQCSĐT thông báo trực tiếp cho VKSND đề cử KSV tham gia khám nghiệm. Đối với những vụ án phức tạp, án truy xét, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, CQCSĐT thành lập đoàn khám nghiệm do Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng CQCSĐT làm trưởng đoàn, mời bác sĩ pháp y, giám định viên, cán bộ kỹ thuật hình sự và KSV tham gia thành phần đoàn. Khi nhận được đề nghị của CQCSĐT, VKSND cử KSV có kinh nghiệm trong công tác khám nghiệm hoặc Phó viện trưởng phụ trách hình sự trực tiếp tham gia khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và kiểm sát các hoạt động điều tra tại hiện trường, bảo đảm việc khám nghiệm có căn cứ, đúng pháp luật và thu thập được nhiều chứng cứ, tài liệu.

Trong quan hệ kiểm soát, quá trình tham gia khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, KSV theo dõi, giám sát chặt chẽ hoạt động khám nghiệm của ĐTV, đoàn khám nghiệm, kịp thời phát hiện những thiếu sót, vi phạm pháp luật trong quá trình khám nghiệm (chụp ảnh, xác định tung tích nạn nhân, vẽ sơ đồ hiện trường, thu giữ dấu vết, vật chứng, ghi lời khai nhân chứng, người liên quan...) để yêu cầu ĐTV, trưởng đoàn khám nghiệm xác minh, khắc phục, bổ sung, tránh bỏ lọt dấu vết, vật chứng. Nếu thấy thành phần tham gia khám nghiệm chưa đầy đủ (chưa có người chứng kiến, bác sĩ pháp y, đại diện gia đình trong trường hợp khai quật tử thi,...), KSV yêu cầu ĐTV mời bổ sung, khi nào đúng, đủ thành phần mới tiến hành khám nghiệm. Trong trường hợp cần thiết, KSV giám sát trực tiếp việc ĐTV ghi lời khai của người bị hại, nhân chứng tại hiện trường. Kết thúc khám nghiệm, KSV kiểm sát chặt chẽ việc lập biên bản khám nghiệm. Biên bản khám nghiệm

được CQCSĐT lập theo biểu mẫu tổ tụng theo quy định của Bộ Công an (Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự), có đầy đủ chữ ký của người tham gia khám nghiệm, nội dung biên bản phản ánh đầy đủ thành phần, thời gian, địa điểm, diễn biến quá trình khám nghiệm, mô tả đặc điểm các dấu vết thu thập được tại hiện trường và trên tử thi, kịp thời phục vụ công tác điều tra làm rõ tội phạm. Trường hợp VKSND cử không đúng thành phần tham gia khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, ĐTV kiến nghị với lãnh đạo VKSND chấn chỉnh, khắc phục.

Đối với hoạt động khám xét, thu giữ đồ vật, tài liệu: theo ước tính của Văn phòng CQCSĐT Bộ Công an, trung bình mỗi năm có khoảng 40% tổng số VAHS khi phát hiện, điều tra CQCSĐT ra lệnh khám xét; còn biện pháp thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án được áp dụng trong điều tra hầu hết các VAHS. Trong quan hệ phối hợp, khi ra lệnh khám xét, thu giữ đồ vật, tài liệu, CQCSĐT gửi lệnh và công văn đề xuất đến VKSND cùng cấp. Đối với lệnh khám xét, thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện, VKSND nghiên cứu hồ sơ, nếu thấy có đủ căn cứ thì ra quyết định phê chuẩn và chuyển đến CQCSĐT để thực hiện. Trong trường hợp khẩn cấp, để ngăn chặn người phạm tội tiêu hủy, tẩu tán tài liệu, chứng cứ, CQCSĐT tiến hành khám xét, thu thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm ngay, sau đó thông báo bằng văn bản cho VKSND cùng cấp biết trong vòng 24 giờ kể từ khi thực hiện xong. Nếu thấy cần thiết, ĐTV và KSV trực tiếp tiến hành khám xét, thu giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến VAHS.

Trong quan hệ kiểm soát, khi THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, VKSND thực hiện quyền phê chuẩn 8.645 lệnh khám xét, 9.508 lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông CQCSĐT; phát hiện, hủy bỏ, không phê chuẩn 303 lệnh khám xét, thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông không có căn cứ pháp luật. VKSND kiểm sát chặt chẽ việc tuân theo pháp luật của các thành viên tham gia khám xét, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì

yêu cầu CQCSĐT khắc phục, thu giữ, niêm phong, bảo quản tài liệu, đồ vật theo luật định. Khi kiểm sát gián tiếp, KSV nghiên cứu, xem xét các lệnh, các biên bản khám xét, xác định tính có căn cứ và tính hợp pháp của văn bản này, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật thì báo cáo lãnh đạo VKSND kiến nghị yêu cầu CQCSĐT khắc phục kịp thời.

Đối với công tác hỏi cung bị can: CQCSĐT và VKSND luôn có sự phối hợp tiến hành hỏi cung bị can đối với những vụ án gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có nhiều bị can, điển hình như vụ án lợi dụng biểu tình chống Trung Quốc đặt giàn khoan thăm dò dầu khí HD 981 vào thềm lục địa của Việt Nam để gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản, chống người thi hành công vụ,... xảy ra tại tỉnh phía Nam, CQCSĐT Công an tỉnh Đồng Nai đã khởi tố và bắt giam 243 bị can, CQCSĐT Công an tỉnh Bình Dương khởi tố và bắt giam 250 bị can. Trong trường hợp này, để bảo đảm thời hạn TTHS, đánh giá chứng cứ khách quan, thận trọng, ĐTV và KSV đã phối hợp trực tiếp tiến hành hỏi cung tất cả các bị can. Đối với vụ án lớn, phức tạp, liên quan đến người chưa thành niên, để phòng ngừa oan, sai, ép cung, bức cung, dùng nhục hình, tránh việc bị can phản cung gây khó khăn cho việc điều tra và xử lý vụ án, KSV trực tiếp lấy lời khai của bị can trước khi xem xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQCSĐT.

Trong quan hệ kiểm soát, thông qua công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động hỏi cung bị can của CQCSĐT, VKSND đã phát hiện nhiều biên bản hỏi cung bị can bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc thiếu chữ ký xác nhận của bị can; có trường hợp biên bản hỏi cung được đánh máy dẫn đến việc có nhiều bản hỏi cung được ghi ở các thời điểm khác nhau nhưng giống nhau 100% về nội dung, dấu chấm, dấu phẩy hoặc biên bản hỏi cung giống bản tự khai của bị can,... Trên cơ sở đó, KSV đã trực tiếp yêu cầu, kiến nghị ĐTV, VKSND các cấp đã ban hành 2.214 kiến nghị, yêu cầu CQCSĐT khắc phục vi phạm và thực hiện hỏi cung bị can đúng trình tự, thủ tục TTHS; cũng có trường hợp VKSND phát hiện việc hỏi cung của CQCSĐT không bảo đảm tính khách quan hoặc vi

phạm các trình tự, thủ tục, nên không phê chuẩn các lệnh, quyết định của CQCSĐT (Phụ lục 3).

Đối với các biện pháp thực nghiệm điều tra, trung cầu giám định, xem xét dấu vết trên thân thể, lấy lời khai người làm chứng, lấy lời khai của người bị hại, đối chất, nhận dạng: việc tiến hành các biện pháp này được CQCSĐT lập thành biên bản, đưa vào hồ sơ vụ án và chuyển đến VKSND khi kết thúc điều tra. Đối với những vụ án lớn, phức tạp, CQCSĐT chủ động mời VKSND tham gia lấy lời khai, trung cầu giám định ngay từ đầu. Riêng đối với biện pháp thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng (BLTTHS năm 2015 bổ sung biện pháp nhận biết giọng nói), trước khi tiến hành, CQCSĐT thông báo cho VKSND biết để cử KSV tham gia, nếu thấy cần thiết VKSND đề nghị CQCSĐT phối hợp để trực tiếp tiến hành đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra. Theo thống kê của VKSND tối cao, KSV các cấp đã tham gia trên 80% hoạt động thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng; trực tiếp lấy lời khai trên 76.000 người làm chứng, người bị hại; tổ chức 16.800 cuộc đối chất, 7.940 cuộc nhận dạng, thực nghiệm điều tra 10.750 vụ án không cần dựng lại hiện trường.

Trong quan hệ kiểm soát, thông qua công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra, VKSND phát hiện và yêu cầu CQCSĐT khắc phục, xử lý các vi phạm pháp luật khi áp dụng biện pháp thực nghiệm điều tra, trung cầu giám định, xem xét dấu vết trên thân thể, lấy lời khai người làm chứng, lấy lời khai của người bị hại, đối chất, nhận dạng như: biên bản lời khai ghi sơ sài, không ghi tư cách của người tham gia tố tụng; một ĐTV cùng một thời điểm vừa lấy lời khai của người bị hại, vừa lấy lời khai của người làm chứng ở hai địa điểm khác nhau; khi tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể nhưng không mời người chứng kiến, không yêu cầu định giá tài sản thiệt hại, không trung cầu giám định xác định tỷ lệ thương tích người bị hại,... Ngoài ra, VKSND các cấp cũng đã ban hành 1.256 văn bản yêu cầu CQCSĐT trung cầu giám định dấu vết, xác định nguyên nhân chết, cháy, làm lượng, chủng loại ma túy, giám định công

trình xây dựng, định giá tài sản thiệt hại, tỷ lệ thương tật của người bị hại, tình trạng sức khỏe tâm thần của bị can...

Mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong việc thu thập, củng cố các biên bản, tài liệu để lập hồ sơ VAHS được thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả, chặt chẽ, đúng pháp luật. Điển hình là những vụ án phức tạp, trọng điểm như các vụ: Trịnh Xuân Thanh và đồng bọn phạm tội tham ô tài sản xảy ra tại Tổng công ty xây lắp dầu khí; Phạm Anh Vũ phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cố ý làm lộ bí mật nhà nước; vụ án xâm phạm trật tự xã hội xảy ra tại tỉnh Bình Thuận vào thời điểm Quốc hội thông qua Luật an ninh mạng, xem xét dự án Luật đặc khu,...ĐTV và KSV trực tiếp thụ lý vụ án phối hợp nghiên cứu hồ sơ vụ án, đọc các biên bản, tài liệu có trong hồ sơ để phát hiện kịp thời các thiếu sót, sơ hở trong thủ tục TTHS, những mâu thuẫn trong lời khai của bị can, nhân chứng, bị hại, những vấn đề còn thiếu trong lý lịch của bị can... Hồ sơ vụ án thường xuyên được ĐTV, KSV phối hợp rà soát, sàng lọc, bổ sung các tài liệu, biên bản, sắp xếp theo thứ tự thời gian, có đánh số bút lục của CQCSĐT, phản ánh trung thực, đầy đủ, lô gic diễn biến và kết quả hoạt động điều tra vụ án, tạo thuận lợi cho hoạt động truy tố, xét xử, rút ngắn thời gian tiến hành TTHS, tiết kiệm thời gian, công sức của Nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong việc tiến hành các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ VAHS vẫn còn tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả điều tra VAHS. Trong quan hệ phối hợp, CQCSĐT và VKSND chưa thường xuyên trao đổi thông tin về diễn biến, tình hình, kết quả áp dụng các biện pháp, nhất là những biện pháp điều tra mà VKSND không có thẩm quyền phê chuẩn dẫn đến việc khi kết thúc điều tra VKSND phát hiện ra sai sót, vi phạm trình tự, thủ tục phải tiến hành lại, thậm chí phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung; còn tình trạng CQCSĐT không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho VKSND biết việc tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, khám xét, thời gian, địa điểm tiến hành hỏi cung bị can,... nên KSV không có mặt hoặc khi đến thì ĐTV

đã tiến hành xong biện pháp điều tra, KSV chỉ kiểm sát được việc tiến hành biện pháp trên biên bản.

Trong quan hệ kiểm soát, một số VKSND không kịp thời phát hiện và kiên quyết yêu cầu CQCSĐT khắc phục, xử lý vi phạm trong việc áp dụng các biện pháp điều tra, dẫn đến oan, sai hoặc đến giai đoạn xét xử phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thiếu sót phổ biến của ĐTV là tin vào lời nhận tội của bị can mà không củng cố, thu thập đầy đủ và trung cầu giám định làm rõ những dấu vết, vật chứng quan trọng thu thập được từ hiện trường, tử thi như: vân chân, vân tay, lông, sợi tóc,... Điển hình là vụ Vi Văn Phượng ở Bắc Giang bị kết án tử hình về tội giết người, nạn nhân là mẹ đẻ đã mù lòa, khi khám nghiệm hiện trường CQCSĐT đã không xem xét kỹ dấu vân tay trên con dao dính đầy máu, không làm rõ vì sao Phượng nhiều năm chăm sóc mẹ già chu đáo lại có hành vi giết mẹ một cách dã man; quá trình THQCT và KSĐT, VKSND đã không yêu cầu CQCSĐT khắc phục những sai sót này. Sau khi bị kết án tử hình, Vi Văn Phượng đã có đơn kêu oan, hiện nay vụ án đang được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Trong việc lập biên bản các hoạt động điều tra, ĐTV còn nhiều vi phạm cả về hình thức và nội dung như vụ Hoàng Thị Vần ở tỉnh Cao Bằng phạm tội giết người, trong biên bản khám nghiệm hiện trường có nhiều đoạn bị sửa chữa, thiếu chữ ký người chứng kiến, biên bản hỏi cung bị can sơ sài, bị tẩy xóa, thiếu chữ ký của người bào chữa; hay như vụ hoa hậu Trương Hồ Phương Nga phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, biên bản hỏi cung bị can Phương Nga và biên bản ghi lấy lời khai của người bị hại Cao Toàn Mỹ được lập cách nhau 20 ngày nhưng có nhiều đoạn giống nhau từ dấu chấm, dấu phẩy... Nghiêm trọng hơn, một số ĐTV của CQCSĐT có hành vi bức cung, nhục hình, mớm cung, dụ cung khi hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị tạm giữ, xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân của người bị tình nghi phạm tội, có trường hợp dẫn đến chết người, gây bức xúc trong dư luận, là nguyên nhân chính dẫn đến oan, sai. Tính từ năm 2012 đến tháng 5/2018, CQĐT VKSND tối cao đã khởi tố 12 vụ với 26 bị can nguyên là cán bộ,

ĐTV CQCSĐT về tội dùng nhục hình theo Điều 298 BLHS và tội bức cung theo Điều 299 BLTTHS, điển hình như vụ: 02 ĐTV CQCSĐT Công an TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có hành vi dùng nhục hình với bà Trần Thị Lan; vụ 02 ĐTV CQCSĐT Công an tỉnh Sóc Trăng dùng nhục hình ép Trần Văn Đờ và 06 bị can khác khai theo ý chí chủ quan dẫn đến bắt oai sai; vụ 02 ĐTV CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Giang dùng nhục hình đối với Nguyễn Nguyệt Nga... [73]

Những vi phạm nêu trên của CQCSĐT là nghiêm trọng, làm thay đổi bản chất sự thật của vụ án nhưng khi THQCT và KSĐT vụ án, VKSND không phát hiện được hoặc tuy phát hiện nhưng lại không yêu cầu CQCSĐT phải xử lý, rút kinh nghiệm kịp thời, thậm chí một số KSV còn đồng tình, phối hợp với ĐTV dùng bức cung, nhục hình đối với khi bị can không nhận tội, dẫn đến việc khởi tố, điều tra, bắt giam, giữ oan, sai, vụ án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc bị Tòa án hủy để điều tra lại, gây bức xúc trong dư luận, làm giảm lòng tin của Nhà nước và nhân dân đối với hoạt động tư pháp và các cơ quan tư pháp.

3.3.4. Quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế tổ tụng hình sự

Đối với biện pháp ngăn chặn bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (biện pháp bắt khẩn cấp), tạm giữ: từ năm 2008 đến tháng 05/2018, CQCSĐT đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ 680.070 người. CQCSĐT và VKSND đã chủ động phối hợp trong việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ người có hành vi phạm tội. Về hình thức phối hợp, đối với trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có nhiều tình tiết phức tạp, cần áp dụng với nhiều đối tượng, trước khi thực hiện CQCSĐT và VKSND tổ chức họp để xem xét, đánh giá, thống nhất căn cứ pháp lý, địa điểm, thời gian, đối tượng cần phải áp dụng biện pháp. Đối với những vụ việc có chứng cứ rõ ràng, CQCSĐT ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và gửi đến VKSND để xem xét phê chuẩn. Cơ quan CSĐT và VKSND cũng phối hợp chặt chẽ trong việc tạm giữ người có hành vi phạm tội, đối với vụ

việc có chứng cứ yếu, người bị tạm giữ không khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của người bị hại, người biết việc có nhiều mâu thuẫn... ĐTV và KSV phối hợp trực tiếp để kiểm tra, đánh giá chứng cứ, lấy lời khai của người bị tạm giữ. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra quyết định tạm giữ, gia hạn tạm giữ, CQCSĐT gửi các quyết định và tài liệu có liên quan đến VKSND. Trên cơ quan hệ phối hợp thể hiện qua việc VKSND nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và quan điểm của CQCSĐT để ra một trong các quyết định: hủy bỏ biện pháp tạm giữ, phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ, không phê chuẩn quyết định tạm giữ của CQCSĐT.

Trong quan hệ kiểm soát, để bảo đảm cho hoạt động áp dụng biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ người có hành vi phạm tội đúng pháp luật, phòng ngừa việc xâm phạm quyền con người, quyền công dân, VKSND đã không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và yêu cầu CQCSĐT trả tự do cho 1.097 người, hủy bỏ quyết định tạm giữ đối với 3.145, không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ đối với 1.072 người (*Phụ lục 3*). Khi xem xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, VKSND các cấp thường xuyên yêu cầu, kiến nghị CQCSĐT bổ sung các tài liệu, chứng cứ và thực hiện các biện pháp điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của người bị bắt, bị tạm giữ.

Đối với biện pháp tạm giam bị can: CQCSĐT đã áp dụng biện pháp tạm giam đối với 590.001 bị can. Trong quan hệ phối hợp, đối với những vụ án tham nhũng lớn, phức tạp, bị can là người có chức vụ, quyền hạn, có uy tín, chức sắc tôn giáo,... trước khi áp dụng biện pháp tạm giam, CQCSĐT và VKSND tổ chức họp liên ngành để thống nhất quan điểm, hướng xử lý. Sau khi ra lệnh bắt bị can để tạm giam, tạm giam bị can, CQCSĐT gửi lệnh và tài liệu có liên quan đến VKSND để xem xét phê chuẩn. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu, quan điểm đề xuất của CQCSĐT, VKSND ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam và hoàn trả hồ sơ cho CQCSĐT ngay sau khi kết thúc việc phê chuẩn. CQCSĐT cũng phối hợp, đề nghị VKSND thay đổi biện pháp tạm giam sang biện pháp ngăn chặn bảo lãnh,

cắm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản để đảm bảo đối với 103.326 bị can. Bên cạnh đó, trường hợp thấy cần gia hạn tạm giam bị can để phục vụ hoạt động điều tra, CQCSĐT cũng có công văn đề nghị VKSND xem xét, quyết định gia hạn tạm giam một cách kịp thời, đúng thời hạn luật định.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND THQCT và kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giam của CQCSĐT, góp phần bảo đảm cho việc tạm giam bị can đúng pháp luật, căn cứ, đối tượng, thời điểm áp dụng, hạn chế việc lạm dụng biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc này, vi phạm quyền con người, quyền công dân. Đối với những trường hợp đủ điều kiện áp dụng biện pháp tạm giam nhưng hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn còn thiếu, VKSND yêu cầu CQCSĐT thu thập bổ sung. VKSND không phê chuẩn lệnh bắt để tạm giam 1.830 bị can, không phê chuẩn lệnh tạm giam 2.312 bị can, hủy bỏ quyết định tạm giam 9.312 bị can không đủ căn cứ hoặc không cần thiết phải áp dụng biện pháp tạm giam. VKSND cũng yêu cầu CQCSĐT tạm giam 918 bị can khi thấy cần phải áp dụng biện pháp này để phục vụ hoạt động điều tra. Thực hiện yêu cầu của VKSND, CQCSĐT đã bắt tạm giam 627 bị can, ban hành 223 văn bản kiến nghị VKSND chưa áp dụng biện pháp tạm giam do quá trình điều tra, thu thập chứng cứ cho thấy không có căn cứ hoặc không cần thiết phải tạm giam bị can (*Phụ lục 3*).

Đối với các biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cắm đi khỏi nơi cư trú: trong gần 10 năm qua, CQCSĐT đã ra quyết định áp dụng biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cắm đi khỏi nơi cư trú đối với 232.261 bị can. Đây là những biện pháp ngăn chặn ít nghiêm khắc và chủ yếu được áp dụng thay thế biện pháp tạm giữ, tạm giam. Do đó, ở phương diện lý luận và thực tiễn không đòi hỏi mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này cũng chặt chẽ như việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn hạn chế quyền tự do của cá nhân. Trên thực tế, CQCSĐT chủ động ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp theo thẩm quyền và đưa vào hồ sơ vụ án. VKSND thực hiện việc kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cắm đi khỏi

nơi cư trú của CQCSĐT thông qua việc kiểm sát lập hồ sơ VAHS và thực hiện quyền hủy bỏ các quyết định không có căn cứ pháp luật của CQCSĐT. Qua khảo sát cho thấy, việc áp dụng các biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú cơ bản đúng pháp luật nên rất ít khi VKSND phải hủy bỏ quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện các pháp này của CQCSĐT.

Đối với các biện pháp cưỡng chế áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản: CQCSĐT đã ban hành khoảng 19.500 quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản. Đối với biện pháp áp giải, dẫn giải, CQCSĐT chủ động ra quyết định áp dụng và đưa vào hồ sơ VAHS. VKSND thực hiện kiểm sát việc áp dụng các biện pháp của CQCSĐT thông qua hoạt động kiểm sát việc lập hồ sơ VAHS và hủy các quyết định nêu trên của CQCSĐT nếu không có căn cứ pháp luật. CQCSĐT và VKSND đã phối hợp chặt chẽ trong việc áp dụng kê biên tài sản bảo đảm tất cả các quyết định kê biên tài sản có căn cứ pháp luật, tài sản kê biên được xác định chính xác, phù hợp với mức bồi thường thiệt hại.

Bên cạnh những ưu điểm, quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát giữa CQCSĐT và VKSND khi áp dụng thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế TTHS vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định. Trong quan hệ phân công, BLTTHS chưa quy định thống nhất, rõ ràng, hợp lý về thẩm quyền thay thế, hủy bỏ biện pháp tạm giam. Ví dụ, tại khoản 2 Điều 125 quy định:

“Đối với những biện pháp ngăn chặn do VKS phê chuẩn trong giai đoạn điều tra thì việc hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác phải do VKS quyết định; trong thời hạn 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn, trừ biện pháp tạm giữ do VKS phê chuẩn, cơ quan đã đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn này phải thông báo cho VKS để quyết định hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn khác”

Và tại khoản 7 Điều 173 quy định:

“Khi đã hết thời hạn tạm giam thì người bị tạm giam phải được trả tự do ngay. Trường hợp xét thấy cần thiết thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp ngăn chặn khác”.

Việc phân công như trên chưa rõ ràng và thiếu chặt chẽ, vì nếu trong trường hợp hết thời hạn tạm giam nhưng CQCSĐT đã áp dụng biện pháp này không thông báo cho VKSND biết thì người bị tạm giam phải được trả tự do ngay, biện pháp tạm giam đương nhiên bị hủy bỏ mà không phải do VKSND quyết định.

Trong quan hệ phối hợp, một số CQCSĐT còn chậm gửi các lệnh, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và các tài liệu có liên quan đến VKSND hoặc gửi lệnh, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn nhưng không gửi tài liệu có liên quan như: biên bản lấy lời khai, biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của người bị đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn... gây khó khăn cho VKSND trong việc xem xét, phê chuẩn. Một số VKSND chưa nghiên cứu để phê chuẩn, cho ý kiến kịp thời các lệnh, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn của CQCSĐT, có nhiều trường hợp VKSND không ra quyết định phê chuẩn biện pháp ngăn chặn nhưng cũng không có quan điểm rõ ràng, làm hoạt động điều tra bị chậm tiến độ, thậm chí lỡ mất cơ hội phá án, để người phạm tội bỏ trốn. Một số quy định của BLTTHS (kể cả BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015) về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong áp dụng biện pháp ngăn chặn nặng về hình thức, không rõ mục đích, ý nghĩa của quan hệ phối hợp, ví dụ: Quy định CQĐT phải thông báo cho ngay cho VKS biết lệnh kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trước khi thi hành nhưng không quy định rõ trách nhiệm của VKS về thời hạn, hình thức thể hiện sự nhất trí hoặc không nhất trí về việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của CQĐT.

Quan hệ kiểm soát giữa VKSND và CQCSĐT vẫn còn nhiều trường hợp thiếu chặt chẽ, chưa ngăn chặn, phòng ngừa được sai phạm trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, nhất là biện pháp hạn chế quyền tự do của cá nhân. Theo Tổng cục Cảnh sát, từ năm 2010 đến năm 2018, CQCSĐT để xảy ra quá hạn tạm

giữ tạm giam 495 trường hợp, VKSND để quá hạn tạm giam 189 trường hợp, vi phạm nghiêm trọng quyền lợi của bị can. Điển hình CQCSĐT Công an TP. HCM bắt khẩn cấp đối tượng Vương Xuân An về hành vi không tố giác tội phạm quá hạn tạm giữ 25 ngày hoặc giam, giữ trái pháp luật như trường hợp CQCSĐT Công an TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang giam giữ bị can Nguyễn Thanh Huy và Nguyễn Văn Công 4 ngày không có lệnh. Một số ĐTV CQCSĐT dùng nhục hình đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam nhưng KSV không phát hiện hoặc chưa kiên quyết đề nghị CQCSĐT xử lý nghiêm minh, vụ việc chỉ được phát hiện khi người bị hại có đơn tố cáo gửi đến CQĐT VKSND tối cao hoặc do cơ quan thông tin đại chúng phản ánh. Tình trạng lạm dụng căn cứ “đối tượng có thể trốn, cản trở điều tra, truy tố, xét xử” để áp dụng biện pháp tạm giam đối với những trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng như đánh bạc, giao thông, cố ý gây thương tích... vẫn xảy ra, đáng lưu ý là có 545 người bị CQCSĐT ra lệnh tạm giam, VKSND đã phê chuẩn nhưng sau đó chuyển xử lý hành chính do hành vi không cấu thành tội phạm [73].

3.3.5. Quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong việc kết thúc điều tra đề nghị truy tố, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra

Trong hoạt động kết thúc điều tra đề nghị truy tố, trả hồ sơ để điều tra bổ sung: từ năm 2008 đến tháng 05/2018, CQCSĐT đã kết thúc điều tra và đề nghị VKS truy tố 533.340 vụ với 1.020.147 bị can (*Phụ lục 2*). Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả quá trình THQCT và KSĐT đối với vụ án, VKSND tổng hợp đánh giá lại các chứng cứ đã thu thập được, quan điểm, đề xuất, kết luận điều tra của CQCSĐT về đường lối xử lý vụ án và bị can. Để bảo đảm thận trọng, chặt chẽ đối với những vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, lời khai của nhân chứng, bị can có nhiều mâu thuẫn, dư luận xã hội có nhiều thông tin trái chiều, trước khi kết thúc điều tra, bị can là người có nhân thân đặc biệt, có uy tín, chức vụ, quyền hạn, CQCSĐT và VKSND phối hợp trực tiếp đánh giá lại toàn bộ quá trình kiểm tra, xác minh, điều tra thu thập chứng cứ, thống nhất

nhận thức đối với những vấn đề cốt lõi có ý nghĩa chứng minh trực tiếp đã được làm rõ, những vấn đề cần phải làm rõ để tiếp tục củng cố, thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị can. Nếu thấy hoạt động điều tra đã thu thập được đầy đủ chứng cứ gỡ tội và buộc tội, làm rõ được các vấn đề cần chứng minh trong VAHS, VKSND sẽ thụ lý hồ sơ và tiến hành thủ tục truy tố bị can; nếu thiếu những chứng cứ quan trọng không thể tự bổ sung được thì VKSND sẽ trả hồ sơ cho CQCSĐT để yêu cầu điều tra bổ sung.

Thực hiện quy định của pháp luật, hơn 10 năm qua VKSND đã trả hồ sơ để yêu cầu CQCSĐT điều tra bổ sung 16.914 vụ án, 32.632 bị can [87]. Căn cứ để VKSND trả hồ sơ để điều tra bổ sung chủ yếu là do thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà VKSND không thể tự mình bổ sung được (chiếm 67%); có căn cứ cho rằng bị can phạm tội khác hoặc có người đồng phạm khác cần phải thay đổi quyết định khởi tố bị can hoặc khởi tố bổ sung (chiếm tỉ lệ 27%); vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHS (chiếm tỉ lệ 3%); còn lại là vì lý do khác như bắt được bị can trốn truy nã nên trả hồ sơ để quyết định nhập vụ án, có tình tiết mới nên CQCSĐT chủ động xin rút hồ sơ vụ án để xem xét lại tội danh hoặc do quan điểm, nhận thức pháp luật giữa CQCSĐT và VKSND không thống nhất,... Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung là cần thiết để ngăn ngừa hậu quả của việc khởi tố, bắt giam oan, sai, khắc phục những sai sót trong giai đoạn điều tra nhưng lại làm quá trình TTHS đối với vụ án bị kéo dài, gây lãng phí tổn kém thời gian, công sức của các cơ quan, người tiến hành tố tụng, xâm phạm quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động TTHS. Do đó, để hạn chế tình trạng này, VKSND các cấp đã ban hành 5.878 văn bản yêu cầu, kiến nghị CQCSĐT khắc phục, chấn chỉnh, xử lý, rút kinh nghiệm đối với những sai sót, vi phạm trọng hoạt động điều tra; phối hợp với CQCSĐT kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tăng cường công tác hoàn thiện, hướng dẫn thực hiện các quy định của BLTTHS, BLHS, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng trình độ, năng lực cho đội ngũ ĐTV, KSV, xây dựng quy chế để tăng

cường quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND các cấp, góp phần hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung (*Phụ lục 3*).

Trong hoạt động đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra: CQCSĐT đã quyết định đình chỉ điều tra 19.985 vụ án với 20.405 bị can, trong đó đình chỉ 496 vụ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm theo các khoản 1, 2 Điều 107 BLTTHS, 224 vụ đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm, các vụ còn lại đình chỉ theo các khoản 1, 2 Điều 25 BLHS. CQCSĐT tạm đình chỉ 86.098 vụ, 25.463 bị can, sau khi có căn cứ đã ra quyết định đã phục hồi điều tra 28.808 vụ, 22.993 bị can (*Phụ lục 2*). CQCSĐT và VKSND đã phối hợp kiểm tra căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, điều kiện đình chỉ, tạm đình chỉ, bảo đảm việc đình chỉ, tạm đình chỉ được thực hiện thận trọng, phòng ngừa việc lợi dụng đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra để bỏ lọt tội phạm, “chạy án, chạy tội”. Sau khi ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ, phục hồi điều tra, CQCSĐT gửi các quyết định đến VKSND để thực hiện hoạt động kiểm sát. Đối với những vụ việc phức tạp, thu hút sự quan tâm của dư luận, trước khi ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra, CQCSĐT và VKSND tổ chức họp liên ngành để phân tích, đánh giá lại toàn bộ quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, thống nhất nhận thức, quan điểm về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Đối với vụ án đình chỉ điều tra do không có sự việc phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm, đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can thực hiện hành vi tội phạm, CQCSĐT và VKSND còn tổ chức họp rút kinh nghiệm, chỉ rõ những khuyết điểm trong công tác điều tra, THQCT và KSĐT VAHS. Qua đó cho thấy nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng trên là do tư tưởng nóng vội, chủ quan, định kiến, thiếu thận trọng, “trọng cung không trọng cứ” của một số ĐTV, KSV dẫn đến việc thu thập tài liệu, chứng cứ không đầy đủ, có nhiều vi phạm, thiếu sót ngay từ giai đoạn đầu, trong quá trình điều tra tiếp theo không khắc phục được, hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được tội phạm như vụ Trương Bá Nhân ở TP. HCM bị khởi tố, bắt giam oan về tội giết người, cướp tài sản; vụ Thái Hoàng Trọng ở tỉnh Bình Phước bị khởi tố, bắt giam oan về tội hiếp dâm trẻ em,...

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND đã hủy bỏ 37 quyết định đình chỉ điều tra vụ án, 44 quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can, 08 quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, 05 quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can của CQCSĐT, yêu cầu CQCSĐT phục hồi điều tra 45 VAHS, phục hồi điều tra đối với 49 bị can. VKSND các cấp cũng ban hành trên 2.000 văn bản kiến nghị yêu cầu CQCSĐT chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, tồn tại và xử lý vi phạm của những cá nhân, tổ chức liên quan đến việc đình chỉ, tạm đình chỉ, phục hồi điều tra (*Phụ lục 3*).

Bên cạnh đó, quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong kết thúc điều tra, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ, tạm đình chỉ, phục hồi điều tra vẫn còn một số thiếu sót, tồn tại, đặc biệt là trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung và đình chỉ điều tra. Một số vụ án thiếu chứng cứ quan trọng, quá trình điều tra bổ sung CQCSĐT không khắc phục được nhưng VKSND không kiên quyết ra quyết định đình chỉ vụ án để bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội mà trả hồ sơ để điều tra bổ sung quá hai lần, không đúng quy định pháp luật như vụ: Quản Đắc Hợp, Quản Đắc Thúy, Quản Đắc Quý phạm tội cố ý gây thương tích tại Hoài Đức, TP. Hà Nội trả hồ sơ để điều tra bổ sung 10 lần, có 10 bản kết luận điều tra, thời gian điều tra kéo dài 14 năm; vụ Nguyễn Viết Lượng, ở tỉnh Cà Mau phạm tội tham ô tài sản trả hồ sơ điều tra để điều tra bổ sung 9 lần, có 9 bản kết luận điều tra, 7 bản cáo trạng truy tố bị can, thời hạn điều tra kéo dài 8 năm; vụ Trần Minh Anh bị khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trả hồ sơ để điều tra bổ sung 8 lần, ngày 17/9/2014, TAND TP. Hà Nội đã xét xử tuyên bị cáo vô tội; vụ kỳ án “buổi sáng tố cáo hiếp dâm đến buổi chiều mới hiếp” xảy ra ở TP. HCM trả hồ sơ để điều tra bổ sung 9 lần... Trước những trường hợp vi phạm quy định về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung nêu trên, dù không thu thập được những chứng cứ theo yêu cầu của VKSND, TAND nhưng CQCSĐT vẫn ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, VKSND vẫn ra cáo trạng truy tố bị can trước Tòa án mà không ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật là thiếu thận trọng, thiếu bản lĩnh, có biểu hiện nể nang, né tránh, đùn đẩy trách

nhiệm, dẫn đến oan, sai trong giai đoạn điều tra, truy tố VAHS, xâm phạm quyền lợi của bị can.

Trong hoạt động đình chỉ điều tra, có dấu hiệu cho thấy CQCSĐT và VKSND đã đình chỉ điều tra miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo các khoản 1, 2 Điều 25 BLHS đối với một số bị can phạm tội về kinh tế, chức vụ, tham nhũng (như tội tham ô, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản,...) với các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS (như nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả, người bị hại rút đơn...) là sai, dẫn đến bỏ lọt tội phạm, ví dụ: các vụ Đỗ Thị Mai, Dương Đình Bằng, Đặng Bá Đào, ở TP. HCM, phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng với giá trị lớn; Hà Hồng Nhung, Phạm Tuyết Mai, Nguyễn Công Thao ở tỉnh Bắc Giang phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, tổ chức người khác trốn đi nước ngoài... CQCSĐT đình chỉ điều tra với lý do bị can đã khắc phục hậu quả là sai, bỏ lọt tội phạm. Ngược lại, CQCSĐT không chứng minh được hành vi phạm tội của bị can nhưng lợi dụng sự thiếu hiểu biết của bị can, CQCSĐT ra quyết định đình chỉ điều tra miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can để hợp thức hóa việc khởi tố, né tránh việc bồi thường trong TTHS, có dấu hiệu oan như: vụ Dương Thế Tiến ở tỉnh Nam Định bị khởi tố về tội không tố giác tội phạm, Văn Quỳnh ở tỉnh Bình Phước bị khởi tố trộm cắp tài sản. Đối với những vụ án như trên, VKSND đã kiểm sát không chặt chẽ, KSV thống nhất một chiều với ĐTV trong nhận định, đánh giá chứng cứ hoặc vì các lý do khác nên đã không phát hiện và thực hiện quyền hủy bỏ quyết định trái pháp luật CQCSĐT, vi phạm quyền được bồi thường trong TTHS, bỏ lọt tội phạm.

3.3.6. Quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự

Từ năm 2008 đến tháng 05/2018, CQCSĐT đã nhận được 14.275 đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động điều tra, đã xác minh, giải quyết 11.848 đơn

(đạt tỉ lệ 83%). VKSND đã nhận được 9.662 đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến bắt, tạm giữ, tạm giam và hành vi thực hiện các lệnh, quyết định đó của CQCSĐT cùng cấp, đã xác minh, giải quyết 8.473 đơn (đạt tỉ lệ 87,7%). Đơn khiếu nại, tố cáo tập trung vào các nội dung: Khiếu nại quyết định không khởi tố VAHS dẫn đến bỏ lọt tội phạm; tố cáo Thủ trưởng, Phó thủ trưởng, ĐTV, cán bộ điều tra của CQCSĐT thiếu khách quan, vi phạm pháp luật, có dấu hiệu tiêu cực, bức cung, nhục hình, mớm cung; CQCSĐT hình sự hóa quan hệ dân sự [88]. Bên cạnh việc thường xuyên trao đổi kết quả tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật TTHS, CQCSĐT và VKSND đã phối hợp trực tiếp giải quyết nhiều vụ việc khiếu tố phức tạp, tổ chức nhiều cuộc họp để thống nhất đường lối, quan điểm xử lý, bảo đảm việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt hiệu quả, đúng pháp luật, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự của địa phương, hạn chế tình trạng khiếu nại, tố cáo vượt cấp, kéo dài. Hai ngành cũng phối hợp tổ chức nhiều buổi tiếp công dân, làm việc, đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, tố cáo, giải quyết dứt điểm được nhiều vụ khiếu kiện kéo dài. Điển hình như vụ ông Nguyễn Duy Hiền ở tỉnh Tuyên Quang khiếu nại việc giải quyết của CQCSĐT thị xã Tuyên Quang đối với con trai ông là Nguyễn Duy Hùng bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và việc kết luận nguyên nhân Nguyễn Duy Hùng bị chết. Qua nhiều lần giải quyết, ông Hiền vẫn không nhất trí và khiếu kiện tới các cơ quan trung ương. Ngày 07/12/2016, dưới sự chủ trì của lãnh đạo VKSND tối cao, CQCSĐT Bộ Công an, CQCSĐT Công an tỉnh và VKSND tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành đối thoại trực tiếp với ông Hiền, thông qua các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc đã giải thích, trả lời cho ông Hiền rõ những vấn đề ông khiếu nại. Ông Hiền đã nhất trí với nội dung trả lời của liên ngành và chấm dứt việc khiếu nại.

Trong quan hệ kiểm soát, VKSND tiến hành kiểm sát chặt chẽ việc tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của CQCSĐT. VKSND đã tiến hành 2.550 cuộc kiểm sát trực tiếp tại CQCSĐT, phát hiện ra nhiều sai sót, vi phạm trong công tác quản lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điều tra như: chưa thực hiện đầy

đủ quy định của pháp luật về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; phân loại đơn không chính xác dẫn đến việc thụ lý, giải quyết đơn không đúng, cá biệt có trường hợp khiếu nại hành chính nhưng CQCSĐT giải quyết theo khiếu nại TTHS; quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo không lập hồ sơ, chỉ ban hành văn bản trả lời người khiếu nại, tố cáo; vi phạm thời hạn giải quyết... Thông qua công tác tiếp nhận đơn, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, VKSND đã ban hành 2.009 văn bản yêu cầu, kiến nghị CQCSĐT ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo thẩm quyền; tự kiểm tra, kiểm tra CQCSĐT cấp dưới giải quyết khiếu nại, tố cáo và thông báo kết quả với VKSND; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo cho VKSND; kiểm điểm, xử lý, khắc phục vi phạm pháp luật trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tuy nhiên, quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về TTHS vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa đi vào thực chất. CQCSĐT chưa thường xuyên thông báo việc tiếp nhận và gửi văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo đến VKSND theo quy định. Ngược lại, sau khi giải quyết khiếu nại, tố cáo về quyết định, hành vi tổ tụng của CQCSĐT, VKSND chậm gửi thông báo kết quả và văn bản giải quyết đến CQCSĐT để thực hiện. VKSND chuyển nhiều đơn khiếu nại, tố cáo đến CQCSĐT để giải quyết theo thẩm quyền nhưng sau đó không theo dõi, đôn đốc giải quyết dẫn đến số đơn khiếu nại, tố cáo về bắt, tạm giữ, tạm giam và việc thi hành các lệnh, quyết định đó của CQCSĐT bị tồn đọng nhiều, đặc biệt trong đó có nhiều đơn tố cáo có căn cứ đã quá thời hạn giải quyết, gây bức xúc trong dư luận; chưa kịp thời xử lý sai phạm và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người khiếu nại, tố cáo trong TTHS.

3.3.7. Quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tương trợ tư pháp về hình sự

Về việc giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự do cơ quan tiến hành TTHS nước ngoài chuyển đến Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCSĐT: từ 01/7/2008 đến tháng 12/2017, VKSND tối cao đã tiếp nhận và

chuyển cho CQCSĐT 512 lượt hồ sơ, công văn liên quan đến yêu cầu tương trợ do nước ngoài chuyển đến, CQCSĐT đã xử lý 452 vụ việc. 90% yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự đến từ các nước dung nước ngoài đề nghị tương trợ gồm: Các nước có nhiều yêu cầu tương trợ là Cộng hòa Séc, Cộng hòa Ba Lan, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Liên bang Nga, Hàn Quốc, Vương quốc Anh... Nội dung yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự chủ yếu là thu thập, cung cấp chứng cứ (32%), tổng đạt tài liệu, giấy tờ (35%), cung cấp thông tin có liên quan đến hoạt động lấy lời khai nhân chứng, đối tượng ghi vấn (25%); xác minh địa chỉ, nhận dạng nhân chứng, người bị tình nghi, xác định tung tích nạn nhân, lấy mẫu AND, vân tay (16%);...[18]. Ngoài ra, một số nước ngoài còn đề nghị Việt Nam cho phép ĐTV của họ vào Việt Nam để tham gia trực tiếp vào quá trình điều tra. Các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự chủ yếu liên quan đến các loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như: giết người, mua bán trái phép chất ma túy, tham nhũng, sử dụng công nghệ cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, rửa tiền...

VKSND tối cao đã phối hợp với CQCSĐT Bộ Công an làm tốt công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài. Đối với các trường hợp còn thiếu thông tin, tài liệu hoặc quá thời hạn giải quyết, CQCSĐT đều thông báo cụ thể, kịp thời đến VKSND tối cao để thông báo đến cơ quan có thẩm quyền của nước đã yêu cầu. Do vậy, việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp cơ bản đáp ứng về thời hạn, thủ tục theo yêu cầu của phía nước ngoài.

Về việc giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp do CQCSĐT gửi đi nước ngoài: CQCSĐT đã phối hợp với VKSND tối cao lập hồ sơ, đề nghị phía nước ngoài giải quyết 554 vụ việc yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, phía nước ngoài đã giải quyết 505 vụ việc, đạt tỉ lệ 91%. 70% yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của CQCSĐT được gửi đến các nước đã ký Hiệp định với Việt Nam như: Lào, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Hàn Quốc, Liên bang Nga, Vương quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Đức,... Nội dung yêu cầu tương trợ chủ yếu liên quan đến thu thập, cung cấp chứng cứ (68%); xác minh lý lịch (32%); lấy lời

khai (17%),... Đáng chú ý, gần đây đã phát sinh một số yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hỗ trợ thực hiện việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự ngày càng đa dạng, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực và tội phạm nghiêm trọng như tham ô tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, kinh tế, chức vụ, ma túy, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người...

Sau khi gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp, CQCSĐT và VKSND tối cao phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài kịp thời giải quyết vướng mắc phát sinh; đôn đốc cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Khi nhận được kết quả của phía nước ngoài, VKSND tối cao chuyển cho CQCSĐT để tiếp tục điều tra, làm rõ vụ án. Kết quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự đã góp phần giải quyết nhiều vụ án nghiêm trọng, phức tạp như vụ án Đại lộ Đông Tây (vụ PCI), vụ án Vinashin, Vinalines...

3.4. Nhận xét, đánh giá về thực trạng mối quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay

Từ kết quả nêu trên cho thấy việc thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS có những ưu điểm và tồn tại, hạn chế sau:

3.4.1. Ưu điểm

Mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS ở Việt Nam hiện nay cơ bản thực hiện tốt nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát trong TTHS, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời vi phạm pháp luật, hạn chế tình trạng khởi tố, điều tra oan, sai, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong TTHS. Quan hệ phân công, phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND được BLTTHS, pháp luật về tổ chức điều tra hình sự quy định khá rõ ràng, cụ thể, tạo điều kiện cho hai ngành gắn kết, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn trong TTHS. Quan hệ kiểm soát giữa CQCSĐT và VKSND ngày càng đi vào thực chất, hiệu quả, chặt chẽ, bảo đảm

sự kiểm tra, giám sát lẫn nhau trong hoạt động TTHS. VKSND đã ra quyết định hủy bỏ nhiều văn bản, quyết định tố tụng trái pháp luật, tích cực đề ra yêu cầu điều tra sát thực góp phần định hướng cho hoạt động điều tra, kiến nghị CQCSĐT áp dụng nhiều biện pháp phòng ngừa, xử lý nghiêm các sai phạm của các tổ chức, cá nhân thuộc quyền trong hoạt động TTHS. CQCSĐT có trách nhiệm thực hiện các quyết định, yêu cầu của VKSND nhưng cũng chủ động phát hiện, ban hành nhiều văn bản kiến nghị với VKSND để nâng cao chất lượng công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp.

Tổ chức bộ máy CQCSĐT và VKSND không ngừng được đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra, khám phá tội phạm, THQCT, KSĐT và giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động điều tra. Đội ngũ ĐTV, KSV được củng cố một bước cả về số lượng lẫn chất lượng, thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, từng bước đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế. Đây là những tiền đề tạo điều kiện cho mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND được thực hiện nhịp nhàng, hiệu quả, đúng pháp luật, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong TTHS.

3.4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3.4.2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế đã được nêu cụ thể ở các phần trên cần sớm được hai ngành nghiên cứu, có biện pháp khắc phục kịp thời; xin khái quát lại như sau:

Một là, trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND vẫn còn nhiều sơ hở, chưa kiểm soát một cách đầy đủ tình hình giải quyết nguồn tin về tội phạm, nhất là đối tội phạm do CQCSĐT trực tiếp phát hiện qua công tác điều tra chuyên án, điều tra mở rộng vụ án (chiếm 29% nguồn tin về tội phạm do CQCSĐT giải quyết [74]) thì VKSND rất khó tiếp cận, nắm bắt, gần như phụ thuộc hoàn

toàn vào CQCSĐT có thông báo hay không. Mặt khác, một số VKSND chưa phát huy được các quyền năng pháp lý để kiểm soát chặt chẽ hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQCSĐT, còn bỏ lọt nhiều vi phạm pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQCSĐT, phổ biến nhất là tình trạng vi phạm thời hạn giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Hai là, quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành các biện pháp điều tra vẫn còn tồn tại, hạn chế, nhiều vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động khởi tố, điều tra không được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, là nguyên nhân chính dẫn đến oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong TTHS. Có nhiều vụ án phức tạp nhưng CQCSĐT không chủ động trao đổi, đề nghị VKSND tham gia ngay từ đầu để phối hợp, xử lý những khó khăn, vướng mắc; một số KSV còn tâm lý bị động, không trực tiếp tiến hành các biện pháp điều tra theo quy định mà trông chờ, lệ thuộc vào tài liệu, kết quả điều tra của ĐTV nên chưa kịp thời phát hiện ra những vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra dẫn đến ở giai đoạn TTHS tiếp theo vụ án phải đình chỉ, điều tra lại hoặc Tòa án tuyên bị cáo vô tội. Trong thời gian gần đây, số lượng vụ án, bị can do CQCSĐT khởi tố, điều tra, VKSND THQCT và KSĐT nhưng sau đó phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án vì không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm vẫn còn cao. Từ năm 2008 đến năm 2018, có 202 vụ TAND cấp sơ thẩm tuyên bị cáo không phạm tội, 34 vụ TAND cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội, trong đó có nhiều bị cáo trước đó đã bị đề nghị truy tố về tội đặc biệt nghiêm trọng có mức án cao nhất là chung thân hoặc tử hình; có hơn 639 vụ án bị TAND hai cấp trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung nhiều lần nhưng vẫn chưa đủ căn cứ để kết tội bị cáo; Tòa án cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại 121 vụ vì khởi tố, điều tra sai tội danh, 195 vụ vụ vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm [77], [89].

Ba là, trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong TTHS, quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND thiếu tính gắn bó, phụ thuộc, quan hệ kiểm soát giữa các cơ quan còn yếu, dễ xảy ra nhiều trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam oan, sai sau đó phải chuyển xử lý hành chính; số bị can bị khởi tố về tội phạm ít nghiêm trọng bị áp dụng biện pháp tạm giam, số bị can bị tạm giam quá hạn, bị giữ giam mà không có lệnh tạm giữ, lệnh tạm giam hoặc chưa được VKSND phê chuẩn vẫn còn xảy ra; có một số trường hợp bị can không nhận tội bị CQCSĐT coi là “cản trở hoạt động tố tụng” và áp dụng biện pháp tạm giam không đúng pháp luật, có biểu hiện lạm dụng biện pháp tạm giam. Để xảy ra các trường hợp vi phạm nêu trên có trách nhiệm của cả CQCSĐT và VKSND trong việc chấp hành pháp luật và không thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp, kiểm soát trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong TTHS. Trong việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế TTHS khác như: bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, áp giải, dẫn giải,... quan hệ kiểm soát giữa hai cơ quan còn nặng về hình thức, nên nhiều vi phạm pháp luật không được phát hiện kịp thời, chưa bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của bị can.

Bốn là, trong hoạt động lập hồ sơ VAHS, kết thúc điều tra, đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra, trả hồ sơ để điều tra bổ sung, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS, tương trợ tư pháp về hình sự, mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND chưa đem lại hiệu quả như mong muốn, việc đình chỉ điều tra còn một số vi phạm trong việc vận dụng căn cứ để đình chỉ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và để tránh bồi thường đối với người không thực hiện hành vi tội phạm; tình trạng vi phạm số lần trả hồ sơ điều tra để bổ sung giữa CQCSĐT và VKSND còn diễn ra nhiều, có hiện tượng lạm dụng việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm kéo dài thời hạn điều tra, “câu dằm” vụ án, đùn đẩy trách nhiệm; quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, tương trợ tư pháp về hình sự chủ yếu diễn ra bằng hình thức gián tiếp, VKSND chưa thường xuyên tiến hành kiểm sát trực tiếp việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và chấp hành các quy

định của pháp luật về tương trợ tư pháp của CQCSĐT nên chưa phát hiện và yêu cầu CQCSĐT xử lý, khắc phục các hành vi vi phạm pháp luật.

Năm là, vấn đề có tính phổ biến trong quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTH đó là tình trạng vi phạm quy định của BLTTTHS về thời hạn gửi các quyết định, lệnh, văn bản tố tụng. Nhiều quyết định tố tụng quan trọng như quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can, lệnh, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế TTTH của CQCSĐT không được gửi đến VKSND trong thời hạn luật định để xem xét cho ý kiến và phê chuẩn. Ngược lại, một số VKSND chậm ban hành văn bản thông báo ý kiến, quyết định phê chuẩn các quyết định tố tụng của CQCSĐT, thậm chí có vụ 17 tháng VKSND mới phê chuẩn quyết định khởi tố bị can mà không nêu rõ lý do trong khi quy định của BLTTTHS là 3 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can của CQCSĐT. Trước thực trạng trên, có CQCSĐT và VKSND địa phương không phối hợp tìm ra giải pháp khắc phục còn thống nhất sửa đổi thời gian trên các quyết định, văn bản tố tụng, làm quyết định mới để đề nghị phê chuẩn là vi nghiêm trọng quy định của BLTTTHS, xâm phạm quyền lợi của người tham gia tố tụng.

3.4.2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế nêu trên, trong đó phải kể đến các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Một số ĐTV, KSV, thậm chí Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT, Viện trưởng, Phó viện trưởng VKSND chưa nhận thức một cách toàn diện, đúng đắn, thống nhất về vị trí, vai trò của mỗi quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTH nên có tư tưởng quá đề cao nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà không thấy vai trò của quan hệ phối hợp nên chưa tạo điều kiện, hỗ trợ nhau thực hiện các nhiệm vụ tố tụng; ngược lại, có một số chủ thể trên vì quá đề cao vai trò của quan hệ phối hợp nên luôn ỷ lại, trông chờ vào ý kiến, kết luận liên ngành, thiếu chủ động trong điều tra VAHS hoặc có tâm lý nể nang, né tránh, bao biện làm thay,

không kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, không bảo đảm nguyên tắc kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa cơ quan TTHS.

- Kiến thức pháp luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận ĐTV, KSV còn hạn chế, không nắm vững quy định của pháp luật TTHS dẫn đến tình trạng thiếu chủ động, lúng túng, áp dụng sai quy định của pháp luật trong thực hiện quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND; một số lãnh đạo CQCSĐT, VKSND có biểu hiện chạy theo thành tích, nôn nóng trong điều tra, khám phá, xử lý VAHS, bỏ qua các nguyên tắc kiểm tra, giám sát, phòng ngừa vi phạm pháp luật, dẫn đến việc khởi tố, điều tra, bắt, giam giữ oan, sai, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, có nhiều sai phạm, tiêu cực chỉ được phát hiện khi báo chí, dư luận lên tiếng hoặc người bị oan, sai tố cáo, gây bức xúc trong dư luận và nhân dân, giảm niềm tin của Đảng, Nhà nước vào các cơ quan tư pháp.

- Tổ chức, bộ máy của CQCSĐT và VKSND còn nhiều bất cập, chưa phát huy hiệu quả công tác phối hợp, kiểm soát trong giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra. Mô hình tổ chức bộ máy của CQCSĐT và VKSND các cấp chưa thực sự đồng bộ. VKSND được tổ chức thành hệ thống độc lập do Viện trưởng VKSND chỉ đạo tập trung, thống nhất nhưng CQCSĐT nằm trong bộ máy của Công an nhân dân, ngoài Thủ trưởng CQCSĐT còn chịu sự chỉ huy, chỉ đạo của Thủ trưởng Công an các cấp nên tạo ra nhiều đầu mối chỉ đạo hoạt động điều tra cũng như trong quan hệ với VKSND. Mặt khác, trong thời gian gần đây tổ chức, bộ máy CQCSĐT không ổn định, thường xuyên có sự thay đổi, ảnh hưởng đến việc củng cố mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND. Bên cạnh đó, một số hoạt động trình sát của lực lượng Cảnh sát nhân dân gắn với hoạt động điều tra hình sự nhưng chưa có cơ chế kiểm soát các hoạt động này từ bên ngoài, đặc biệt là của VKSND để phòng ngừa, ngăn chặn việc xâm phạm quyền con người, quyền công dân.

- Hệ thống pháp luật TTHS nói chung và pháp luật quy định về mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND còn nhiều vướng mắc, bất cập, thiếu ổn

định. Quy định về thẩm quyền của CQCSĐT còn chưa rõ ràng, hợp lý, dẫn đến tình trạng CQCSĐT cấp trên điều tra nhiều vụ án của CQCSĐT cấp dưới, Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân điều tra nhiều vụ án của CQCSĐT, gây khó khăn cho hoạt động THQCT và KSĐT của VKSND. Nhiều quy định của BLTTHS, pháp luật tổ chức điều tra hình sự liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của CQCSĐT, VKSND chưa đầy đủ, cụ thể, không có điều kiện bảo đảm thực hiện, thiếu chế tài để phòng ngừa, xử lý việc vi phạm nên chưa phát huy được hiệu lực trên thực tế; quan hệ kiểm soát giữa VKSND và CQCSĐT chủ yếu diễn ra theo hướng một chiều, chưa có sự kiểm soát đối với hoạt động THQCT của VKSND. Công tác hướng dẫn, giải thích và giải quyết những vướng mắc, bất cập của pháp luật TTHS, tổ chức điều tra hình sự còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; nhiều quy định mới về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong BLTTHS năm 2015 đến nay chưa có văn bản hướng dẫn thi hành nên nhiều quy định chưa đi vào thực tiễn cuộc sống.

- Tình hình tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQCSĐT gia tăng, diễn biến phức tạp, khó lường, xuất hiện nhiều loại tội phạm có tính quốc tế, gắn với thời kỳ công nghệ, hội nhập như: khủng bố, rửa tiền, mua bán người, sử dụng công nghệ cao để phạm tội, tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, tội phạm xuyên quốc gia... Tội phạm về tham nhũng, chức vụ gây hậu quả ngày càng nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm tài sản của Nhà nước mà còn tiềm ẩn nguy cơ đe dọa sự ổn định về chính trị, trật tự xã hội. Tội phạm về hình sự xảy ra nhiều vụ án núp bóng doanh nghiệp, hoạt động theo kiểu “xã hội đen” diễn ra ở nhiều địa phương... Thực trạng trên đặt ra nhiều nhiệm vụ nặng nề cho CQCSĐT, VKNSD, nhất là trong điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động điều tra tội phạm còn thiếu thốn, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

Kết luận Chương 3

Chương 3 đã phân tích, làm rõ thực trạng mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS ở Việt Nam hiện nay, đó là: thực trạng cơ sở pháp lý, tổ chức bộ máy của CQCSĐT, VKSND theo quy định của pháp luật hiện hành. Luận án cũng đã phân tích, làm rõ thực trạng thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND theo từng nội dung, hình thức, tính chất của mối quan hệ, từ đó cho thấy mối quan hệ tổ tụng này ngày càng hiệu quả, thực hiện tốt nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát trong TTHS. VKSND đã từng bước nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát các hoạt động tổ tụng của CQCSĐT, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời vi phạm pháp luật, hạn chế tình trạng khởi tố, điều tra, oan, sai, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong TTHS. CQCSĐT thực hiện nghiêm túc các quyết định, yêu cầu của VKSND nhưng cũng chủ động phát hiện, ban hành nhiều văn bản kiến nghị với VKSND, bảo đảm nguyên tắc kiểm tra, giám sát giữa cơ quan tiến hành TTHS. Bên cạnh đó, quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS trong một số trường hợp vẫn còn bộc lộ sơ hở, thiếu sót, chưa phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, dẫn đến oan, sai và bỏ lọt tội phạm, xâm phạm quyền con người, quyền công dân, vi phạm nguyên tắc độc lập trong tư pháp. Đồng thời, NCS cũng nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên.

Những kết quả nghiên cứu của Chương 3 là cơ sở để đề xuất các giải pháp hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS thời gian tới.

Chương 4

HOÀN THIỆN MỐI QUAN HỆ TỔ TỤNG GIỮA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

4.1. Những yêu cầu đặt ra đối với mối quan hệ tố tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

4.1.1. Mô hình tố tụng hình sự của Việt Nam đang tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Trong thời gian tới, tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mô hình TTHS Việt Nam vẫn có xu hướng tiếp nhận một cách có chọn lọc những yếu tố hợp lý của mô hình TTHS tranh tụng phù hợp với truyền thống văn hóa, trình độ dân trí, ý thức pháp luật của nhân dân, điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước nhằm đẩy mạnh dân chủ, công bằng, công khai và tăng cường tranh tụng trong các giai đoạn TTHS, trọng tâm vẫn là “**nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử**” [11, tr. 4]. Theo đó, mô hình TTHS Việt Nam sẽ được hoàn thiện theo xu hướng cơ bản sau đây:

Một là, TTHS Việt Nam vẫn đặt mục tiêu là kiểm soát, phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Do đó, pháp luật TTHS vẫn có nhiều quy định tạo điều kiện các cơ quan tiến hành TTHS nâng cao tỉ lệ điều tra, phát hiện khám phá, chứng minh tội phạm (buộc tội), bảo vệ quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân bị tội phạm xâm hại và lợi ích công cộng. Đồng thời, khi điều kiện kinh tế - xã hội có bước phát triển mới, đất nước hội nhập quốc tế sâu rộng hơn, mục tiêu bảo đảm được quyền con người, quyền công dân, phòng, chống oai, sai trong TTHS sẽ ngày càng được đề cao, vai trò của các cơ quan và người tiến hành TTHS trong phòng, chống tội phạm có xu hướng giảm dần.

Hai là, phân định rành mạch hơn quyền, nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể tiến hành TTHS theo các chức năng cơ bản của TTHS. Tòa án thực hiện chức

năng xét xử, giữ vị trí trung tâm của hoạt động tố tụng nắm quyền điều tiết các hoạt động TTHS và giữ quyền phán quyết cao nhất. Hệ thống Tòa án được tổ chức theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính. Vai trò kiểm soát hoạt động TTHS của Tòa án, kể cả các đối với các hoạt động trước khi xét xử của các cơ quan tiến hành TTHS khác, sẽ được tăng cường nhằm bảo đảm pháp chế của các hoạt động đó. VKS thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. VKS chịu trách nhiệm về toàn bộ chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra; quản lý, tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; trực tiếp kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm và điều tra VAHS trong một số trường hợp cần thiết. CQĐT có trách nhiệm điều tra tội phạm, thu thập chứng cứ buộc tội và gỡ tội, lập hồ sơ VAHS chuyển cho VKS để quyết định việc truy tố; mối quan hệ giữa CQĐT và VKSND trong việc thực hiện chức năng buộc tội ngày càng chặt chẽ, trong đó VKSND là cơ quan chịu trách nhiệm và quyết định việc buộc tội. Tuy nhiên, CQĐT và VKS không chỉ có trách nhiệm buộc tội như mô hình TTHS tranh tụng mà còn phải có trách nhiệm chống bỏ lọt tội phạm, chống oan, sai trong TTHS.

Ba là, cơ sở pháp lý về quyền bào chữa của người bị buộc tội được hoàn thiện hơn và có cơ chế thực thi đầy đủ trên thực tế để bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa. Người có thẩm quyền tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện để họ thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong việc tranh tụng. Tại phiên tòa, KSV và người bào chữa có quyền bình đẳng trước tòa án và là người hỏi chính. Chủ tọa phiên tòa điều khiển việc xét hỏi, tranh luận giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điếm, khoản, điều của áp dụng BLHS để xác định tội danh, quyết định mức hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị

cáo và các tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án hình sự đều phải được tranh luận, làm rõ tại phiên tòa.

Bốn là, thẩm quyền hành chính và thẩm quyền tố tụng ngày càng được phân định rành mạch. Quyền hạn tố tụng của người đứng đầu các cơ quan tiến hành TTHS ngày càng bị thu hẹp, họ chủ yếu làm nhiệm vụ quản lý hành chính, điều hành hoạt động tố tụng trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn được giao, quyết định những hoạt động tố tụng quan trọng, liên quan đến việc hạn chế quyền con người, quyền công dân. Quyền hạn tố tụng của Thẩm phán, KSV, ĐTV sẽ tăng hơn, nhất là đối với những chức danh tư pháp bậc trung cấp trở lên để có họ thực sự chủ động, độc lập và là người chịu trách nhiệm chính đối với kết quả của hoạt động TTHS được giao.

Với xu hướng vận động của mô hình TTHS Việt Nam như nêu trên, trong thời gian tới mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND về cơ bản vẫn đi theo xu hướng VKS có trách nhiệm định hướng, kiểm sát hoạt động điều tra của CQĐT nói chung và CQCSĐT nói riêng, là yếu tố quan trọng bảo đảm cho hoạt động khởi tố, điều tra tuân thủ đúng quy định của pháp luật, khách quan, chính xác.

4.1.2. Nhiệm vụ cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân

Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN là một nhiệm vụ chiến lược trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI trình Đại hội XII khẳng định xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hoá, xã hội. Một trong những điều kiện để tiến tới Nhà nước pháp quyền XHCN đó là xây dựng nền tư pháp phụng sự, liêm khiết, vững mạnh, độc lập để tăng cường pháp chế XHCN, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác. Nhận thức được vấn đề đó, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta rất quan

tâm, chú trọng đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư pháp. Ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW, đây là văn kiện chính trị quan trọng, định hướng cho việc đổi mới mạnh mẽ, căn bản tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp giai đoạn 2005-2020. Về mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKSND trong TTHS, Nghị quyết số 49-NQ/TW xác định: “*Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra*”. Quan điểm chỉ đạo này tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện tại văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và XII của Đảng. Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI trình Đại hội XII thông qua (năm 2016) khẳng định:

“Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp và được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án; tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra. Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả của cơ quan điều tra”.

Như vậy, quan điểm “*Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra*” là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt từ năm 2005 đến nay, đặt ra nhiệm vụ cần tiếp tục hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, coi đây là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng điều tra, truy tố tội phạm, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nước ta hiện nay.

Mặt khác, tại Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị, bên cạnh việc khẳng định kết quả, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế của việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, căn cứ vào tình hình thực tiễn, để phù hợp quan điểm mới của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, Bộ Chính trị đã điều chỉnh, bổ sung quan điểm: “*Xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện các hoạt động tư pháp*”. Hoạt động điều tra, truy tố của CQCSĐT và VKSND có vị trí quan trọng trong quá trình giải quyết VAHS, tạo tiền đề thuận lợi và ảnh hưởng lớn đến chất lượng xét xử của Tòa án nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ dẫn đến lạm quyền, xâm phạm quyền con

người, quyền công dân, gây oan, sai trong TTHS. Do đó, việc tăng cường mối quan hệ kiểm soát giữa hai cơ quan này là một nhiệm vụ tất yếu, khách quan trong tiến trình cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Bên cạnh đó, có nhiều quan điểm chỉ đạo khác của Đảng về đổi mới tổ chức, hoạt động của CQĐT và VKSND cũng đặt ra nhiều vấn đề mới cần phải giải quyết khi thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa hai cơ quan này trên thực tế. Ví dụ: tại Nghị quyết số 49-NQ/TW, Bộ Chính trị chỉ đạo phải phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho ĐTV, KSV để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Hoặc chủ trương sắp xếp tinh gọn đầu mỗi Cơ quan điều tra, tổ chức hệ thống VKSND thành 4 cấp trong Kết luận số 92-KL/TW và nhiều văn bản chỉ đạo khác của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương... Các quan điểm, yêu cầu trên của Đảng là cơ sở chính trị quan trọng, trực tiếp định hướng cho việc hoàn thiện, tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan tiến hành TTHS, trong đó có mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong tình hình hiện nay.

Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương trên của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức VKSND năm 2014, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015. Hiến pháp và các luật này có nhiều quy định mới về hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT và VKSND; trách nhiệm, thẩm quyền và nguyên tắc hoạt động của ĐTV, KSV cũng được sửa đổi, bổ sung theo hướng cụ thể hơn cho phù hợp với nguyên tắc pháp chế và chủ trương cải cách tư pháp. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 với những quy định mới về dân chủ, nhân quyền, quyền con người, quyền công dân có sự ảnh hưởng mạnh mẽ, bao trùm lên toàn bộ quá trình TTHS, đòi hỏi các mối quan hệ TTHS phải đi vào thực chất và chặt chẽ hơn nữa, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, người có thẩm quyền

tiến hành TTTHS phải được phân định rành mạch, rõ ràng, vừa có sự phân công, phối hợp, vừa phải tăng cường sự kiểm soát trong TTTHS để bảo đảm quyền con người, quyền công dân, hạn chế sự vi phạm pháp luật từ phía cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành TTTHS và các chủ thể khác có liên quan.

4.2. Định hướng hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tổ tụng hình sự

Một là, trong điều kiện hội nhập quốc tế, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vừa phải bảo đảm mục tiêu phòng ngừa, kiểm soát, xử lý tội phạm có hiệu quả, vừa phải bảo đảm và tôn trọng quyền công dân, quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật. TTTHS là lĩnh vực nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân. Quyền con người, quyền công dân có thể bị xâm phạm từ bất cứ cơ quan, người nào có thẩm quyền tiến hành TTTHS, nhất là trong giai đoạn khởi tố, điều tra với chủ thể là ĐTV, cán bộ điều tra, KSV, kiểm tra viên. Do vậy, phải tăng cường mối quan hệ kiểm soát lẫn nhau giữa CQCSĐT và VKSND trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra để không chủ thể nào thực hiện quyền lực nhà nước mà thiếu sự giám sát chặt chẽ của chủ thể khác, hạn chế việc lạm quyền. Thực hiện quyền lực nhà nước và kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước là hai hoạt động khác nhau, nhưng lại không thể tách rời nhau, trong đó một chủ thể thi hành quyền lực nhà nước và một chủ thể giám sát hoạt động thi hành đó. VKSND phải thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của BLTTTHS, nhất là các quy định mang tính kiểm soát toàn bộ hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của CQCSĐT, góp phần bảo đảm cho hoạt động điều tra đúng người, đúng tội. Đồng thời, tăng cường sự giám sát từ bên ngoài hệ thống VKSND đối với hoạt động THQCT, cần giao cho CQCSĐT, ĐTV quyền từ chối thực hiện các quyết định, yêu cầu, đề nghị của VKSND và KSV khi có căn cứ rõ ràng rằng các quyết định, yêu cầu này không có căn cứ pháp luật, vì trên thực tiễn đã xảy ra nhiều trường hợp, KSV có dấu hiệu không khách quan, thiếu tích cực trong việc phê chuẩn các quyết định, lệnh của

CQCSĐT dẫn đến việc người phạm tội bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ, để lộ lọt thông tin điều tra, bí mật công tác hoặc đề ra các yêu cầu điều tra không có căn cứ, làm sai lệch hồ sơ vụ án, gây ra những hậu quả nghiêm trọng.

Hai là, nhận thức đúng đắn về các quan điểm chỉ đạo: “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra”, “Công tố gắn với điều tra” của Đảng trong tiến trình cải cách tư pháp để có giải pháp thực hiện cho phù hợp. Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra đồng nghĩa với việc VKSND phải phát huy tốt hơn nữa vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động điều tra. Công tác công tố phải xuyên suốt, bao quát toàn bộ quá trình điều tra, kể từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm cho đến khi nhiệm vụ điều tra vụ án hoàn thành, bảo đảm hoạt động điều tra kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội. Không làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm và người phạm tội là hai mục tiêu song hành của hoạt động điều tra và hoạt động THQCT và KSĐT. Đồng thời, VKSND phải chịu trách nhiệm với tất cả các trường hợp oan, sai trong hoạt động điều tra, bởi lẽ VKSND đã được giao trách nhiệm và quyền hạn để chống oan, sai ngay từ khi CQCSĐT bắt đầu tiến hành điều tra VAHS. Vì vậy, để xảy ra oan, sai trong khởi tố, điều tra dù bất cứ ở khâu nào đều có trách nhiệm của VKSND.

Muốn tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, hoạt động THQCT và KSĐT phải luôn song hành và xuyên suốt quá trình điều tra, từ tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đến kết thúc điều tra. Hoạt động THQCT và KSĐT phải gắn bó với hoạt động điều tra, cùng phát hiện, khởi tố, thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, cùng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động điều tra, cùng đánh giá, xem xét chứng cứ và đề ra yêu cầu điều tra vụ án, bảo đảm cho hoạt động điều tra đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. KSV không được coi những nhiệm vụ đó chỉ là của ĐTV, phải coi điều tra cũng là nhiệm vụ của mình. Khi ĐTV tiến hành các hoạt động điều tra, KSV không phải chỉ đứng ngoài quan sát, giám sát CQCSĐT để phát hiện những thiếu sót, vi

phạm, mà phải chủ động phát hiện, đề ra các yêu cầu điều tra, chứng minh tội phạm để ĐTV thực hiện; tích cực phối hợp, bàn bạc, thống nhất với ĐTV về các tình tiết phức tạp để biện pháp tháo gỡ, khắc phục. Chỉ có thực hiện tốt công tác gắn với điều tra thì KSV mới nắm vững được vụ án và thực hiện tốt nhiệm vụ THQCT và tranh tụng tại phiên tòa. Ngược lại, nếu hoạt động công tố và điều tra không có mối liên hệ chặt chẽ, biệt lập sẽ dẫn đến quan hệ kiểm soát giữa CQCSĐT và VKSND chỉ là hình thức và không có hiệu quả, những thiếu sót, vi phạm trong hoạt động điều tra không được phát hiện hoặc phát hiện không kịp thời dẫn đến thời gian điều tra vụ án bị kéo dài, gây lãng phí, tốn kém, thậm chí gây oan, sai, bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

Ba là, kế thừa và tổ chức có hiệu quả các quy định của pháp luật TTHS hiện hành về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT và VKSND trong hoạt động điều tra VAHS phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về chức năng, nhiệm vụ của Công an nhân dân, VKSND và quy định của pháp luật quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; góp phần xây dựng các cơ quan TTHS của Việt Nam hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả và phát huy được tối đa quyền năng pháp lý của mình. Theo đó, CQCSĐT trực tiếp tiến hành mọi hoạt động điều tra, trực tiếp ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng, thay đổi các biện pháp ngăn chặn, đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can... VKSND có nhiệm vụ THQCT và KSĐT, kiểm tra, giám sát, phê chuẩn các quyết định, lệnh TTHS của CQCSĐT, bảo đảm hoạt động điều tra chứng minh tội phạm được kịp thời, nhanh chóng, chặt chẽ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm. Với vai trò là cơ quan quyết định việc buộc tội, VKSND có quyền tác động vào quá trình điều tra, quyết định phát động, tạm dừng, kết thúc các hoạt động, hành vi buộc tội đối với người bị tình nghi phạm tội của CQCSĐT. VKSND có thể trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhưng chỉ trong trường hợp đã yêu cầu nhưng CQCSĐT không thực hiện hoặc đã thực hiện nhưng không đạt yêu cầu của VKSND. Cần hạn chế những trường hợp KSV trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra, để hoạt động điều

tra không bị “hòa tan” hoạt động KSĐT, phá vỡ mối quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan tiến hành TTHS, đồng thời tránh tình trạng KSV làm thay ĐTV hoặc bị cuốn vào hoạt động điều tra dẫn đến buông lỏng nhiệm vụ THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định của pháp luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT, VKSND trong TTHS bộc lộ vướng mắc, bất cập để tăng cường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan CSĐT và VKSND trong TTHS như: phân định rõ hơn thẩm quyền giữa CQCSĐT các cấp, giữa CQCSĐT và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân; hạn chế tình trạng CQCSĐT cấp trên điều tra án của CQCSĐT cấp dưới, Cơ quan An ninh điều tra án của CQCSĐT gây khó khăn cho hoạt động THQCT và KSĐT, không bảo đảm sự liên thông giữa THQCT trong giai đoạn điều tra với THQCT trong giai đoạn xét xử; quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV, KSV trong quan hệ phối hợp, kiểm soát việc thực hiện các biện pháp điều tra; xây dựng các quy định buộc VKSND phải thể hiện tính có căn cứ, chính xác, phù hợp với quy định của pháp luật trong yêu cầu điều tra và quyết định tố tụng của mình; ban hành các văn bản quy định chi tiết, biện pháp thi hành các quy định của BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức VKSND năm 2014, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 liên quan đến quan hệ phân công, phối hợp, kiểm soát giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS.

Bốn là, tăng cường các điều kiện bảo đảm cho CQCSĐT, VKSND hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao trong tình hình mới; thực hiện bố trí, sắp xếp đội ngũ ĐTV của CQCSĐT, KSV đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu, nắm vững kiến thức pháp luật để thực hiện tốt hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT, nhất là với vụ án phức tạp, đặc biệt nghiêm trọng, đòi hỏi việc điều tra phải được tiến hành nhanh chóng, chính xác nhưng phải đúng pháp luật. Đổi mới công tác tuyển dụng, bổ nhiệm đào tạo, bồi dưỡng ĐTV, KSV nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn, năng lực thực hiện nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế; việc

tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh ĐTV, KSV bắt buộc phải qua thi tuyển, bãi bỏ hình thức xét bổ nhiệm các chức danh này; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ ĐTV, KSV có ngạch bậc cao trở thành các chuyên gia giỏi, có khả năng nghiên cứu, giải quyết những vấn đề phức tạp trong hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT nhằm nâng cao chất lượng công tác hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo tại chỗ, tạo nguồn nhân lực lâu dài, ổn định cho CQCSĐT và VKSND.

Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, kinh phí hoạt động của hoạt động điều tra tội phạm của CQCSĐT và hoạt động THQCT và KSĐT của VKSND, nhất là cấp huyện do số lượng vụ án thuộc thẩm quyền của CQCSĐT Công an cấp huyện ngày càng lớn (88% tổng số VAHS thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCSĐT) [36]. Tăng mức kinh phí dành cho hoạt động điều tra của CQCSĐT, nhất là với những vụ án có hoạt động giám định xây dựng, tài chính, ma túy với khối lượng lớn hoặc các vụ án có yếu tố nước ngoài đòi hỏi phải có hoạt động hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp hình sự,... Nâng cao chế độ, chính sách đối với ĐTV, KSV, cán bộ điều tra, kiểm tra viên bảo đảm tương xứng với nhiệm vụ, trọng trách được giao. Xây dựng các dự án và chuẩn bị cơ sở vật chất, phương tiện, cán bộ để thực hiện các quy định mới của BLTTHS năm 2015, nhất là quy định về việc ghi âm, ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

4.3. Giải pháp hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

4.3.1. Hoàn thiện pháp luật về mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự

Thể chế hóa quan điểm cải cách tư pháp: “*Tăng cường trách nhiệm của công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra*” được xác định nghị quyết các Đại hội lần thứ XI và XII của Đảng và các nghị quyết, thông báo, kết luận về thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương, Quốc hội đã ban hành BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015, Luật tổ chức VKSND năm 2014, trong đó có nhiều quy định mới về

nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT, VKSND trong hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT, tăng cường hoạt động THQCT của VKSND trong hoạt động điều tra theo hướng chuyên nghiệp, gắn công tố với hoạt động điều tra nhưng tách bạch, phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT và VKSND, khẳng định vai trò là cơ quan duy nhất thực hiện quyền công tố, quyết định việc buộc tội của VKSND. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc được thể hiện rõ trong Điều 20 BLTTHS năm 2015 với quy định:

“Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội”.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu tăng cường mối quan hệ TTHS giữa CQCSĐT và VKSND trong tình hình mới cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật TTHS sau:

- Hoàn thiện BLTTHS

+ Tại Điều 1 BLTTHS xác định phạm vi điều chỉnh của Bộ luật này là “nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng” nhưng trên thực tế Bộ luật chưa có điều nào quy định về nguyên tắc, nội dung, tính chất mối quan hệ tố tụng giữa CQĐT và VKSND trong TTHS. Khoản 1 Điều 33 BLTTHS năm 2015 quy định:

“Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thường xuyên kiểm tra việc tiến hành các hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền; thực hiện kiểm soát giữa các cơ quan trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án”.

Đây mới là quy định mang tính nguyên tắc, cần được cụ thể hóa đối với từng mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là đối với mối

quan hệ tổ tụng quan trọng, phức tạp, ảnh hưởng lớn đến chất lượng, hiệu quả hoạt động TTHS như mối quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKSND. Vì vậy, BLTTHS hoặc các văn bản hướng dẫn cần quy định cụ thể hơn nữa các hoạt động tổ tụng có quan hệ tổ tụng giữa CQĐT và VKSND, nhất là các hoạt động tổ tụng quan trọng, liên quan đến quyền công dân như: áp dụng biện pháp điều tra tổ tụng đặc biệt; KSV trực tiếp tiến hành điều tra, tham gia hỏi cung bị can; ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong lấy lời khai, hỏi cung...

+ BLTTHS năm 2015 đã tăng quyền thẩm quyền của ĐTV, KSV trong một số hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT nhằm đề cao trách nhiệm cá nhân, tính chủ động của các chủ thể này trong việc tổ chức thực hiện lệnh, quyết định của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT, Viện trưởng, Phó viện trưởng VKSND như giao cho ĐTV, KSV các quyền trực tiếp kiểm tra, xác minh và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật; quyết định áp giải người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, bị tạm giữ; quyết định dẫn giải người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại; quyết định giao người dưới 18 tuổi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giám sát; quyết định thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội... Tuy nhiên, để thực hiện chủ trương cải cách tư pháp cần tiếp tục giao cho ĐTV, KSV một số quyền hạn có tính chất phát hiện hoặc làm sáng tỏ sự thật vụ án như: quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi...

+ Sửa đổi các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn “*đề ra yêu cầu điều tra*” của KSV quy định trong BLTTHS năm 2015 (các điều 42, 165,...). Vì hoạt động điều tra tội phạm mang tính nghiệp vụ chuyên sâu, có tính đặc thù cao do ĐTV, người được đào tạo cơ bản về chuyên ngành điều tra hình sự ở bậc đại học, thực hiện dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT. Trong quá trình chỉ đạo điều tra vụ án, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT sẽ đề ra yêu cầu điều tra cụ thể để ĐTV thực hiện. Nghiệp vụ THQCT và KSĐT của VKSND có nhiều điểm khác so với nghiệp vụ điều tra hình sự của

CQCSĐT, do vậy việc quy định KSV đề ra yêu cầu điều tra để ĐTV thực hiện bị trùng lặp với thẩm quyền chỉ đạo điều tra của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT. Trên thực tế BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định nào giải thích yêu cầu điều tra của KSV là gì. Tuy nhiên, căn cứ vào thực tế sự tham gia của KSV vào hoạt động điều tra cho thấy, “*yêu cầu điều tra*” của KSV chính là yêu cầu chứng minh trong quá trình điều tra VAHS, vì KSV chủ yếu dựa vào quy định của BLTTHS về các vấn đề cần chứng minh trong VAHS. Do đó, đề nghị sửa đổi quy định KSV có nhiệm vụ, quyền hạn “*đề ra yêu cầu điều tra*” thành đề ra yêu cầu chứng minh trong quá trình THQCT và KSĐT VAHS.

+ Nếu so sánh về mặt tương quan, sự kiểm soát của CQCSĐT đối với VKSND rõ ràng không bảo đảm được sự kiềm chế, đối trọng giữa các chủ thể thực thi quyền lực nhà nước, để phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả những sai sót, vi phạm pháp luật của VKSND và KSV trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra VAHS. Trong thực tiễn đã xảy ra nhiều trường hợp, KSV có dấu hiệu không khách quan, thiếu tích cực trong việc ra các quyết định phê chuẩn các quyết định, lệnh của CQCSĐT dẫn đến việc người phạm tội bỏ trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ, để lộ lọt thông tin điều tra, bí mật công tác, đề ra các yêu cầu điều tra trái pháp luật, làm sai lệch hồ sơ vụ án, gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Để hạn chế tình trạng này, cần tăng cường sự giám sát từ bên ngoài hệ thống VKSND đối với hoạt động THQCT và KSĐT. Theo đó, nên sửa đổi Khoản 2 Điều 167 BLTTHS năm 2015 theo hướng giao cho CQĐT quyền từ chối thực hiện các quyết định, yêu cầu, đề nghị của VKSND và KSV khi có căn cứ rõ ràng rằng các quyết định, yêu cầu này không có căn cứ pháp luật; đồng thời kiến nghị lên VKSND cấp trên trực tiếp; cụ thể như sau: “*Đối với quyết định quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 165 của Bộ luật này nếu thấy không có căn cứ và trái pháp luật, CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền không thực hiện và kiến nghị với VKS cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, VKS cấp trên trực tiếp phải xem xét, giải quyết và thông báo kết quả cho cơ quan đã kiến*

ngợi. Trường hợp VKS cấp trên đồng ý với yêu cầu, quyết định của VKS cấp dưới, cơ quan đã kiến nghị có trách nhiệm thực hiện ngay yêu cầu, quyết định đó”.

+ Sửa đổi Khoản 2 Điều 125 BLTTHS năm 2015 để bảo đảm chặt chẽ hơn quy định: *“Đối với những biện pháp ngăn chặn do VKS phê chuẩn trong giai đoạn điều tra thì việc hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác phải do VKS quyết định; trong thời hạn 10 ngày trước khi hết thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn, trừ biện pháp tạm giữ do VKS phê chuẩn, cơ quan đã đề nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn này phải thông báo cho VKS để quyết định tiếp tục áp dụng, hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn khác”.*

+ Sửa đổi, bổ sung đoạn 2 của Khoản 3 Điều 179 và Khoản 3 Điều 180 quy định về thời hạn CQĐT phải bổ sung chứng cứ, tài liệu theo yêu cầu của VKSND khi xem xét phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can. Đây là một tình huống xảy ra khá phổ biến trong việc thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND nhưng vì thiếu quy định trên nên có nhiều trường hợp, khi VKSND yêu cầu CQCSĐT không tích cực điều tra, thu thập để bổ sung chứng cứ, tài liệu làm việc điều tra bị kéo dài, quyền lợi của người tham gia tố tụng không được bảo đảm. Theo đó, đoạn này cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *“...Trường hợp VKS yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu thì trong thời hạn tối đa 7 ngày CQĐT bổ sung chứng cứ, tài liệu theo yêu cầu của VKS...”.*

+ Quy định rõ hơn các căn cứ, tình tiết chưa cụ thể liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND, KSV trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra. Ví dụ như: tại khoản 2 Điều 159 quy định: *“Khi cần thiết, đề ra yêu cầu kiểm tra”*; tại điểm đ khoản 1 và điểm c Khoản 2 Điều 161 quy định: *“Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác...”*; tại Khoản 1 Điều 183 quy định: *“Khi xét thấy cần thiết, KSV tham gia việc hỏi cung bị can”*...

- Hoàn thiện Luật tổ chức VKSND

Luật tổ chức VKSND năm 2014 cơ bản đã khắc phục được những vướng mắc, bất cập của Luật tổ chức VKSND năm 2002, thể chế hóa được nhiều quan

điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp được nêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đồng bộ, thống nhất với BLTTHS năm 2015 và các văn bản pháp luật khác, thể chế đầy đủ các nguyên tắc, vấn đề cơ bản của mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, trong đó tập trung các giải pháp nhằm tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra, Luật tổ chức VKSND cần tiếp tục được nghiên cứu, sửa đổi theo các hướng sau:

+ Mở rộng quyền hạn tiến hành TTHS cho KSV, phân định quyền hạn giữa KSV với lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ, lãnh đạo VKSND; theo đó giao cho KSV có thẩm quyền quyết định thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi...; đồng thời, phân định cụ thể nhiệm vụ của từng cấp KSV (sơ cấp, trung cấp, cao cấp).

+ Quy định rõ hơn các tình tiết chưa cụ thể, còn chung chung về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV khi THQCT và KSĐT như: tình tiết “*Khi cần thiết*” tại điểm c khoản 3 Điều 3; “*Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác*” tại điểm 1 khoản 3 Điều 3, điểm e khoản 3 Điều 4, khoản 5 Điều 12, khoản 6 Điều 13, khoản 11 Điều 14,...

- Hoàn thiện Luật tổ chức CQĐT hình sự

Luật tổ chức CQĐT hình sự được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 10 thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, thay thế Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức CQĐT tập trung thống nhất, có sự phân công, phân cấp rành mạch và được kiểm soát chặt chẽ; bảo đảm hoạt động điều tra hình sự được nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Tuy nhiên, qua theo dõi, nghiên cứu, tham gia sơ kết, tổng kết công tác điều tra hình sự, NCS đề xuất tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

+ Phân định rõ hơn thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra và CQCSĐT. Theo quy định tại khoản 2 Điều 17, Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra các VAHS thuộc thẩm quyền của CQCSĐT

“*để bảo đảm khách quan*”. Quy định trên chưa rõ ràng, dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, tùy tiện, gây khó khăn cho quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND. Để khắc phục tình trạng này, chỉ nên giao cho Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an điều tra các VAHS thuộc thẩm quyền điều tra của CQCSĐT Bộ Công an trong một số ít trường hợp, theo đó bỏ cụm từ “*để bảo đảm khách quan*” ở khoản 2 Điều 17; cuối khoản 2 Điều 16 về thẩm quyền của Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an bổ sung quy định: “*vụ án thuộc thẩm quyền của CQCSĐT Bộ Công an nhưng có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm hoặc vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động điều tra*”.

Tương tự, Luật cũng cần phân định rõ hơn thẩm quyền điều tra giữa CQCSĐT các cấp. Khoản 2 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 quy định CQCSĐT Bộ Công an và CQCSĐT Công an cấp tỉnh có thể điều tra vụ án thuộc thẩm quyền của CQCSĐT cấp dưới nếu những vụ án đó nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương và “*xét thấy cần trực tiếp điều tra*”. Quy định này chưa cụ thể, đề nghị sửa đổi thành CQCSĐT cấp trên chỉ điều tra vụ án nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền của CQCSĐT cấp dưới mà “*xét thấy CQCSĐT cấp dưới không thể tiến hành điều tra, làm rõ theo quy định của pháp luật*”

+ Sửa đổi các khoản 1, 2 Điều 18 cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới của Bộ Công an theo Nghị định số 01/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, bỏ điểm đ khoản 1 quy định về Cục CSĐT tội phạm về buôn lậu và điểm đ khoản 2 quy định về Phòng CSĐT tội phạm về buôn lậu; sửa đổi điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2, đổi tên: “*Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ*” thành: “*Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu*”, “*Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế và chức vụ*” thành: “*Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu*”.

+ Mở rộng quyền hạn tiến hành TTHS cho ĐTV, phân định quyền hạn giữa ĐTV với lãnh đạo đơn vị nghiệp vụ, lãnh đạo CQCSĐT; theo đó giao cho ĐTV thẩm quyền quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi...; đồng thời, phân định cụ thể nhiệm vụ của từng cấp ĐTV (sơ cấp, trung cấp, cao cấp).

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định mới của BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành

Tuy có một số vấn đề như nêu trên nhưng về cơ bản BLTTHS năm 2015 và Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 có nhiều quy định mới rất tiên bộ, thể chế hóa được nhiều chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, cụ thể hóa các quy định mới của Hiến pháp năm 2013, là công cụ pháp lý phục vụ cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền công dân, quyền và các lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Để triển khai thi hành các đạo luật này, Bộ Công an, VKSND tối cao đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật đơn ngành và liên tịch quy định chi tiết, biện pháp thi hành BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015, trong đó có nhiều quy định liên quan đến việc thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS như: Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018 quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa; Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn thi hành quy định của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố... Tuy nhiên, trong thời gian tới cần ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nữa để thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong một số quy định khác của BLTTHS, nhất là Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 của VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS, vì đây là văn bản quan trọng thể hiện một cách cơ bản hình thức, nội dung quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS. Sau khi ban hành các văn bản trên, Bộ Công an và VKSND tối cao cần phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ điều tra, ĐTV, KSV, kiểm tra viên

và những người làm công tác điều tra hình sự, THQCT và KSĐT nắm vững, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên để thực hiện thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quan hệ tổ tụng giữa hai cơ quan trong TTHS.

4.3.2. Đổi mới tổ chức, hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân nhằm tăng cường sự phối hợp, kiểm soát lẫn nhau trong hoạt động tổ tụng hình sự

Từ những quan điểm, chủ trương cải cách tư pháp, hội nhập quốc tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, việc đổi mới tổ chức, hoạt động của CQCSĐT và VKSND nhằm tăng cường quan hệ phân công, phối hợp, kiểm soát trong hoạt động TTHS theo quy định của BLTTHS năm 2015 là một yêu cầu tất yếu khách quan nhưng cần theo những nguyên tắc, yêu cầu sau đây:

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của CQCSĐT và VKSND cần đặt trong tổng thể chiến lược cải cách tư pháp, chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của Đảng, Nhà nước và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, điều kiện, đặc điểm cụ thể của Việt Nam, nhất là diễn biến tình hình tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQCSĐT hiện nay và trong thời gian tới.

- Cần có sự tương quan về mô hình tổ chức giữa CQCSĐT và VKSND cùng cấp, có sự lãnh đạo tập trung thống nhất theo ngành dọc, sự lãnh đạo của Đảng theo nguyên tắc đặc thù, bảo đảm tổ chức, hoạt động của CQCSĐT và VKSND nói riêng được thực hiện độc lập, chuyên biệt, chuyên nghiệp, hiệu quả và chỉ tuân theo pháp luật.

- Về hoạt động, CQCSĐT và VKSND cơ bản giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ như hiện nay nhưng cần được sắp xếp, bố trí lại cho phù hợp với diễn biến tình hình tội phạm. Theo đó, tập trung củng cố, kiện toàn những lực lượng, đơn vị điều tra, THQCT và KSĐT tội phạm về xâm phạm trật tự xã hội, ma túy, sắp xếp lại các đơn vị, lực lượng điều tra, THQCT và KSĐT tội phạm về kinh tế, tham nhũng, chức vụ, buôn lậu, nâng cao vai trò, trách nhiệm của ĐTV, KSV trong hoạt động TTHS.

Từ những yêu cầu trên, nội dung đổi mới tổ chức và hoạt động của CQCSĐT và VKSND cần tập trung vào các giải pháp cụ thể sau:

Một là, từ ngày 06/8/2018 tổ chức bộ máy của Bộ Công an không còn Tổng cục Cảnh sát, các đơn vị CSĐT chuyển về trực thuộc Bộ Công an, do một lãnh đạo Bộ Công an là Thủ trưởng CQCSĐT. Mô hình tổ chức mới của CQCSĐT Bộ Công an bảo đảm tinh gọn, nâng cao vị thế và tính độc lập của hệ thống CQCSĐT, bảo đảm sự tương quan về mô hình tổ chức của VKSND tối cao, tạo thuận lợi cho việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT Bộ Công an và VKSND tối cao. Tuy nhiên, nguyên tắc tổ chức VKSND và CQCSĐT vẫn có sự khác nhau, dẫn đến khó khăn, chông chéo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quan hệ phối hợp. Cụ thể là VKSND được tổ chức theo ngành dọc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Viện trưởng VKSND tối cao; trong khi đó CQCSĐT gắn với các cấp Công an, vừa chịu sự chỉ đạo của Thủ trưởng CQCSĐT, vừa chịu sự chỉ đạo của Thủ trưởng Công an. Vì vậy, Bộ Công an cần giao Thủ trưởng CQCSĐT Bộ Công an toàn quyền chỉ đạo CQCSĐT các cấp trong hoạt động điều tra hình sự cũng như thực hiện mối quan hệ tổ tụng với VKSND và các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hai là, theo quy định của Luật tổ chức CQĐT hình sự, CQCSĐT được tổ chức ở 3 cấp: Bộ Công an; Công an cấp tỉnh và Công an huyện. Trong CQCSĐT Bộ Công an và CQCSĐT Công an cấp tỉnh được phân thành các đơn vị theo thẩm quyền điều tra tội phạm về trật tự xã hội; tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và Văn phòng CQCSĐT. Với mô hình trên, CQCSĐT được tổ chức theo hướng chuyên sâu, có sự gắn kết giữa hoạt động điều tra tổ tụng với hoạt động trinh sát, đồng thời giảm số vụ án phải thụ lý, điều tra cho lực lượng Cảnh sát hình sự, Cảnh sát ma túy, Cảnh sát kinh tế để các lực lượng này có thời gian và bố trí cán bộ thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản. Tuy nhiên, thẩm quyền điều tra giữa các đơn vị trong CQCSĐT các cấp chưa được phân định rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là thẩm quyền điều tra của hệ Văn phòng CQCSĐT chưa được quy định cụ thể (điều tra các vụ án đã rõ đối tượng phạm tội, thuộc thẩm quyền

điều tra của CQCSĐT hoặc các vụ án do Thủ trưởng CQCSĐT phân công) dẫn đến trùng đẫm về thẩm quyền, đối tượng điều tra với các đơn vị CSĐT còn lại, làm việc điều tra vụ án bị gián đoạn, kéo dài, gây khó khăn cho THQCT và KSĐT của VKSND các cấp. Do đó, Bộ Công an nên cân nhắc điều chỉnh thẩm quyền điều tra của hệ Văn phòng CQCSĐT cho phù hợp theo hướng Văn phòng CQCSĐT các cấp nên tập trung vào công tác tổng hợp công tác điều tra hình sự; phân loại, đề xuất xử lý nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của CQCSĐT; thẩm định, điều tra lại các vụ án có dấu hiệu oan, sai hoặc các vụ án lớn, phức tạp, liên quan đến nhiều hệ lực lượng theo phân công của Thủ trưởng CQCSĐT.

Ba là, đối với CQCSĐT Công an cấp huyện, do các đơn vị hành chính cấp huyện có số lượng tội phạm xảy khác nhau, cơ cấu tội phạm không đồng đều, vì vậy khi phân bổ ĐTV, KSV cho CQCSĐT Công an cấp huyện, VKSND cấp huyện cần căn cứ vào thực tế tình hình tội phạm, khối lượng công việc để bố trí, sắp xếp ĐTV cho từng đơn vị trong CQCSĐT cho hợp lý, bảo đảm đúng người, đúng việc, hiệu quả, tránh lãng phí nguồn nhân lực của CQCSĐT và VKSND. Hiện nay, CQCSĐT Công an và VKSND cấp huyện thụ lý, giải quyết 88% số VAHS xảy ra nhưng chỉ được phân bổ 67,9% số ĐTV của lực lượng CSĐT và 61,9% số KSV của VKSND là chưa đáp ứng được yêu cầu điều tra, xử lý tội phạm tại cơ sở, Bộ Công an và VKSND tối cao cần có sự điều chỉnh lại cho phù hợp.

4.3.3. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, giám sát của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị xã hội đối với hoạt động điều tra vụ án hình sự và thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra

- Đối với hoạt động điều tra VAHS và THQCT và KSĐT, Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối không can thiệp vào hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT trong từng vụ án cụ thể, bảo đảm cho các hoạt động TTHS này độc lập, quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND chặt chẽ, theo quy định của pháp luật.

Đảng đề ra các chủ trương cải cách tư pháp phù hợp với tình hình mới, nâng cao hiệu quả chất lượng công tác tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo đảm các điều kiện hoạt động cho các cơ quan tư pháp. Các chủ trương, chính sách của Đảng phải được các cơ quan tư pháp, trong đó có CQCSĐT, VKSND tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp và phân công người đứng đầu cơ quan tư pháp bảo đảm tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Bởi lẽ, hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT của CQCSĐT, VKSND có tính đặc thù cao, đòi hỏi phải lựa chọn cán bộ không những có đủ phẩm chất về chính trị mà còn phải có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tiễn, có bản lĩnh, sẵn sàng chấp nhận hy sinh, gian khổ, có tinh thần kiên quyết đấu tranh với tội phạm mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND phải chịu sự lãnh đạo của Đảng, Thủ trưởng CQCSĐT, Viện trưởng VKSND. Khi điều tra những vụ án phức tạp, có liên quan đến cán bộ, đảng viên, CQCSĐT và VKSND phải quán triệt, phối hợp thực hiện nghiêm các chỉ thị, quy định của Đảng bảo vệ chính trị nội bộ, phát ngôn, chế độ báo cáo, xin ý kiến cấp ủy. Đối với những vấn đề còn nhiều quan điểm khác nhau, hai cơ quan cần bàn bạc, trao đổi, thống nhất trước khi báo cáo với cấp ủy Đảng; nếu chưa thống nhất được cần tranh thủ ý kiến của thủ trưởng cấp trên hoặc cơ quan chuyên môn cấp trên trực tiếp, sau khi đi đến thống nhất mới báo cáo cấp ủy quyết định, tránh tình trạng lạm dụng việc báo cáo, xin ý kiến cấp ủy để đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, ảnh hưởng đến tiến độ điều tra VAHS.

Trong thời gian tới, trong điều kiện Đảng, Nhà nước ta thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động điều tra của CQCSĐT, THQCT và KSĐT của VKSND, trước hết cần hoàn thiện các quy định của Đảng về lãnh đạo đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật và công tác điều tra, xử lý tội phạm, cụ

thể hóa một số khái niệm còn chung chung như: vụ án tác động lớn đến chính trị, đối ngoại, vụ án được dư luận xã hội quan tâm, đối tượng có nhân thân đặc biệt...; quy định rõ hơn những vấn đề, vụ án cần xin ý kiến, trách nhiệm phối hợp của CQCSĐT và VKSND trong việc xin ý kiến cấp ủy và thời hạn cấp ủy phải có ý kiến trả lời để bảo đảm sự chủ động, độc lập của các cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác phòng, chống tội phạm. Mặt khác, cần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp cho Đảng trong lĩnh vực nội chính, tư pháp; kiện toàn Ban Nội chính, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp theo hướng gọn đầu mối, sáp nhập Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp vào Ban Nội chính, bổ sung nhiệm vụ cho Ban Nội chính để cơ quan này là cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng về công tác phòng, chống tội phạm và cải cách tư pháp ở trung ương và địa phương. Xây dựng quy chế phối hợp giữa Ban Nội chính Trung ương, Bộ Công an, VKSND tối cao về công tác điều tra, xử lý tội phạm để cụ thể các nội dung có liên quan đến công tác phối hợp giữa CQCSĐT, VKSND và cơ quan tham mưu của Đảng, giúp cho hoạt động phối hợp điều tra, xử lý tội phạm đi vào nề nếp, được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Tiếp tục đổi mới hoạt động giám sát của Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội, Hội đồng nhân dân đối với việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS, nhằm bảo đảm cho mối quan hệ này theo đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT. Quốc hội, Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát tại các kỳ họp, thông qua hoạt động của đại biểu, đoàn đại biểu các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, với hai hình thức giám sát cơ bản đó là: giám sát trực tiếp hoạt động điều tra, THQCT của CQCSĐT, VKSND và giám sát gián tiếp qua báo cáo, chất vấn, trả lời chất vấn về công tác phòng, chống tội phạm của lãnh đạo Chính phủ, Ủy ban nhân dân, Viện trưởng VKSND các cấp tại các kỳ họp của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân. Thực hiện Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ

chức Hội đồng nhân dân, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan, trong thời gian qua, Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đã tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát đối với CQCSĐT và VKSND, góp phần giúp các cơ quan tiến hành TTHS này chấp hành đúng pháp luật, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát đối với hoạt động tư pháp nói chung và hoạt động điều tra, truy tố nói riêng, cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn tại các kỳ họp tại các kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân, thường trực Hội đồng nhân dân đối với hoạt động tư pháp; quy định trách nhiệm, nghĩa vụ trả lời, giải trình, báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn của các chủ thể được chất vấn; hoàn thiện quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động giám sát của cơ quan dân cử; tăng cường hiệu lực pháp lý trong hoạt động giám sát theo chuyên đề về hoạt động điều tra, truy tố của các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đoàn đại biểu, đại biểu cơ quan dân cử.

- Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hội, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ, cơ quan thông tin đại chúng và nhân dân đối với mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, góp phần làm cho ĐTV, cán bộ điều tra, KSV, kiểm tra viên chấp hành đúng quy định của pháp luật; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; giữ vững bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Cá nhân, tổ chức giám sát hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT thông qua việc tố giác, cung cấp, đăng tải thông tin về tội phạm, tham dự các phiên tòa công khai xét xử VAHS, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên giám sát việc thực hiện pháp luật, việc giải quyết bồi thường oan, sai thuộc trách nhiệm của CQCSĐT, VKSND; kiến nghị CQCSĐT, VKSND khởi tố, điều tra tội phạm; tham gia góp ý, phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về TTHS, tổ chức điều tra hình sự, tổ chức VKSND... Tuy nhiên, hiện nay pháp luật chưa quy định cụ thể và đầy đủ về trách nhiệm, cơ

ché, điều kiện bảo đảm cho hoạt động giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên; hoạt động phản biện xã hội, một xu thế tất yếu của thế giới và tiến trình xây dựng nền tư pháp dân chủ, văn minh, chưa phát huy được hiệu quả; kiến thức, sự hiểu biết về pháp luật, nghiệp vụ điều tra, kiểm sát của cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp và nhân dân còn nhiều hạn chế, quá trình giám sát và phản biện xã hội còn biểu hiện né tránh, ngại va chạm với đối tượng được giám sát của CQCSĐT và VKSND.

Do vậy, để nâng cao hiệu quả giám sát và phản biện xã hội của các chủ thể, đặc biệt là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đối với hoạt động TTHS và việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND, ngoài việc nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ điều tra, kiểm sát về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giám sát, phản biện xã hội, thì yêu cầu đặt ra là cần có cơ chế pháp lý hiệu quả, đủ mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc thực hiện hoạt động giám sát và phản biện xã hội. Theo đó, cần xây dựng và ban hành Luật giám sát và phản biện xã hội, theo hướng mở rộng và quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện giám sát và phản biện xã hội, trách nhiệm giải trình, tiếp xúc, đối thoại với chủ thể giám sát, phản biện xã hội và nhân dân của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQCSĐT, Viện trưởng, Phó viện trưởng VKSND, ĐTV, KSV; quy định cơ chế phối hợp giữa Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Chính phủ, VKSND tối cao, giữa các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Bộ Công an, VKSND tối cao trong việc thực hiện giám sát hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT; thực hiện nghiêm các quy định của Chính phủ về phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ và đột xuất về kết quả hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT cho cơ quan phương tiện thông tin đại chúng.

4.3.4. Nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên

Việc xây dựng, tổ chức đội ngũ KSV có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực, trình độ chuyên môn vững vàng, có bản lĩnh nghiệp vụ và đặc biệt

là có ý thức trách nhiệm cao, có tinh thần kiên quyết đấu tranh chống tội phạm là một trong những yếu tố quan trọng, quyết định để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm nói chung và thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS nói riêng. Do vậy, phải chú trọng công tác tuyển chọn ĐTV, KSV ngay từ khâu tạo nguồn bổ nhiệm, lựa chọn cán bộ, đào tạo cán bộ và sử dụng cán bộ về công tác điều tra, THQCT và KSĐT VAHS. Tổ chức triển khai thi hành nghiêm túc, hiệu quả quy định của Luật tổ chức CQĐT hình sự, Luật tổ chức VKSND về thi tuyển, thi nâng ngạch ĐTV, KSV, Bộ Công an và VKSND tối cao cần phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan chuẩn hóa các quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, đối tượng thi tuyển, thi nâng ngạch ĐTV, KSV; nội dung kiểm tra bắt buộc phải có kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và năng lực thực tiễn thông qua hình thức thi viết và trắc nghiệm. Sau khi đã trúng tuyển và được bổ nhiệm, ĐTV, KSV cần được thường xuyên bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ điều tra, THQCT và KSĐT; thường xuyên được tham gia tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, tập huấn liên ngành để bảo đảm thống nhất về nhận thức. Riêng đối với KSV, ngoài kiến thức về nghiệp vụ THQCT và KSĐT, cần được đào tạo, bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ điều tra. Do đặc thù công việc đòi hỏi có tính chuyên môn, chuyên sâu nên Bộ Công an, VKSND tối cao cần hạn chế luân chuyển ĐTV, KSV sang môi trường công tác mới để họ có điều kiện nâng cao trình độ và tích lũy kinh nghiệm nghiệp vụ. Đây là một giải pháp hết sức quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn. Kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ ra rằng nhận thức pháp luật không đúng đắn, thống nhất là nguyên nhân quyết định dẫn đến việc thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ chức năng, nhiệm vụ; cùng với những nguyên nhân khác nó làm cho người tiến hành tố tụng không phát huy hết ý thức trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS có vị trí, vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, nhưng mối quan hệ này cũng rất phức tạp, đòi hỏi những người tiến hành tố

tụng, trực tiếp là ĐTV, KSV các cấp phải nhận thức đúng đắn, đầy đủ và có trách nhiệm cao để thực hiện có chất lượng, hiệu quả. Do đó, bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho đội ngũ ĐTV, KSV, cần nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và trách nhiệm của ĐTV, KSV trong việc thực hiện mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, bảo đảm đội ngũ ĐTV, KSV có nhận thức đúng đắn, thống nhất về mối quan hệ tổ tụng quan trọng này.

Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng thực hiện tốt việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ ĐTV, KSV làm công tác điều tra, THQCT và KSĐT, để họ thực sự là chỗ dựa tin cậy cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm đầy hy sinh, gian khổ. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm những năm qua cho thấy, ĐTV, KSV trực tiếp làm công tác này trước hết phải là những cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, chịu được áp lực công việc và phải có trách nhiệm cao với công việc được giao. Một yếu tố quan trọng khác, đó là cần quan tâm đến điều kiện sống, nâng cao mức lương của ĐTV, KSV đảm bảo có thể duy trì cuộc sống ổn định của bản thân và gia đình họ để họ toàn tâm, toàn ý trong công tác phòng chống tội phạm, không bị đồng tiền và lợi ích cám dỗ, dẫn lối cho hành vi tham nhũng, tiêu cực trong khi thi hành công vụ. Cần có chế độ, chính sách đặc thù, đặc biệt là lương, phụ cấp, của ĐTV, KSV trực tiếp thực hiện công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của CQCSĐT và VKSND phải cao hơn so với mức lương, phụ cấp trung bình, tương xứng với trọng trách họ được giao; đồng thời, cần thành lập quỹ bồi thường cho người bị oan trong TTHS để ĐTV, KSV yên tâm trong công tác điều tra, xử lý tội phạm.

4.3.5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ các phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại phục vụ hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân.

Trên cơ sở định hướng chung về cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp được các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp đề cập là: Tăng cường cơ sở

vật chất, phương tiện làm việc cho các cơ quan, cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp theo hướng hiện đại, không để lạc hậu hơn so với phương tiện hoạt động của bọn tội phạm. Trong việc xây dựng, trang bị cần đón đầu, tiếp cận ngay với những trang thiết bị, phương tiện hiện đại trong điều kiện cho phép. Bộ Công an, VKSND tối cao cần hoạch định những bước đi phù hợp để bảo đảm cơ sở vật chất về trụ sở, trang thiết bị phục vụ hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT, cụ thể là: từng bước xây dựng đầy đủ trụ sở làm việc cho CQCSĐT, VKSND các cấp đảm bảo khang trang, hiện đại, đầy đủ tiện nghi phục vụ hoạt động; trụ sở CQCSĐT phải có các hạng mục cơ bản sau đây: nhà tạm giữ, phòng tạm giữ hành chính, phòng tạm giam đối với những địa bàn ở xa trại tạm giam của Công an cấp tỉnh, phòng hỏi cung và phòng lấy lời khai có lắp đặt thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh, kho bảo quản vật chứng. Trụ sở VKSND cũng cần có các hạng mục: phòng tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, phòng lấy lời khai, phòng hỏi cung có lắp đặt thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh, phòng giao nhận hồ sơ giữa CQCSĐT và VKSND,... Trong quá trình thiết kế, thi công, cần chú ý ưu tiên bố trí trụ sở CQCSĐT, VKSND cùng cấp gần nhau để tạo thuận lợi cho việc thực hiện quan hệ phối hợp công tác giữa hai cơ quan.

Trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cho CQCSĐT, VKSND và đội ngũ ĐTV, KSV. Đặc biệt là các phương tiện phục vụ cho công tác điều tra, KSĐT như phương tiện đi lại, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác điều tra, thu thập dấu vết, chứng cứ như: ô tô, xe máy, camera, máy ảnh, máy tính, các dụng cụ bảo hộ, phòng, chống ô nhiễm, khí độc... nhằm động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ ĐTV, KSV trực tiếp làm công tác điều tra, KSĐT. Đặc biệt, cần trang bị công nghệ mới để đáp ứng yêu cầu đấu tranh với tội phạm sử dụng công nghệ cao, như: công nghệ khôi phục dữ liệu máy tính, điện thoại... để thu thập tài liệu chứng cứ, dữ liệu điện tử chứng minh tội phạm; thành lập trung tâm chỉ huy điều tra, hỏi cung, lấy lời khai bằng hình thức ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, vừa bảo đảm tính khách quan, chính xác, vừa

chống phản cung, thông cung, chống bức cung, dùng nhục hình trong hoạt động hỏi cung, lấy lời khai...

Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động nghiệp vụ điều tra, THQCT và KSĐT; cập nhật đầy đủ, thường xuyên, kịp thời và khai thác có hiệu quả các thông tin, dữ liệu về chính sách của Đảng, Nhà nước, về hệ thống pháp luật của Việt Nam và quốc tế; xây dựng mạng thông tin thông suốt từ CQCSĐT Bộ Công an, VKSND tối cao đến CQCSĐT, VKSND cấp huyện, từng bước xây dựng hệ thống CQCSĐT và VKSND “điện tử”; thực hiện số hóa hồ sơ VAHS để khai thác, lưu trữ, bảo quản lâu dài.

Bổ sung kinh phí cho hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là kinh phí để triển khai thực hiện các quy định mới của BLTTHS năm 2015 như: kinh phí triển khai Đề án ghi âm, ghi hình có âm thanh trong hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; kinh phí cho việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; tăng kinh phí cho hoạt động điều tra đối với các vụ án phải thuê cơ quan chuyên môn ngoài Công an nhân dân dịch tài liệu, thực hiện giám định trong xây dựng cơ bản, tài chính, ma túy số lượng lớn; có chế độ miễn giảm đối với những vụ án đòi hỏi kinh phí giám định lớn.

Kết luận Chương 4

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích những xu hướng hoàn thiện mô hình TTHS Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế; các quan điểm cơ bản của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 và các bộ luật, luật được ban hành từ năm 2014 đến nay, Chương 4 đã nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả việc thực hiện mối quan hệ tố tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS.

NCS hy vọng nếu được triển khai đồng bộ, các giải pháp trên sẽ phát huy được hiệu quả, góp phần quan trọng tăng cường được mối quan hệ tố tụng giữa

CQCSĐT và VKSND trong TTHS theo định hướng cải cách tư pháp. Trong đó, NCS đánh giá giải pháp: Hoàn thiện pháp luật về mối quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị xã hội đối với hoạt động điều tra, THQCT và KSĐT trong TTHS là quan trọng và có tính cấp bách trong tình hình hiện nay.

KẾT LUẬN

1. Mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS là mối quan hệ pháp luật tổ tụng, thể hiện nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, tác động đến toàn bộ quá trình TTHS. Mối quan hệ này xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của hai cơ quan và có tính gắn bó, phụ thuộc trong việc thực hiện chức năng buộc tội, một trong những chức năng cơ bản của TTHS. Pháp luật nhiều quốc gia và nhiều nhà nghiên cứu cũng đề cao mối quan hệ này và vai trò giám sát của VKS/cơ quan Công tố trong việc phòng, chống hành vi tham nhũng, tiêu cực, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật từ phía CQĐT và đội ngũ Cảnh sát tư pháp.

2. Kể từ khi thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên biệt, tương đối toàn diện về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong toàn bộ quá trình TTHS và đưa ra các quan điểm, giải pháp đổi mới, hoàn thiện mối quan hệ tổ tụng này theo định hướng cải cách tư pháp, phù hợp với quy định mới của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và hội nhập quốc tế.

3. Luận án đã nghiên cứu mô hình TTHS Việt Nam hiện nay, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT và VKSND trong TTHS, làm sáng tỏ và sâu sắc hơn những vấn đề lý luận về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS Việt Nam. Luận án đã xây dựng khái niệm mới về mối quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTHS, làm rõ ba yếu tố đặc trưng, quan trọng và xuyên suốt trong mối quan hệ tổ tụng này, đó là phân công, phối hợp và kiểm soát việc thực hiện quyền lực nước trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra nhằm điều tra, làm rõ tội phạm và người phạm tội, bảo đảm hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm,

điều tra VAHS đúng pháp luật, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm quyền con người trong TTTHS. Để thực hiện quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS, các chủ thể phải coi trọng cả 3 yếu tố phân công, phối hợp và kiểm soát, không được vì lý do gì mà xem nhẹ yếu tố nào.

4. Luận án làm sáng tỏ nội dung mỗi quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, tương trợ tư pháp về hình sự và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTTHS. Trên cơ sở đó, thu thập, phân tích số liệu, đánh giá thực trạng mỗi quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS Việt Nam hiện nay theo ba yếu tố phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong 10 năm (2008 – 2018), qua đó đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế đó.

5. Trên cơ sở phân tích, dự báo xu hướng vận động của mô hình TTTHS Việt Nam thời gian tới, những yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, các quy định của Hiến pháp năm 2013 và các bộ luật, luật mới được ban hành từ năm 2014 đến nay, Luận án đã xác định những quan điểm cơ bản, quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao hiệu quả mỗi quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời gian tới.

6. Từ những luận cứ lý luận và thực tiễn thu được trong quá trình nghiên cứu, NCS đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện mỗi quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS Việt Nam. Nếu được triển khai đồng bộ, các giải pháp trên sẽ phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng tăng cường mỗi quan hệ tổ tụng giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Trong đó, NCS đánh giá dù BLTTTHS năm 2015, Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015, Luật tổ chức VKSND năm 2014 mới được ban hành nhưng một số quy định của pháp luật về mỗi quan hệ giữa CQCSĐT và VKSND trong TTTHS vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hơn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đào Anh Tới (2016), “Quy định mới về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra thuộc Công an nhân dân trong Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015”, Tạp chí Kiểm sát số 19/2016, tr.43.
2. Đào Anh Tới (2017), “Vai trò “quyết định việc buộc tội” của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra theo quy định của BLTTHS năm 2015”, Tạp chí Kiểm sát số 9 năm 2017, tr.20.
3. Đào Anh Tới (2017), “Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và một số vấn đề về kiểm sát điều tra việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt”, Tạp chí Kiểm sát số 11/2017, tr.29;
4. Đào Anh Tới (2017), “Các mô hình tố tụng hình sự điển hình và xu hướng hoàn thiện của Việt Nam”, Tạp chí Công an nhân dân kỳ 1 tháng 5/2017, tr.110.
5. Đào Anh Tới (2017), “Mối quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong tố tụng hình sự”, Tạp chí Công an nhân dân kỳ 2 tháng 8/2017, tr.65.
6. Đào Anh Tới (2017), “Quan hệ phối hợp, kiểm soát giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong khởi tố, điều tra vụ án hình sự”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 14 tháng 7/2017, tr.55.
7. Đào Anh Tới (2017), “Chức năng buộc tội trong giai đoạn điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, Tạp chí Khoa học và Chiến lược số 7 tháng 7/2017, tr.77.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Nguyễn Ngọc Anh (2007), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của CQĐT trong Công an nhân dân theo tiến trình cải cách tư pháp*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2008), *Giáo trình Luật TTHS Việt Nam (đào tạo cao học luật, chuyên ngành Tội phạm học và điều tra tội phạm)*, trường đại học Cảnh sát nhân dân, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên) (2009), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2003*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đào Anh Tới (2012), *Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra theo định hướng cải cách tư pháp*”, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Anh (chủ nhiệm) (2009), *Cải cách tư pháp trong Công an nhân dân – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài khoa học trọng điểm cấp Bộ, Bộ Công an.
6. Ban cán sự Đảng VKSND tối cao (2011), *Đề án “Mô hình TTHS Việt Nam”*, Hà Nội.
7. Ban cán sự Đảng VKSND tối cao (2012), *Đề án “Nghiên cứu việc chuyển VKS thành Viện công tố”*, Hà Nội.
8. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội.
9. Nguyễn Hòa Bình (chủ biên) (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật TTHS năm 2015*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.

11. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

12. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Kết luận số 92 – KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

13. Bộ Công an (2014), *Thông tư số 28/2014/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự*, Hà Nội.

14. Bộ Công an (2015), *Báo cáo tổng kết thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004*, Hà Nội.

15. Bộ Công an (2016), *Báo cáo tổng kết thực hiện Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự*, Hà Nội.

16. Bộ Công an (2017), *Thông tư số 61/2017/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu sổ sách về điều tra hình sự*, Hà Nội.

17. Bộ Công an (2017), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Công an nhân dân năm 2014*, Hà Nội.

18. Bộ Công an (2017), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 và thực hiện dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự*, Hà Nội.

19. Bộ Công an, VKSND tối cao (1963), *Thông tư liên bộ số 427/TT-LB ngày 28/6/1963 quy định tạm thời một số nguyên tắc về quan hệ công tác giữa VKSND tối cao và Bộ Công an*, Hà Nội.

20. Bộ Công an, VKSND tối cao, Toà án nhân dân tối cao (2006), *Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/6/2006 hướng dẫn về việc gửi thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội*, Hà Nội.

21. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VKSND tối cao (2013), *Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật TTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, Hà Nội.

22. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, VKSND tối cao (2017), *Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật TTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, Hà Nội.

23. Bộ Tư pháp và Chương trình phát triển Liên hợp quốc (2011), *Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp của năm quốc gia Trung Quốc, In – đô – nê – xia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Nga*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

24. Nguyễn Ngọc Chí (2014), *Tổ chức và hoạt động điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát/Viện Công tố một số nước trên thế giới – Những kinh nghiệm rút ra đối với việc đổi mới Cơ quan điều tra VKSND*, Tạp chí Khoa học đại học Quốc gia Hà Nội, tập 30, số 1/2014, Hà Nội.

25. Chính phủ (1945), *Sắc lệnh 13/SL ngày 24/01/1946 về tổ chức Tòa án*, Hà Nội.

26. Chính phủ (2018), *Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an*, Hà Nội.

27. Chính phủ (từ năm 2008 đến năm 2018), *Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trình các kỳ họp Quốc hội khóa XIII, XIV*, Hà Nội.

28. Nguyễn Quang Chiến (2015), *Quá trình cải tổ mô hình CQĐT của một số nước cộng đồng các quốc gia độc lập*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “*Lực lượng Công an nhân dân với Chiến lược cải cách tư pháp*”, Bộ Công an, Hà Nội.

29. Vũ Duy Công (2015), *Cơ quan Cảnh sát điều tra trong TTHS*, Luận án tiến sĩ, đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

30. Đào Hữu Dân (2005), *Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự*, luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khoá X*, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa X của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội
36. Đảng ủy Công an Trung ương (2014), *Đề án Nghiên cứu tổ chức lại hệ thống CQĐT theo hướng thu gọn đầu mối*, Hà Nội.
37. Đảng ủy Công an Trung ương (2014), *Đề án quy hoạch tổng thể các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp trong Công an nhân dân*, Hà Nội.
38. Nguyễn Minh Đoan – Nguyễn Thu Hạnh (2014), *Quan niệm về kiểm soát và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (9).
39. Trần Ngọc Đường (2012), *Vị trí, vai trò của VKS trong cơ chế thực hiện và kiểm soát quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay – Thực tiễn và phương hướng hoàn thiện*, Hội thảo khoa học: “Quyền tư pháp – Cơ chế thực hiện và kiểm soát”, Hà Nội.
40. Lê Thị Tuyết Hoa (2005), *Quyền công tố ở Việt Nam*, luận án tiến sĩ luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
41. Bùi Nguyên Khánh (chủ nhiệm) (2010), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN trong giai đoạn từ nay đến 2020*, Đề tài khoa học cấp bộ, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.

42. Hồ Sỹ Long (2014), *Quan hệ phối hợp giữa CQĐT trong Công an nhân dân với VKSND trong điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

43. Lê Minh Long (2015), *Hoạt động của VKSND trong thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án xâm phạm tính mạng sức khỏe của con người*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

44. Đinh Thị Mai (2017), *Các chức năng của TTHS một số nước trên thế giới*, Tạp chí Kiểm sát (10).

45. C. Mác và Ph. Ăngghen (1994): *Toàn tập*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia – sự thật, tập 20, Hà Nội.

46. Michel Fromont (2006), *Các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới*, Nhà xuất bản Tư pháp.

47. Hải Minh (2017), *Cải cách tư pháp ở Ba Lan – Lựa chọn khó khăn*, www.tuoitre.vn>cai-cach-tu-phap-ba-lan.

48. Vũ Mộc (2009), *Một số ý kiến về tăng cường trách nhiệm của VKS trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra*, Tạp chí kiểm sát (16).

49. Nguyễn Thị Mai Nga (2008), *Quan hệ phối hợp giữa VKSND với CQCSĐT trong giải quyết các vụ án ma túy*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Trần Đình Nhã (2013), *Chủ trương của Đảng về tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế công tố gắn với điều tra – Những vấn đề đặt ra đối với việc sửa đổi BLTTHS*, Hội thảo khoa học xây dựng Bộ luật TTHS, Hà Nội.

51. Hoàng Phê (2017), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Hà Nội.

52. Học viện Cảnh sát nhân dân (2003), *Giáo trình Luật TTHS*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

53. Ngô Phi Phi (2008), *Chế độ kiểm sát Trung Quốc*, (www.tks.edu.vn/thongtinkhoahoc/luatnhanuoc).

54. Nguyễn Hải Phong (2014), *Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

55. Nguyễn Thái Phúc (1995), *Một số vấn đề về quyền công tố - Kỹ yếu Đề tài khoa học cấp bộ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của TTHS Việt Nam*, VKSND tối cao, Hà Nội

56. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Mối quan hệ giữa CQĐT với các cơ quan tham gia TTHS*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Quốc hội (1988), *Bộ luật TTHS*, Hà Nội.

58. Quốc hội (2003), *BLTTHS*, Hà Nội.

59. Quốc hội (2015), *BLTTHS*, Hà Nội.

60. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.

61. Quốc hội (2001), *Hiến pháp năm 1992 sửa đổi*, Hà Nội.

62. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.

63. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức VKSND*, Hà Nội.

64. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức VKSND*, Hà Nội.

65. Quốc hội (2015), *Luật tổ chức CQĐT hình sự*, Hà Nội.

66. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (đồng chủ biên) (2010), *Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

67. Nguyễn Văn Quyền (chủ nhiệm) (2016), *Quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Đề tài khoa học độc lập cấp nhà nước, Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương, Hà Nội.

68. Hoàng Thị Minh Sơn (2015), *Hoàn thiện quy định về biện pháp ngăn chặn nhằm bảo đảm quyền của người bị bắt, người bị tạm giam, tạm giữ*, Tạp chí Luật học số 11 (174), tr.58-65.

69. Nguyễn Tiến Sơn (2012), *Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong TTHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

70. Lê Hữu Thế (chủ biên) (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

71. Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên) (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

72. Nguyễn Thị Thủy (2014), *Mô hình TTHS Việt Nam và vấn đề áp dụng tố tụng tranh tụng*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

73. Tổng cục Cảnh sát (2013), *Báo cáo tổng kết thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự trong lực lượng Cảnh sát nhân dân*, Hà Nội.

74. Tổng cục Cảnh sát (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; bắt, giam giữ, điều tra, xử lý tội phạm*, Hà Nội.

75. Trường Đại học luật Hà Nội (2017), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

76. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2004, 2006, 2009), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, Hà Nội.

77. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2015), *Báo cáo về kết quả giám sát về tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động TTHS theo quy định của pháp luật*, Hà Nội

78. Đào Trí Úc, Phạm Hữu Nghị (Đồng chủ biên), (2009), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Bách Khoa, Hà Nội.

79. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

80. Võ Khánh Vinh (2004), *Về những xu hướng và nội dung cơ bản của chiến lược đấu tranh với tình hình tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 10, Hà Nội.

81. Võ Khánh Vinh (2011), *Xã hội học pháp luật: những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
82. Viện khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa – Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
83. VKSND tối cao (1998), *BLTTHS Canada, BLTTHS Hàn Quốc, BLTTHS Malaixia, BLTTHS Nhật Bản, BLTTHS Thái Lan*, Hà Nội.
84. VKSND tối cao (2008), *Quy chế Công tác THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các VAHS, ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSTC ngày 2/1/2008 của Viện trưởng VKSND tối cao*, Hà Nội.
85. VKSND tối cao (2013), *Hoàn thiện Bộ luật TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Hội thảo khoa học, Hà Nội.
86. VKSND tối cao (2015), *Báo cáo số 11/BC-VKS ngày 19/01/2015 tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật TTHS năm 2003*, Hà Nội.
87. VKSND tối cao (2015), *Báo cáo tổng hợp kinh nghiệm TTHS của một số nước trên thế giới (Pháp, Đức, Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc)*, Hồ sơ dự án Bộ luật TTHS, Hà Nội
88. VKSND tối cao (2017), *Báo cáo chuyên đề nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng*, Hà Nội.
89. VKSND tối cao (từ năm 2008 đến tháng 05/2018), *Báo cáo công tác của Viện trưởng VKSND tối cao và Báo cáo về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp trình các kỳ họp của Quốc hội khóa XIII, XIV*, Hà Nội
90. VKSND tối cao (2017), *Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ban hành quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố*, Hà Nội.
91. VKSND tối cao (2017), *Quyết định số 15/QĐ-VKSTC về việc ban hành biểu mẫu văn bản tố tụng, văn bản nghiệp vụ trong thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và truy tố*, Hà Nội.

92. VKSND tối cao - Bộ Nội vụ (1984), *Thông tư liên bộ số 01-TT/LB ngày 23/01/1984 về quan hệ giữa hai ngành Kiểm sát và Công an trong công tác điều tra và kiểm sát điều tra*, Hà Nội.

93. VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP*, ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS năm 2003, Hà Nội.

94. VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNTC-BCA-BQP-TANDTC quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, Hà Nội.

95. VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao (2018), *Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSNTC-BCA-BQP-TANDTC hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử*, Hà Nội.

96. Vụ Pháp chế Bộ Công an (2014), *Pháp luật Hoa kỳ về các biện pháp điều tra đặc biệt*, Hà Nội.

B. Tiếng nước ngoài

97. Allan Y. Jiao (2010), *Controlling Corruption and Misconduct: A Comparative Examination of Police Practices in Hong Kong and New York*, Asian Criminology 5, Hong Kong, China.

98. Charles T. Call (2002), *Challenges in Police Reform: Promoting Effectiveness and Accountability*, International Peace Academy, the United Nations, New York, USA.

99. David H. Bayley và Clifford D. Shearing (2002), *The new Structure of policing - Description, Conceptualization and Research Agenda* ([https://www.ncjrs.gov/The new Structure of policing - Description, Conceptualization and Research Agenda](https://www.ncjrs.gov/The_new_Structure_of_policing_-_Description,_Conceptualization_and_Research_Agenda)).

100. Department of Just (2000), *Manual for compliance with the United nations convention against illicit traffic in narcotic drugs and psychotropic substances*, New York, USA.
101. G.Slapper và D.Kelly (2003), *The English Legal System*, Cavendish Press, London, UK.
102. G.V.Kessel (1992), *Adversary Cecesses in the American Criminal Trial*, Notre Dame Law Review, New York, USA.
103. Jolowick (2003), *Ligitation Model and Ligitation*, Journal of Comparative & International Law No.8, 11-16 page, London, UK.
104. J. Herrmann (2005), *Models for the Reform of the Criminal Trial in Eastern Europe: A Comparative Perspective*, Transatlantic Law Journal No.16, 25-29 page, Warsaw.
105. Stephen Johnson và Lohanna Mendelson (2003), *Police reform in Latin America*, [www.csis.org/Police reform in Latin America](http://www.csis.org/Police%20reform%20in%20Latin%20America).
106. William E.Butler (2010), *A Study Report on Judicial System of the Russian Federation and some of the Eastern European countries*, Pennsylvania State University.

Phụ lục 1

SỐ LIỆU NGUỒN TIN VỀ TỘI PHẠM DO CƠ QUAN CSĐT THỤ LÝ, GIẢI QUYẾT

(Từ năm 01/01/2008 đến tháng 05/2018)

Tổng số	Nguồn tin báo về tội phạm					Kết quả giải quyết		
	Công dân	Cơ quan tổ chức	Phương tiện thông tin đại chúng	Người phạm tội tự thú	Công an phát hiện	Khởi tố	Không khởi tố	Đang giải quyết
1.008.387	555.720	94.788	6.050	38.318	313.608	606.413	279.883	12.529
	55,1%	9,4%	0,6%	3,8%	31,1%	67,6%	31,2%	2,2%

Nguồn: Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

Ghi chú: không tính số nguồn tin về tội phạm từ trước năm 2008 chuyển sang

Phụ lục 2

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, XỬ LÝ TỘI PHẠM CỦA CƠ QUAN CSĐT

(Từ năm 01/01/2008 đến tháng 05/2018)

Số vụ án/ bị can thụ lý, điều tra		Số vụ án/bị can đã kết thúc điều tra		Số vụ án/bị can tạm đình chỉ điều tra
Số vụ án/ bị can khởi tố mới	Số vụ án/bị can cơ quan khác khởi tố chuyển cho Cơ quan CSĐT, án năm cũ chuyển sang, án phục hồi điều tra	Đề nghị truy tố	Đình chỉ điều tra	
606.413/1.020.379	46.005/47.438	553.340/1.020.147 84,8%/95,5%	19.985/20.405 3%/1/91%	86.098/25.463 8%/2,38%

Nguồn:

- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;
- Cục Thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Phụ lục 3

**SỐ LIỆU THQCT VÀ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT NGUỒN TIN VỀ TỘI PHẠM, KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CỦA
CƠ QUAN CSĐT**

(Từ 01/01/2008 đến tháng 05/2018)

Số thứ tự	Tiêu chí	Tổng
1.	Số vụ VKS từ chối phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp	1.097
2.	Số vụ VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ người	3.145
3.	Số vụ VKS không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ	1.072
4.	Số vụ VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố VAHS	492
5.	Số vụ VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố VAHS	746
6.	Số vụ VKS yêu cầu Cơ quan CSĐT tự hủy bỏ quyết định khởi tố VAHS	219
7.	Số vụ Cơ quan CSĐT đã hủy bỏ quyết định khởi tố VAHS theo yêu cầu của VKS	131
8.	Số vụ VKSND trực tiếp ra quyết định hủy bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS	114
9.	Số vụ VKS yêu cầu Cơ quan CSĐT thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS	420

10.	Số vụ Cơ quan CSĐT đã thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố VAHS theo yêu cầu của VKS	182
11.	Số bị can VKSND đã hủy bỏ quyết định khởi tố bị can	2.708
12.	Số bị can VKSND đã ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT	128
13.	Số vụ VKSND yêu cầu Cơ quan CSĐT thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can	722
14.	Số bị can VKSND yêu cầu Cơ quan CSĐT ra quyết định khởi tố bị can	4.373
15.	Số vụ VKS không phê chuẩn lệnh khám xét, thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông	303
16.	Số lần VKSND kiến nghị, yêu cầu Cơ quan CSĐT khắc phục vi phạm và thực hiện hồi cung bị can	2.214
17.	Số lần VKSND kiến nghị, yêu cầu Cơ quan CSĐT trung cầu giám định	1.256
18.	Số bị can VKSND không phê chuẩn lệnh bắt để tạm giam bị can	1.830
19.	Số bị can VKSND không chuẩn lệnh tạm giam	2.312
20.	Số bị can VKSND hủy bỏ quyết định tạm giam bị can	9.312
21.	Số bị can VKSND yêu cầu Cơ quan CSĐT áp dụng biện pháp tạm giam bị can	918
22.	Số bị can Cơ quan CSĐT ra quyết định tạm giam bị can theo yêu cầu của VKSND	627
23.	Số lần Cơ quan CSĐT kiến nghị VKSND chưa áp dụng biện pháp tạm giam	233
24.	Số bị can bị Cơ quan CSĐT ra lệnh tạm giam, VKSND đã phê chuẩn nhưng sau đó chuyển xử lý hành chính	545

25.	Số vụ án/bị can VKSND trả hồ sơ cho Cơ quan CSĐT để điều tra bổ sung	16.914/ 32.632
26.	Số lần VKSND yêu cầu, kiến nghị Cơ quan CSĐT khắc phục, chấn chỉnh, xử lý, rút kinh nghiệm đối với sai sót, vi phạm trong hoạt động điều tra	5.878
27.	Số vụ án/bị can VKSND hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án	37/44
28.	Số vụ án/bị can VKSND hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra	8/5
29.	Số vụ án/bị can VKSND yêu cầu Cơ quan CSĐT phục hồi điều tra	45/49
30.	Số lần VKSND kiến nghị Cơ quan CSĐT chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, tồn tại và xử lý vi phạm của những cá nhân, tổ chức liên quan đến việc đình chỉ, tạm đình chỉ, phục hồi điều tra.	2.045
31.	Số lần VKSND kiểm sát trực tiếp hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS của Cơ quan CSĐT	2.550
32.	Số lần VKSND kiến nghị Cơ quan CSĐT phối hợp, khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS	2.009

Nguồn: Cục thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao